

BỘ QUỐC PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **94** /2021/TT-BQP

Hà Nội, ngày **16** tháng **7** năm **2021**

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ

ĐẾN Giờ: S.

Ngày: **22/7/2021**.

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ

THÔNG TƯ

Ban hành Tiêu chuẩn TCVN/QS 1822:2021, Trang phục Dân quân tự vệ

Giờ Ngày **21/8**

Kính chuyển: **(TT) (CCh)**

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006; Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật; đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 78/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Dân quân tự vệ về tổ chức xây dựng lực lượng và chế độ, chính sách đối với Dân quân tự vệ;

Căn cứ Nghị định số 164/2017/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;

Theo đề nghị của Tổng Tham mưu trưởng;

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Thông tư ban hành Tiêu chuẩn TCVN/QS 1822:2021, Trang phục Dân quân tự vệ.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Tiêu chuẩn quốc gia trong lĩnh vực quân sự, quốc phòng:

TCVN/QS 1822:2021, Trang phục Dân quân tự vệ.

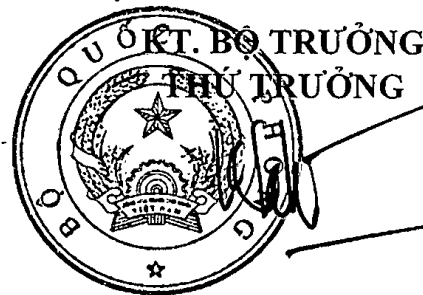
Điều 2. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày **01** tháng **9** năm 2021.

Bãi bỏ Tiêu chuẩn 1822:2014, Trang phục Dân quân tự vệ; ban hành kèm theo Thông tư số 193/2014/TT-BQP ngày 26 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

Điều 3. Tổng Tham mưu trưởng, người đứng đầu bộ, ngành Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Tư lệnh các quân khu, Tư lệnh Quân chủng Hải quân, Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Tư lệnh Bộ Tư lệnh thành phố Hồ Chí Minh, Chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy quân sự tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này. /.

Nơi nhận:

- Đ/c Bộ trưởng (để b/c);
- Đ/c Thứ trưởng Vũ Hải Sản;
- Các bộ, ngành Trung ương;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Bộ Tổng Tham mưu;
- Tổng cục Hậu cần;
- Các quân khu, Quân chủng HQ, BTL Thủ đô Hà Nội;
- Vụ Pháp chế/BQP;
- Cục TC-ĐL-CL; Cục DQTV/BTTM;
- Công TTĐT BQP (để đăng tải);
- Lưu: VT, THBĐ. H151.



Thượng tướng Vũ Hải Sản

TCVN/QS

TIÊU CHUẨN QUỐC GIA

TCVN/QS 1822:2021

TRANG PHỤC DÂN QUÂN TỰ VỆ

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 94 /2021/TT-BQP
ngày 16 tháng 7 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng)*

HÀ NỘI - 2021



Mục lục

	Trang
Lời nói đầu.....	19
TCVN/QS 1822-1:2021, Phần 1: Sao mũ	21
1 Phạm vi áp dụng.....	21
2 Quy định chung.....	21
3 Yêu cầu kỹ thuật.....	21
3.1 Yêu cầu chung.....	21
3.2 Chỉ tiêu kỹ thuật.....	21
4 Phương pháp kiểm tra.....	21
4.1 Tỷ lệ kiểm tra.....	21
4.2 Kiểm tra yêu cầu chung.....	21
4.3 Kiểm tra chỉ tiêu kỹ thuật.....	22
5 Xử lý chung.....	22
6 Ghi nhãn, bao gói, vận chuyển, bảo quản.....	22
6.1 Ghi nhãn.....	22
6.2 Bao gói.....	22
6.3 Vận chuyển.....	22
6.4 Bảo quản.....	22
TCVN/QS 1822-2:2021, Phần 2: Mũ cứng	23
1 Phạm vi áp dụng.....	23
2 Quy định chung.....	23
3 Yêu cầu kỹ thuật.....	23
3.1 Yêu cầu chung.....	23
3.2 Chỉ tiêu kỹ thuật.....	23
4 Phương pháp kiểm tra.....	24
4.1 Tỷ lệ kiểm tra.....	24
4.2 Kiểm tra yêu cầu chung.....	24
4.3 Kiểm tra chỉ tiêu kỹ thuật.....	24
5 Xử lý chung.....	24
6 Ghi nhãn, bao gói, vận chuyển, bảo quản.....	25
6.1 Ghi nhãn.....	25
6.2 Bao gói.....	25
6.3 Vận chuyển.....	25
6.4 Bảo quản.....	25
TCVN/QS 1822-3:2021, Phần 3: Mũ mềm	26
1 Phạm vi áp dụng.....	26

2 Quy định chung.....	26
3 Yêu cầu kỹ thuật	26
3.1 Yêu cầu chung	26
3.2 Chỉ tiêu kỹ thuật.....	26
4 Phương pháp kiểm tra.....	27
4.1 Tỷ lệ kiểm tra.....	27
4.2 Kiểm tra yêu cầu chung	27
4.3 Kiểm tra chỉ tiêu kỹ thuật	27
5 Xử lý chung	27
6 Ghi nhãn, bao gói, vận chuyển, bảo quản.....	27
6.1 Ghi nhãn.....	27
6.2 Bao gói.....	27
6.3 Vận chuyển	27
6.4 Bảo quản	27
TCVN/QS 1822-4:2021, Phần 4: Phù hiệu tay áo	28
1 Phạm vi áp dụng	28
2 Quy định chung.....	28
3 Yêu cầu kỹ thuật	28
3.1 Yêu cầu chung	28
3.2 Chỉ tiêu kỹ thuật.....	28
4 Phương pháp kiểm tra.....	28
4.1 Tỷ lệ kiểm tra.....	28
4.2 Kiểm tra yêu cầu chung	28
4.3 Kiểm tra chỉ tiêu kỹ thuật	29
5 Xử lý chung	29
6 Bao gói, vận chuyển, bảo quản.....	29
6.1 Bao gói.....	29
6.2 Vận chuyển	29
6.3 Bảo quản	29
TCVN/QS 1822-5:2021, Phần 5: Áo đông mặc ngoài chỉ huy Dân quân tự vệ nam	30
1 Phạm vi áp dụng	30
2 Quy định chung.....	30
3 Yêu cầu kỹ thuật	30
3.1 Yêu cầu chung	30
3.2 Chỉ tiêu kỹ thuật.....	30
4 Phương pháp kiểm tra.....	31
4.1 Tỷ lệ kiểm tra.....	31

4.2 Kiểm tra yêu cầu chung	31
4.3 Kiểm tra chỉ tiêu kỹ thuật	32
5 Xử lý chung	32
6 Ghi nhãn, bao gói, vận chuyển, bảo quản.....	32
6.1 Ghi nhãn.....	32
6.2 Bao gói.....	32
6.3 Vận chuyển	32
6.4 Bảo quản	32
TCVN/QS 1822-6:2021, Phần 6: Áo đông mặc trong chỉ huy Dân quân tự vệ nam	33
1 Phạm vi áp dụng	33
2 Quy định chung.....	33
3 Yêu cầu kỹ thuật	33
3.1 Yêu cầu chung	33
3.2 Chỉ tiêu kỹ thuật.....	33
4 Phương pháp kiểm tra.....	34
4.1 Tỷ lệ kiểm tra.....	34
4.2 Kiểm tra yêu cầu chung	34
4.3 Kiểm tra chỉ tiêu kỹ thuật	35
5 Xử lý chung	35
6 Ghi nhãn, bao gói, vận chuyển, bảo quản.....	35
6.1 Ghi nhãn.....	35
6.2 Bao gói.....	35
6.3 Vận chuyển	35
6.4 Bảo quản	35
TCVN/QS 1822-7:2021, Phần 7: Quần đông chỉ huy Dân quân tự vệ nam	36
1 Phạm vi áp dụng	36
2 Quy định chung.....	36
3 Yêu cầu kỹ thuật	36
3.1 Yêu cầu chung	36
3.2 Chỉ tiêu kỹ thuật.....	36
4 Phương pháp kiểm tra.....	37
4.1 Tỷ lệ kiểm tra.....	37
4.2 Kiểm tra yêu cầu chung	37
4.3 Kiểm tra chỉ tiêu kỹ thuật	38
5 Xử lý chung	38
6 Ghi nhãn, bao gói, vận chuyển, bảo quản.....	38
6.1 Ghi nhãn.....	38

6.2 Bao gói.....	38
6.3 Vận chuyển.....	38
6.4 Bảo quản.....	38
TCVN/QS 1822-8:2021, Phần 8: Áo đông mặc ngoài chỉ huy Dân quân tự vệ nữ.....	39
1 Phạm vi áp dụng.....	39
2 Quy định chung.....	39
3 Yêu cầu kỹ thuật.....	39
3.1 Yêu cầu chung.....	39
3.2 Chỉ tiêu kỹ thuật.....	39
4 Phương pháp kiểm tra.....	40
4.1 Tỷ lệ kiểm tra.....	40
4.2 Kiểm tra yêu cầu chung.....	40
4.3 Kiểm tra chỉ tiêu kỹ thuật.....	41
5 Xử lý chung.....	41
6 Ghi nhãn, bao gói, vận chuyển, bảo quản.....	41
6.1 Ghi nhãn.....	41
6.2 Bao gói.....	41
6.3 Vận chuyển.....	41
6.4 Bảo quản.....	41
TCVN/QS 1822-9:2021, Phần 9: Áo đông mặc trong chỉ huy Dân quân tự vệ nữ.....	42
1 Phạm vi áp dụng.....	42
2 Quy định chung.....	42
3 Yêu cầu kỹ thuật.....	42
3.1 Yêu cầu chung.....	42
3.2 Chỉ tiêu kỹ thuật.....	42
4 Phương pháp kiểm tra.....	43
4.1 Tỷ lệ kiểm tra.....	43
4.2 Kiểm tra yêu cầu chung.....	43
4.3 Kiểm tra chỉ tiêu kỹ thuật.....	44
5 Xử lý chung.....	44
6 Ghi nhãn, bao gói, vận chuyển, bảo quản.....	44
6.1 Ghi nhãn.....	44
6.2 Bao gói.....	44
6.3 Vận chuyển.....	44
6.4 Bảo quản.....	44
TCVN/QS 1822-10:2021, Phần 10: Quần đông chỉ huy Dân quân tự vệ nữ.....	45
1 Phạm vi áp dụng.....	45

2 Quy định chung.....	45
3 Yêu cầu kỹ thuật.....	45
3.1 Yêu cầu chung.....	45
3.2 Chỉ tiêu kỹ thuật.....	45
4 Phương pháp kiểm tra.....	46
4.1 Tỷ lệ kiểm tra.....	46
4.2 Kiểm tra yêu cầu chung.....	46
4.3 Kiểm tra chỉ tiêu kỹ thuật.....	47
5 Xử lý chung.....	47
6 Ghi nhãn, bao gói, vận chuyển, bảo quản.....	47
6.1 Ghi nhãn.....	47
6.2 Bao gói.....	47
6.3 Vận chuyển.....	47
6.4 Bảo quản.....	47
TCVN/QS 1822-11:2021, Phần 11: Áo hè chỉ huy Dân quân tự vệ nam	48
1 Phạm vi áp dụng.....	48
2 Quy định chung.....	48
3 Yêu cầu kỹ thuật.....	48
3.1 Yêu cầu chung.....	48
3.2 Chỉ tiêu kỹ thuật.....	48
4 Phương pháp kiểm tra.....	49
4.1 Tỷ lệ kiểm tra.....	49
4.2 Kiểm tra yêu cầu chung.....	49
4.3 Kiểm tra chỉ tiêu kỹ thuật.....	50
5 Xử lý chung.....	50
6 Ghi nhãn, bao gói, vận chuyển, bảo quản.....	50
6.1 Ghi nhãn.....	50
6.2 Bao gói.....	50
6.3 Vận chuyển.....	50
6.4 Bảo quản.....	50
TCVN/QS 1822-12:2021, Phần 12: Quần hè chỉ huy Dân quân tự vệ nam	51
1 Phạm vi áp dụng.....	51
2 Quy định chung.....	51
3 Yêu cầu kỹ thuật.....	51
3.1 Yêu cầu chung.....	51
3.2 Chỉ tiêu kỹ thuật.....	51
4 Phương pháp kiểm tra.....	52

4.1 Tỷ lệ kiểm tra.....	52
4.2 Kiểm tra yêu cầu chung.....	52
4.3 Kiểm tra chỉ tiêu kỹ thuật.....	53
5 Xử lý chung.....	53
6 Ghi nhãn, bao gói, vận chuyển, bảo quản.....	53
6.1 Ghi nhãn.....	53
6.2 Bao gói.....	53
6.3 Vận chuyển.....	53
6.4 Bảo quản.....	53
TCVN/QS 1822-13:2021, Phần 13: Áo hè chỉ huy Dân quân tự vệ nữ.....	54
1 Phạm vi áp dụng.....	54
2 Quy định chung.....	54
3 Yêu cầu kỹ thuật.....	54
3.1 Yêu cầu chung.....	54
3.2 Chỉ tiêu kỹ thuật.....	54
4 Phương pháp kiểm tra.....	55
4.1 Tỷ lệ kiểm tra.....	55
4.2 Kiểm tra yêu cầu chung.....	55
4.3 Kiểm tra chỉ tiêu kỹ thuật.....	56
5 Xử lý chung.....	56
6 Ghi nhãn, bao gói, vận chuyển, bảo quản.....	56
6.1 Ghi nhãn.....	56
6.2 Bao gói.....	56
6.3 Vận chuyển.....	56
6.4 Bảo quản.....	56
TCVN/QS 1822-14:2021, Phần 14: Quần hè chỉ huy Dân quân tự vệ nữ.....	57
1 Phạm vi áp dụng.....	57
2 Quy định chung.....	57
3 Yêu cầu kỹ thuật.....	57
3.1 Yêu cầu chung.....	57
3.2 Chỉ tiêu kỹ thuật.....	57
4 Phương pháp kiểm tra.....	58
4.1 Tỷ lệ kiểm tra.....	58
4.2 Kiểm tra yêu cầu chung.....	58
4.3 Kiểm tra chỉ tiêu kỹ thuật.....	59
5 Xử lý chung.....	59
6 Ghi nhãn, bao gói, vận chuyển, bảo quản.....	59

6.1 Ghi nhãn.....	59
6.2 Bao gói.....	59
6.3 Vận chuyển.....	59
6.4 Bảo quản.....	59
TCVN/QS 1822-15:2021, Phần 15: Áo chiến sĩ nam	60
1 Phạm vi áp dụng.....	60
2 Quy định chung.....	60
3 Yêu cầu kỹ thuật.....	60
3.1 Yêu cầu chung.....	60
3.2 Chỉ tiêu kỹ thuật.....	60
4 Phương pháp kiểm tra.....	61
4.1 Tỷ lệ kiểm tra.....	61
4.2 Kiểm tra yêu cầu chung.....	62
4.3 Kiểm tra chỉ tiêu kỹ thuật.....	62
5 Xử lý chung.....	62
6 Ghi nhãn, bao gói, vận chuyển, bảo quản.....	62
6.1 Ghi nhãn.....	62
6.2 Bao gói.....	62
6.3 Vận chuyển.....	62
6.4 Bảo quản.....	62
TCVN/QS 1822-16:2021, Phần 16: Quần chiến sĩ nam	63
1 Phạm vi áp dụng.....	63
2 Quy định chung.....	63
3 Yêu cầu kỹ thuật.....	63
3.1 Yêu cầu chung.....	63
3.2 Chỉ tiêu kỹ thuật.....	63
4 Phương pháp kiểm tra.....	64
4.1 Tỷ lệ kiểm tra.....	64
4.2 Kiểm tra yêu cầu chung.....	65
4.3 Kiểm tra chỉ tiêu kỹ thuật.....	65
5 Xử lý chung.....	65
6 Ghi nhãn, bao gói, vận chuyển, bảo quản.....	65
6.1 Ghi nhãn.....	65
6.2 Bao gói.....	65
6.3 Vận chuyển.....	65
6.4 Bảo quản.....	65

TCVN/QS 1822-17:2021, Phần 17: Áo chiến sĩ nữ	66
1 Phạm vi áp dụng	66
2 Quy định chung	66
3 Yêu cầu kỹ thuật	66
3.1 Yêu cầu chung	66
3.2 Chỉ tiêu kỹ thuật	66
4 Phương pháp kiểm tra	67
4.1 Tỷ lệ kiểm tra	67
4.2 Kiểm tra yêu cầu chung	67
4.3 Kiểm tra chỉ tiêu kỹ thuật	68
5 Xử lý chung	68
6 Ghi nhãn, bao gói, vận chuyển, bảo quản	68
6.1 Ghi nhãn	68
6.2 Bao gói	68
6.3 Vận chuyển	68
6.4 Bảo quản	68
TCVN/QS 1822-18:2021, Phần 18: Quần chiến sĩ nữ	69
1 Phạm vi áp dụng	69
2 Quy định chung	69
3 Yêu cầu kỹ thuật	69
3.1 Yêu cầu chung	69
3.2 Chỉ tiêu kỹ thuật	69
4 Phương pháp kiểm tra	70
4.1 Tỷ lệ kiểm tra	70
4.2 Kiểm tra yêu cầu chung	70
4.3 Kiểm tra chỉ tiêu kỹ thuật	71
5 Xử lý chung	71
6 Ghi nhãn, bao gói, vận chuyển, bảo quản	71
6.1 Ghi nhãn	71
6.2. Bao gói	71
6.3 Vận chuyển	71
6.4 Bảo quản	71
TCVN/QS 1822-19:2021, Phần 19: Áo ấm chiến sĩ nam	72
1 Phạm vi áp dụng	72
2 Quy định chung	72
3 Yêu cầu kỹ thuật	72
3.1 Yêu cầu chung	72
3.2 Chỉ tiêu kỹ thuật	72
4 Phương pháp kiểm tra	73

4.1 Tỷ lệ kiểm tra.....	73
4.2 Kiểm tra yêu cầu chung.....	73
4.3 Kiểm tra chỉ tiêu kỹ thuật.....	74
5 Xử lý chung.....	74
6 Ghi nhãn, bao gói, vận chuyển, bảo quản.....	74
6.1 Ghi nhãn.....	74
6.2 Bao gói.....	74
6.3 Vận chuyển.....	74
6.4 Bảo quản.....	74
TCVN/QS 1822-20:2021, Phần 20: Áo ấm chiến sĩ nữ.....	75
1 Phạm vi áp dụng.....	75
2 Quy định chung.....	75
3 Yêu cầu kỹ thuật.....	75
3.1 Yêu cầu chung.....	75
3.2 Chỉ tiêu kỹ thuật.....	75
4 Phương pháp kiểm tra.....	76
4.1 Tỷ lệ kiểm tra.....	76
4.2 Kiểm tra yêu cầu chung.....	76
4.3 Kiểm tra chỉ tiêu kỹ thuật.....	77
5 Xử lý chung.....	77
6 Ghi nhãn, bao gói, vận chuyển, bảo quản.....	77
6.1 Ghi nhãn.....	77
6.2 Bao gói.....	77
6.3 Vận chuyển.....	77
6.4 Bảo quản.....	77
TCVN/QS 1822-21:2021, Phần 21: Cravat.....	78
1 Phạm vi áp dụng.....	78
2 Quy định chung.....	78
3 Yêu cầu kỹ thuật.....	78
3.1 Yêu cầu chung.....	78
3.2 Chỉ tiêu kỹ thuật.....	78
4 Phương pháp kiểm tra.....	79
4.1 Tỷ lệ kiểm tra.....	79
4.2 Kiểm tra yêu cầu chung.....	79
4.3 Kiểm tra chỉ tiêu kỹ thuật.....	79
5 Xử lý chung.....	79
6 Ghi nhãn, bao gói, vận chuyển, bảo quản.....	79

6.1 Ghi nhãn.....	79
6.2 Bao gói.....	79
6.3 Vận chuyển.....	79
6.4 Bảo quản.....	79
TCVN/QS 1822-22:2021, Phần 22: Dây lưng.....	80
1 Phạm vi áp dụng.....	80
2 Quy định chung.....	80
3 Yêu cầu kỹ thuật.....	80
3.1 Yêu cầu chung.....	80
3.2 Chỉ tiêu kỹ thuật.....	80
4 Phương pháp kiểm tra.....	81
4.1 Tỷ lệ kiểm tra.....	81
4.2 Kiểm tra yêu cầu chung.....	81
4.3 Kiểm tra chỉ tiêu kỹ thuật.....	81
5 Xử lý chung.....	81
6 Ghi nhãn, bao gói, vận chuyển, bảo quản.....	81
6.1 Ghi nhãn.....	81
6.2 Bao gói.....	81
6.3 Vận chuyển.....	81
6.4 Bảo quản.....	81
TCVN/QS 1822-23:2021, Phần 23: Bít tất.....	82
1 Phạm vi áp dụng.....	82
2 Quy định chung.....	82
3 Yêu cầu kỹ thuật.....	82
3.1 Yêu cầu chung.....	82
3.2 Chỉ tiêu kỹ thuật.....	82
4 Phương pháp kiểm tra.....	82
4.1 Tỷ lệ kiểm tra.....	82
4.2 Kiểm tra yêu cầu chung.....	83
4.3 Kiểm tra chỉ tiêu kỹ thuật.....	83
5 Xử lý chung.....	83
6 Ghi nhãn, bao gói, vận chuyển, bảo quản.....	83
6.1 Ghi nhãn.....	83
6.2 Bao gói.....	83
6.3 Vận chuyển.....	83
6.4 Bảo quản.....	83

TCVN/QS 1822-24:2021, Phần 24: Giày da đen nam	84
1 Phạm vi áp dụng	84
2 Quy định chung.....	84
3 Yêu cầu kỹ thuật	84
3.1 Yêu cầu chung	84
3.2 Chỉ tiêu kỹ thuật.....	85
4 Phương pháp kiểm tra.....	85
4.1 Tỷ lệ kiểm tra	85
4.2 Kiểm tra yêu cầu chung	85
4.3 Kiểm tra chỉ tiêu kỹ thuật	85
5 Xử lý chung	85
6 Ghi nhãn, bao gói, vận chuyển, bảo quản.....	86
6.1 Ghi nhãn.....	86
6.2 Bao gói.....	86
6.3 Vận chuyển	86
6.4 Bảo quản	86
TCVN/QS 1822-25:2021, Phần 25: Giày da đen nữ	87
1 Phạm vi áp dụng	87
2 Quy định chung.....	87
3 Yêu cầu kỹ thuật	87
3.1 Yêu cầu chung	87
3.2 Chỉ tiêu kỹ thuật.....	88
4 Phương pháp kiểm tra.....	88
4.1 Tỷ lệ kiểm tra	88
4.2 Kiểm tra yêu cầu chung	88
4.3 Kiểm tra chỉ tiêu kỹ thuật	88
5 Xử lý chung	88
6 Ghi nhãn, bao gói, vận chuyển, bảo quản.....	89
6.1 Ghi nhãn.....	89
6.2 Bao gói.....	89
6.3 Vận chuyển	89
6.4 Bảo quản	89
TCVN/QS 1822-26:2021, Phần 26: Giày vải thấp cổ	90
1 Phạm vi áp dụng	90
2 Quy định chung.....	90
3 Yêu cầu kỹ thuật	90
3.1 Yêu cầu chung	90
3.2 Chỉ tiêu kỹ thuật.....	91

4 Phương pháp kiểm tra.....	91
4.1 Tỷ lệ kiểm tra.....	91
4.2 Kiểm tra yêu cầu chung.....	91
4.3 Kiểm tra chỉ tiêu kỹ thuật.....	91
5 Xử lý chung.....	91
6 Ghi nhãn, bao gói, vận chuyển, bảo quản.....	91
6.1 Ghi nhãn.....	91
6.2 Bao gói.....	91
6.3 Vận chuyển.....	92
6.4 Bảo quản.....	92
TCVN/QS 1822-27:2021, Phần 27: Giày vải cao cổ.....	93
1 Phạm vi áp dụng.....	93
2 Quy định chung.....	93
3 Yêu cầu kỹ thuật.....	93
3.1 Yêu cầu chung.....	93
3.2 Chỉ tiêu kỹ thuật.....	93
4 Phương pháp kiểm tra.....	94
4.1 Tỷ lệ kiểm tra.....	94
4.2 Kiểm tra yêu cầu chung.....	94
4.3 Kiểm tra chỉ tiêu kỹ thuật.....	94
5 Xử lý chung.....	94
6 Ghi nhãn, bao gói, vận chuyển, bảo quản.....	94
6.1 Ghi nhãn.....	94
6.2 Bao gói.....	94
6.3 Vận chuyển.....	94
6.4 Bảo quản.....	94
TCVN/QS 1822-28:2021, Phần 28: Quần, áo đi mưa.....	95
1 Phạm vi áp dụng.....	95
2 Quy định chung.....	95
3 Yêu cầu kỹ thuật.....	95
3.1 Yêu cầu chung.....	95
3.2 Chỉ tiêu kỹ thuật.....	96
4 Phương pháp kiểm tra.....	96
4.1 Tỷ lệ kiểm tra.....	96
4.2 Kiểm tra yêu cầu chung.....	97
4.3 Kiểm tra chỉ tiêu kỹ thuật.....	97
5 Xử lý chung.....	97

6 Ghi nhãn, bao gói, vận chuyển, bảo quản.....	97
6.1 Ghi nhãn.....	97
6.2 Bao gói.....	97
6.3 Vận chuyển.....	97
6.4 Bảo quản.....	97
TCVN/QS 1822-29:2021, Phần 29: Áo mưa chiến sĩ	98
1 Phạm vi áp dụng.....	98
2 Quy định chung.....	98
3 Yêu cầu kỹ thuật.....	98
3.1 Yêu cầu chung.....	98
3.2 Chỉ tiêu kỹ thuật.....	98
4 Phương pháp kiểm tra.....	98
4.1 Tỷ lệ kiểm tra.....	98
4.2 Kiểm tra yêu cầu chung.....	98
4.3 Kiểm tra chỉ tiêu kỹ thuật.....	99
5 Xử lý chung.....	99
6 Ghi nhãn, bao gói, vận chuyển, bảo quản.....	99
6.1 Ghi nhãn.....	99
6.2 Bao gói.....	99
6.3 Vận chuyển.....	99
6.4 Bảo quản.....	99
TCVN/QS 1822-30:2021, Phần 30: Màn tuyn đơn dân quân thường trực	100
1 Phạm vi áp dụng.....	100
2 Quy định chung.....	100
3 Yêu cầu kỹ thuật.....	100
3.1 Yêu cầu chung.....	100
3.2 Chỉ tiêu kỹ thuật.....	100
4 Phương pháp kiểm tra.....	101
4.1 Tỷ lệ kiểm tra.....	101
4.2 Kiểm tra yêu cầu chung.....	101
4.3 Kiểm tra chỉ tiêu kỹ thuật.....	101
5 Xử lý chung.....	102
6 Ghi nhãn, bao gói, vận chuyển, bảo quản.....	102
6.1 Ghi nhãn.....	102
6.2 Bao gói.....	102
6.3 Vận chuyển.....	102
6.4 Bảo quản.....	102

TCVN/QS 1822-31:2021, Phần 31: Chiếu cói đơn dân quân thường trực	103
1 Phạm vi áp dụng	103
2 Quy định chung.....	103
3 Yêu cầu kỹ thuật	103
3.1 Yêu cầu chung	103
3.2 Chỉ tiêu kỹ thuật.....	104
4 Phương pháp kiểm tra.....	104
4.1 Tỷ lệ kiểm tra.....	104
4.2 Kiểm tra yêu cầu chung	104
4.3 Kiểm tra chỉ tiêu kỹ thuật	104
5 Xử lý chung	104
6 Ghi nhãn, bao gói, vận chuyển, bảo quản.....	104
6.1 Ghi nhãn.....	104
6.2 Bao gói.....	104
6.3 Vận chuyển	105
6.4 Bảo quản	105
TCVN/QS 1822-32:2021, Phần 32: Chăn đơn dân quân thường trực	106
1 Phạm vi áp dụng	106
2 Quy định chung.....	106
3 Yêu cầu kỹ thuật	106
3.1 Yêu cầu chung	106
3.2 Chỉ tiêu kỹ thuật.....	106
4 Phương pháp kiểm tra.....	107
4.1 Tỷ lệ kiểm tra.....	107
4.2 Kiểm tra yêu cầu chung	107
4.3 Kiểm tra chỉ tiêu kỹ thuật	107
5 Xử lý chung	108
6 Ghi nhãn, bao gói, vận chuyển, bảo quản.....	108
6.1 Ghi nhãn.....	108
6.2 Bao gói.....	108
6.3 Vận chuyển	108
6.4 Bảo quản	108
TCVN/QS 1822-33:2021, Phần 33: Đệm giường dân quân thường trực	109
1 Phạm vi áp dụng	109
2 Quy định chung.....	109
3 Yêu cầu kỹ thuật	109
3.1 Yêu cầu chung	109

3.2 Chỉ tiêu kỹ thuật.....	109
4 Phương pháp kiểm tra.....	110
4.1 Tỷ lệ kiểm tra.....	110
4.2 Kiểm tra yêu cầu chung.....	110
4.3 Kiểm tra chỉ tiêu kỹ thuật.....	110
5 Xử lý chung.....	110
6 Ghi nhãn, bao gói, vận chuyển, bảo quản.....	110
6.1 Ghi nhãn.....	110
6.2 Bao gói.....	110
6.3 Vận chuyển.....	111
6.4 Bảo quản.....	111
TCVN/QS 1822-34:2021, Phần 34: Gói dân quân thường trực.....	112
1 Phạm vi áp dụng.....	112
2 Quy định chung.....	112
3 Yêu cầu kỹ thuật.....	112
3.1 Yêu cầu chung.....	112
3.2 Chỉ tiêu kỹ thuật.....	113
4 Phương pháp kiểm tra.....	113
4.1 Tỷ lệ kiểm tra.....	113
4.2 Kiểm tra yêu cầu chung.....	113
4.3 Kiểm tra chỉ tiêu kỹ thuật.....	113
5 Xử lý chung.....	113
6 Ghi nhãn, bao gói, vận chuyển, bảo quản.....	114
6.1 Ghi nhãn.....	114
6.2 Bao gói.....	114
6.3 Vận chuyển.....	114
6.4 Bảo quản.....	114
TCVN/QS 1822-35:2021, Phần 35: Ba lô dân quân thường trực.....	115
1 Phạm vi áp dụng.....	115
2 Quy định chung.....	115
3 Yêu cầu kỹ thuật.....	115
3.1 Yêu cầu chung.....	115
3.2 Chỉ tiêu kỹ thuật.....	116
4 Phương pháp kiểm tra.....	117
4.1 Tỷ lệ kiểm tra.....	117
4.2 Kiểm tra yêu cầu chung.....	117
4.3 Kiểm tra chỉ tiêu kỹ thuật.....	117

5 Xử lý chung	117
6 Ghi nhãn, bao gói, vận chuyển, bảo quản	117
6.1 Ghi nhãn	117
6.2 Bao gói	117
6.3 Vận chuyển	118
6.4 Bảo quản	118
TCVN/QS 1822-36:2021, Phần 36: Quần lót dân quân thường trực	119
1 Phạm vi áp dụng	119
2 Quy định chung	119
3 Yêu cầu kỹ thuật	119
3.1 Yêu cầu chung	119
3.2 Chỉ tiêu kỹ thuật	119
4 Phương pháp kiểm tra	120
4.1 Tỷ lệ kiểm tra	120
4.2 Kiểm tra yêu cầu chung	120
4.3 Kiểm tra chỉ tiêu kỹ thuật	121
5 Xử lý chung	121
6 Ghi nhãn, bao gói, vận chuyển, bảo quản	121
6.1 Ghi nhãn	121
6.2 Bao gói	121
6.3 Vận chuyển	121
6.4 Bảo quản	121
TCVN/QS 1822-37:2021, Phần 37: Áo lót dân quân thường trực	122
1 Phạm vi áp dụng	122
2 Quy định chung	122
3 Yêu cầu kỹ thuật	122
3.1 Yêu cầu chung	122
3.2 Chỉ tiêu kỹ thuật	122
4 Phương pháp kiểm tra	123
4.1 Tỷ lệ kiểm tra	123
4.2 Kiểm tra yêu cầu chung	123
4.3 Kiểm tra chỉ tiêu kỹ thuật	123
5 Xử lý chung	123
6 Ghi nhãn, bao gói, vận chuyển, bảo quản	123
6.1 Ghi nhãn	123
6.2 Bao gói	124
6.3 Vận chuyển	124

6.4 Bảo quản	124
TCVN/QS 1822-38:2021, Phần 38: Khăn mặt dân quân thường trực	125
1 Phạm vi áp dụng	125
2 Quy định chung.....	125
3 Yêu cầu kỹ thuật	125
3.1 Yêu cầu chung	125
3.2 Chỉ tiêu kỹ thuật.....	125
4 Phương pháp kiểm tra.....	126
4.1 Tỷ lệ kiểm tra.....	126
4.2 Kiểm tra yêu cầu chung.....	126
4.3 Kiểm tra chỉ tiêu kỹ thuật	126
5 Xử lý chung	126
6 Ghi nhãn, bao gói, vận chuyển, bảo quản.....	126
6.1 Ghi nhãn.....	126
6.2 Bao gói.....	126
6.3 Vận chuyển	126
6.4 Bảo quản	127
Phụ lục A (Quy định) Danh mục phương tiện đo, kiểm tra các chỉ tiêu kỹ thuật của trang phục Dân quân tự vệ.....	128
Phụ lục B (Quy định) Chỉ tiêu kỹ thuật nguyên liệu của trang phục Dân quân tự vệ.....	130
Phụ lục C (Quy định) Chỉ tiêu kỹ thuật cơ bản của trang phục Dân quân tự vệ.....	153
Phụ lục D (Quy định) Quy cách bao PP đựng trang phục Dân quân tự vệ	183
Phụ lục E (Tham khảo) Hình bộ trang phục Dân quân tự vệ	184

Lời nói đầu

TCVN/QS 1822:2021 thay thế TCVN/QS 1822:2014.

Cơ quan biên soạn: Ban Biên soạn tiêu chuẩn Cục Dân quân tự vệ/Bộ Tổng Tham mưu.

Cơ quan đề nghị ban hành: Cục Dân quân tự vệ/Bộ Tổng Tham mưu.

Cơ quan trình duyệt: Bộ Tổng Tham mưu.

Cơ quan xét duyệt và ban hành: Bộ Quốc phòng.

Tiêu chuẩn TCVN/QS 1822:2021, Trang phục Dân quân tự vệ, gồm 38 phần:

- TCVN/QS 1822-1:2021, Phần 1: Sao mũ;
- TCVN/QS 1822-2:2021, Phần 2: Mũ cứng;
- TCVN/QS 1822-3:2021, Phần 3: Mũ mềm;
- TCVN/QS 1822-4:2021, Phần 4: Phù hiệu tay áo;
- TCVN/QS 1822-5:2021, Phần 5: Áo đông mặc ngoài chỉ huy Dân quân tự vệ nam;
- TCVN/QS 1822-6:2021, Phần 6: Áo đông mặc trong chỉ huy Dân quân tự vệ nam;
- TCVN/QS 1822-7:2021, Phần 7: Quần đông chỉ huy Dân quân tự vệ nam;
- TCVN/QS 1822-8:2021, Phần 8: Áo đông mặc ngoài chỉ huy Dân quân tự vệ nữ;
- TCVN/QS 1822-9:2021, Phần 9: Áo đông mặc trong chỉ huy Dân quân tự vệ nữ;
- TCVN/QS 1822-10:2021, Phần 10: Quần đông chỉ huy Dân quân tự vệ nữ;
- TCVN/QS 1822-11:2021, Phần 11: Áo hè chỉ huy Dân quân tự vệ nam;
- TCVN/QS 1822-12:2021, Phần 12: Quần hè chỉ huy Dân quân tự vệ nam;
- TCVN/QS 1822-13:2021, Phần 13: Áo hè chỉ huy Dân quân tự vệ nữ;
- TCVN/QS 1822-14:2021, Phần 14: Quần hè chỉ huy Dân quân tự vệ nữ;
- TCVN/QS 1822-15:2021, Phần 15: Áo chiến sĩ nam;
- TCVN/QS 1822-16:2021, Phần 16: Quần chiến sĩ nam;
- TCVN/QS 1822-17:2021, Phần 17: Áo chiến sĩ nữ;
- TCVN/QS 1822-18:2021, Phần 18: Quần chiến sĩ nữ;
- TCVN/QS 1822-19:2021, Phần 19: Áo ấm chiến sĩ nam;
- TCVN/QS 1822-20:2021, Phần 20: Áo ấm chiến sĩ nữ;
- TCVN/QS 1822-21:2021, Phần 21: Cravat;
- TCVN/QS 1822-22:2021, Phần 22: Dây lưng;
- TCVN/QS 1822-23:2021, Phần 23: Bít tất;
- TCVN/QS 1822-24:2021, Phần 24: Giày da đen nam;

- TCVN/QS 1822-25:2021, Phần 25: Giày da đen nữ;
- TCVN/QS 1822-26:2021, Phần 26: Giày vải thấp cổ;
- TCVN/QS 1822-27:2021, Phần 27: Giày vải cao cổ;
- TCVN/QS 1822-28:2021, Phần 28: Quần, áo đi mưa;
- TCVN/QS 1822-29:2021, Phần 29: Áo mưa chiến sĩ;
- TCVN/QS 1822-30:2021, Phần 30: Mũ tuyn đơn dân quân thường trực;
- TCVN/QS 1822-31:2021, Phần 31: Chiếu cói đơn dân quân thường trực;
- TCVN/QS 1822-32:2021, Phần 32: Chăn đơn dân quân thường trực;
- TCVN/QS 1822-33:2021, Phần 33: Đệm giường dân quân thường trực;
- TCVN/QS 1822-34:2021, Phần 34: Gối dân quân thường trực;
- TCVN/QS 1822-35:2021, Phần 35: Ba lô dân quân thường trực;
- TCVN/QS 1822-36:2021, Phần 36: Quần lót dân quân thường trực;
- TCVN/QS 1822-37:2021, Phần 37: Áo lót dân quân thường trực;
- TCVN/QS 1822-38:2021, Phần 38: Khăn mặt dân quân thường trực.

Trang phục Dân quân tự vệ -

Phần 1: Sao mũ

1 Phạm vi áp dụng

TCVN/QS 1822-1:2021 quy định các yêu cầu kỹ thuật và phương pháp kiểm tra đối với sản phẩm sao mũ (gồm sao mũ cứng và sao mũ mềm) được sử dụng cho Dân quân tự vệ.

2 Quy định chung

Các phương tiện đo, kiểm tra chỉ tiêu kỹ thuật của sao mũ được quy định tại Bảng A.1 Phụ lục A.

3 Yêu cầu kỹ thuật

3.1 Yêu cầu chung

3.1.1 Yêu cầu ngoại quan

Sao mũ có hình tứ giác nền màu đỏ, bốn cạnh viền nổi mạ màu vàng, giữa mặt trên có hình Quốc huy, phía dưới quốc huy có chữ DQTV; phía sau sao có chốt ốc vít để gắn vào ô dề của cầu mũ.

3.1.2 Yêu cầu về nguyên liệu

- Thân sao: Nguyên liệu nhôm dẻo AL 99, chiều dày 1,5 mm, mạ màu vàng;
- Vít và đai ốc: Nguyên liệu thép mạ kẽm;
- Sơn men trong suốt màu đỏ cờ, chiều dày lớp sơn 0,5 mm.

CHÚ THÍCH: Sau khi sơn nhìn rõ các tia của nền sao mũ, các họa tiết phải rõ ràng, sắc nét.

3.2 Chỉ tiêu kỹ thuật

Các thông số kích thước sao mũ thành phẩm được quy định tại Bảng C.1 Phụ lục C.

4 Phương pháp kiểm tra

4.1 Tỷ lệ kiểm tra

Kiểm tra theo xác suất cho từng lô hàng, lấy mẫu ngẫu nhiên từ 5 % đến 10 % số lượng sản phẩm trong lô hàng để kiểm tra.

4.2 Kiểm tra yêu cầu chung

4.2.1 Kiểm tra ngoại quan

Kiểm tra ngoại quan bằng mắt thường phải đạt yêu cầu theo quy định tại 3.1.1.

4.2.2 Kiểm tra nguyên liệu

Nguyên liệu sản xuất phải có nguồn gốc rõ ràng, được kiểm tra trước khi đưa vào sản xuất. Kiểm tra chủng loại, chất lượng nguyên vật liệu thông qua giấy chứng nhận hợp chuẩn; phiếu chứng nhận hợp cách hoặc biên bản kiểm tra chất lượng. Kết quả kiểm tra phải đạt yêu cầu theo quy định tại 3.1.2.

4.3 Kiểm tra chỉ tiêu kỹ thuật

Dùng thước được quy định tại Bảng A.1 Phụ lục A, kiểm tra chỉ tiêu kỹ thuật của sao mũ. Kết quả kiểm tra phải đạt yêu cầu theo quy định tại 3.2.

5 Xử lý chung

Sao mũ sau sản xuất kiểm tra phải đạt các yêu cầu theo quy định tại Tiêu chuẩn này. Trường hợp kiểm tra không đạt yêu cầu theo quy định tại Tiêu chuẩn này phải tiến hành kiểm tra lại với số lượng mẫu gấp đôi cũng lấy từ chính lô sản phẩm đó. Trường hợp kiểm tra lại vẫn không đạt yêu cầu thì không được đưa vào sử dụng.

6 Ghi nhãn, bao gói, vận chuyển, bảo quản

6.1 Ghi nhãn

Trên bề mặt sau của sao mũ được khắc chìm ký hiệu tên đơn vị sản xuất.

6.2 Bao gói

Mỗi sao mũ được cho vào một túi nilon, miệng túi miết mép trên, 100 sản phẩm được cho vào một hộp Carton chiều dày 0,8 mm.

6.3 Vận chuyển

Sản phẩm được vận chuyển bằng phương tiện vận tải thông dụng và được che đậy cẩn thận tránh mưa, nắng.

6.4 Bảo quản

Sản phẩm được bảo quản nơi khô ráo, sạch sẽ, tránh mưa, nắng; không để chung với các loại hóa chất, xăng dầu.

Trang phục Dân quân tự vệ - Phần 2: Mũ cứng

1 Phạm vi áp dụng

TCVN/QS 1822-2:2021 quy định các yêu cầu kỹ thuật và phương pháp kiểm tra đối với sản phẩm mũ cứng được sử dụng cho Dân quân tự vệ.

2 Quy định chung

Các phương tiện đo, kiểm tra chỉ tiêu kỹ thuật của mũ cứng được quy định tại Bảng A.1 Phụ lục A.

3 Yêu cầu kỹ thuật

3.1 Yêu cầu chung

3.1.1 Yêu cầu ngoại quan

Mũ phải cân đối, mặt vải căng phẳng, không méo lệch, không dây vết keo ó bản. Lòng mũ không rạn, nứt, sơn bóng đều và phẳng. Bộ quai, cầu lắp cân đối, chắc. Ô dề đầu, hông, má cầu tán chắc, chân cuộn đều. Vành mũ cuộn đều, không nở, sứt, bẹp. Các đường may phải may lại mũi chỉ. Không dùng chất bảo quản mũ có hại đến sức khỏe người sử dụng.

3.1.2 Yêu cầu về nguyên liệu

- Mũ cứng được may bằng vải Gabardin Peco với tỷ lệ 65/35 màu xanh cô ban sẫm; vải đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.1 Phụ lục B;
- Má cầu: Nguyên liệu nhựa PE (LDPE) màu xanh, chiều dày $(1,4 \pm 0,1)$ mm;
- Vành cầu: Nguyên liệu bằng vải bạt Cotton tráng nhựa PVC, dệt thoi vân điểm; vải sườn màu xanh ánh vàng; chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.15 Phụ lục B;
- Quai mũ: Nguyên liệu bằng da bò màu nâu sẫm, chiều dày 2 mm, bản rộng 13 mm, lực kéo đứt không nhỏ hơn 200 N;
- Ô dề: Nguyên liệu nhôm dẻo, chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.16 Phụ lục B;
- Cốt mũ: Nguyên liệu Xellulo (bột gỗ bồ đề), khối lượng từ 200 gam/cốt đến 210 gam/cốt, độ dày 2,5 mm, số vòng cuộn mép tối thiểu: 1,5 vòng; đường kính vành: 8 mm; độ nghiêng bột từ 10° SR đến 12° SR;
- Chòm mũ: Quả, tán sen bằng nguyên liệu nhôm dẻo AL 99, chiều dày $(0,6 \pm 0,1)$ mm;
- Bulông, đai ốc: Nguyên liệu thép mạ kẽm;
- Chỉ may Peco 60/3 cùng màu với nguyên liệu chính, đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.6 Phụ lục B;
- Sơn: Nguyên liệu sơn Alkis, màu xanh ánh vàng.

3.2 Chỉ tiêu kỹ thuật

3.2.1 Kích thước cơ bản

Chỉ tiêu kỹ thuật của mũ cứng được quy định tại Bảng C.2 Phụ lục C.

3.2.2 Yêu cầu về cắt

Các chi tiết của sản phẩm khi cắt phải đảm bảo đúng canh sợi.

3.2.3 Yêu cầu về các đường may

- Các đường may: Mũi chỉ phải đều đặn, không bỏ mũi, sùi chỉ, nhăn vải, không sênh tuột chỉ;
- Các đường may phải đảm bảo 5 mũi chỉ/1 cm. Đầu và cuối các đường may phải lại mũi chỉ 3 lần, dài 1 cm chòong khít lên nhau, cắt sạch chỉ thừa, không sênh sót, bỏ mũi, sùi chỉ dẫn dùm.

4 Phương pháp kiểm tra

4.1 Tỷ lệ kiểm tra

Kiểm tra theo xác suất cho từng lô hàng, lấy mẫu ngẫu nhiên từ 5 % đến 10 % số lượng sản phẩm trong lô hàng để kiểm tra.

4.2 Kiểm tra yêu cầu chung

4.2.1 Kiểm tra ngoại quan

Kiểm tra ngoại quan bằng mắt thường phải đạt yêu cầu theo quy định tại 3.1.1.

4.2.2 Kiểm tra nguyên liệu

Nguyên liệu sản xuất phải có nguồn gốc rõ ràng, được kiểm tra trước khi đưa vào sản xuất. Kiểm tra chủng loại, chất lượng nguyên vật liệu thông qua giấy chứng nhận hợp chuẩn; phiếu chứng nhận hợp cách hoặc biên bản kiểm tra chất lượng. Kết quả kiểm tra phải đạt yêu cầu theo quy định tại 3.1.2.

4.3 Kiểm tra chỉ tiêu kỹ thuật

Dùng phương tiện đo, kiểm tra được quy định tại Bảng A.1 Phụ lục A, kiểm tra chỉ tiêu kỹ thuật của mũ cứng. Kết quả kiểm tra phải đạt yêu cầu theo quy định tại 3.2:

- Xác định các thông số kích thước của mũ thành phẩm: Dùng thước dây;
- Xác định khối lượng mũ: Dùng cân đĩa;
- Xác định độ bám dính vải - cốt:
 - + Soạn mẫu: Bản ngang 25 mm, chiều dài làm việc 60 mm;
 - + Thử trên máy đo sức bền vật liệu, có tốc độ kéo 200 mm/min, khoảng cách ngàm kéo 100 mm;
 - + Cặp mẫu lên máy sao cho mặt bị bóc hướng về phía người thao tác. Phần vải cặp vào ngàm dưới.
- Xác định lực bám dính vải viền:
 - + Soạn mẫu theo nguyên bản của viền; chiều dài làm việc 60 mm;
 - + Phương pháp kiểm tra bám dính như xác định độ bám dính của vải - cốt.
- Xác định độ thấm nước: Xác định (nguyên mẫu) trên máy phun mưa, có lưu lượng nước 1 000 mL/min, thời gian 6 h, ở nhiệt độ bình thường, sau đó để ráo nước 1 h. Dùng cân có độ chính xác đến 0,5 g để cân;
- Xác định lực nén mũ đến rạn (phá hủy): Theo phương pháp nén (nguyên mẫu) trên máy nén uốn kim loại.

5 Xử lý chung

Mũ cứng sau sản xuất kiểm tra phải đạt các yêu cầu theo quy định tại Tiêu chuẩn này. Trường hợp kiểm tra không đạt yêu cầu theo quy định tại Tiêu chuẩn này phải tiến hành kiểm tra lại

với số lượng mẫu gấp đôi cũng lấy từ chính lô sản phẩm đó. Trường hợp kiểm tra lại vẫn không đạt yêu cầu thì không được đưa vào sử dụng.

6 Ghi nhãn, bao gói, vận chuyển, bảo quản

6.1 Ghi nhãn

Nhãn dẹt phải có đầy đủ các thông tin: Tên đơn vị sản xuất, năm sản xuất. Nhãn được gắn phía trong của vành cầu mũ.

6.2 Bao gói

- Sản phẩm được bọc giấy chống ẩm để trong túi nilon;
- Lồng 10 mũ vào thành 1 buộc cho trong túi nilon, sau đó xếp 40 mũ (gồm 4 buộc) vào bao PP được quy định tại Phụ lục D.

6.3 Vận chuyển

Sản phẩm được vận chuyển bằng phương tiện vận tải thông dụng và được che đậy cẩn thận tránh mưa, nắng.

6.4 Bảo quản

Sản phẩm được bảo quản nơi khô ráo, tránh mưa, nắng; không để chung với các loại hóa chất, xăng dầu.

Trang phục Dân quân tự vệ - Phần 3: Mũ mềm

1 Phạm vi áp dụng

TCVN/QS 1822-3:2021 quy định các yêu cầu kỹ thuật và phương pháp kiểm tra đối với sản phẩm mũ mềm được sử dụng cho Dân quân tự vệ.

2 Quy định chung

Các phương tiện đo, kiểm tra chỉ tiêu kỹ thuật của mũ mềm được quy định tại Bảng A.1 Phụ lục A.

3 Yêu cầu kỹ thuật

3.1 Yêu cầu chung

3.1.1 Yêu cầu ngoại quan

Loại mũ lưỡi trai, thành đứng, dây đai mũ đính khuy bọc ở hai đầu, hai bên thành mũ có tán 6 ô dê nhôm dẻo, phía trước ở giữa thành trán có tán một ô dê để đeo sao. Bên trong lưỡi trai được dựng bằng nhựa PVC cứng, phía trong thành mũ có lớp vải trắng nhựa được lót xung quanh. Phía sau thành mũ có khóa nhựa tăng giảm (hoặc nhám dính) để điều chỉnh độ rộng hẹp của vòng đầu.

3.1.2 Yêu cầu về nguyên liệu

- Mũ mềm được sản xuất bằng vải Gabardin Peco với tỷ lệ 65/35 màu xanh cô ban sẫm. Vải đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.1 Phụ lục B;
- Ô dê: Nguyên liệu nhôm dẻo, chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.16 Phụ lục B;
- Nhựa nguyên chất dùng làm cốt lưỡi trai được quy định tại Bảng B.9 Phụ lục B;
- Chỉ may Peco 60/3 cùng màu với nguyên liệu chính, đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.6 Phụ lục B.

3.2 Chỉ tiêu kỹ thuật

3.2.1 Kích thước cơ bản

Thông số kích thước cơ bản của mũ mềm được quy định tại Bảng C.3 Phụ lục C.

3.2.2 Yêu cầu về cắt

- Các chi tiết của sản phẩm khi cắt phải đảm bảo đúng canh sợi;
- Cầu mũ và thành mũ, lưỡi trai cắt dọc sợi.

3.2.3 Yêu cầu về các đường may

- Dùng kim số 14 để may, các mũi chỉ phải đều đặn, không bỏ mũi, sùi chỉ, nhăn vải, không sên tuột chỉ;

- Các đường may phải đảm bảo 5 mũi chỉ/1 cm. Đầu và cuối các đường may phải lại mũi chỉ 3 lần, dài 1 cm chồng khít lên nhau, cắt sạch chỉ thừa, không sênh sót, bỏ mũi, sùi chỉ dãn dùm.

3.2.4 Yêu cầu về là

Mũ mềm được là trên bàn là hơi có nhiệt độ phù hợp với nguyên liệu.

4 Phương pháp kiểm tra

4.1 Tỷ lệ kiểm tra

Kiểm tra theo xác suất cho từng lô hàng, lấy mẫu ngẫu nhiên từ 5 % đến 10 % số lượng sản phẩm trong lô hàng để kiểm tra.

4.2 Kiểm tra yêu cầu chung

4.2.1 Kiểm tra ngoại quan

Kiểm tra ngoại quan bằng mắt thường phải đạt yêu cầu theo quy định tại 3.1.1.

4.2.2 Kiểm tra nguyên liệu

Nguyên liệu sản xuất phải có nguồn gốc rõ ràng, được kiểm tra trước khi đưa vào sản xuất. Kiểm tra chủng loại, chất lượng nguyên vật liệu thông qua giấy chứng nhận hợp chuẩn; phiếu chứng nhận hợp cách hoặc biên bản kiểm tra chất lượng. Kết quả kiểm tra phải đạt yêu cầu theo quy định tại 3.1.2.

4.3 Kiểm tra chỉ tiêu kỹ thuật

Dùng phương tiện đo, kiểm tra được quy định tại Bảng A.1 Phụ lục A, kiểm tra chỉ tiêu kỹ thuật của mũ mềm. Kết quả kiểm tra phải đạt yêu cầu theo quy định tại 3.2.

5 Xử lý chung

Mũ mềm sau sản xuất kiểm tra phải đạt các yêu cầu theo quy định tại Tiêu chuẩn này. Trường hợp kiểm tra không đạt yêu cầu theo quy định tại Tiêu chuẩn này phải tiến hành kiểm tra lại với số lượng mẫu gấp đôi cũng lấy từ chính lô sản phẩm đó. Trường hợp kiểm tra lại vẫn không đạt yêu cầu thì không được đưa vào sử dụng.

6 Ghi nhãn, bao gói, vận chuyển, bảo quản

6.1 Ghi nhãn

Nhãn phải có đầy đủ các thông tin: Tên đơn vị sản xuất, cỡ số, năm sản xuất. Nhãn được dệt trên vải, thể hiện rõ ràng trên sản phẩm.

6.2 Bao gói

Mũ được xếp lồng vào nhau, 20 mũ được buộc thành một bó, sau đó xếp 10 bó vào trong một bao PP được quy định tại Phụ lục D.

6.3 Vận chuyển

Sản phẩm được vận chuyển bằng phương tiện vận tải thông dụng và được che đậy cẩn thận tránh mưa, nắng.

6.4 Bảo quản

Sản phẩm được bảo quản nơi khô ráo, tránh mưa, nắng; không để chung với các loại hóa chất, xăng dầu.

Trang phục Dân quân tự vệ - Phần 4: Phù hiệu tay áo

1 Phạm vi áp dụng

TCVN/QS 1822-4:2021 quy định các yêu cầu kỹ thuật và phương pháp kiểm tra đối với sản phẩm phù hiệu tay áo được sử dụng cho Dân quân tự vệ.

2 Quy định chung

Các phương tiện đo, kiểm tra chỉ tiêu kỹ thuật của phù hiệu tay áo được quy định tại Bảng A.1 Phụ lục A.

3 Yêu cầu kỹ thuật

3.1 Yêu cầu chung

3.1.1 Yêu cầu ngoại quan

Phù hiệu tay áo được dệt sau đó cắt lazer. Phù hiệu có hình lá khiên, nền chính có màu xanh lá cây, xung quang có đường viền vàng DA 158, giữa phù hiệu là hình của sao mũ Dân quân tự vệ (có Quốc huy bên trong) màu đỏ, hai bên cạnh có hình bông lúa màu cam, phía trên sao mũ có hàng chữ DÂN QUÂN TỰ VỆ màu vàng, phù hiệu dệt kiểu vân điểm.

3.1.2 Yêu cầu về nguyên liệu

- Phù hiệu tay áo được dệt từ sợi Polyester 150D gồm 5 màu: Màu vàng nghệ, màu xanh lá cây, màu vàng DA 157, màu đỏ và màu cam;

- Mex giấy ép mặt sau của phù hiệu.

3.2 Chỉ tiêu kỹ thuật

Phù hiệu tay áo có thông số kích thước: Trước khi cắt: (100 × 120) mm; sau khi cắt: (70 × 90) mm.

4 Phương pháp kiểm tra

4.1 Tỷ lệ kiểm tra

Kiểm tra theo xác suất cho từng lô hàng, lấy mẫu ngẫu nhiên từ 5 % đến 10 % số lượng sản phẩm trong lô hàng để kiểm tra.

4.2 Kiểm tra yêu cầu chung

4.2.1 Kiểm tra ngoại quan

Kiểm tra ngoại quan bằng mắt thường phải đạt yêu cầu theo quy định tại 3.1.1.

4.2.2 Kiểm tra nguyên liệu

Nguyên liệu sản xuất phải có nguồn gốc rõ ràng, được kiểm tra trước khi đưa vào sản xuất. Kiểm tra chủng loại, chất lượng nguyên vật liệu thông qua giấy chứng nhận hợp chuẩn; phiếu chứng nhận hợp cách hoặc biên bản kiểm tra chất lượng. Kết quả kiểm tra phải đạt yêu cầu theo quy định tại 3.1.2.

4.3 Kiểm tra chỉ tiêu kỹ thuật

Dùng phương tiện đo, kiểm tra được quy định tại Bảng A.1 Phụ lục A, kiểm tra chỉ tiêu kỹ thuật của phù hiệu tay áo. Kết quả kiểm tra phải đạt yêu cầu theo quy định tại 3.2.

5 Xử lý chung

Phù hiệu tay áo sau sản xuất kiểm tra phải đạt các yêu cầu theo quy định tại Tiêu chuẩn này. Trường hợp kiểm tra không đạt yêu cầu theo quy định tại Tiêu chuẩn này phải tiến hành kiểm tra lại với số lượng mẫu gấp đôi cũng lấy từ chính lô sản phẩm đó. Trường hợp kiểm tra lại vẫn không đạt yêu cầu thì không được đưa vào sử dụng.

6 Bao gói, vận chuyển, bảo quản

6.1 Bao gói

Phù hiệu tay áo được xếp 50 cái thành 1 bó, xếp 10 bó trong một túi nilon và gắn miệng.

6.2 Vận chuyển

Sản phẩm được vận chuyển bằng phương tiện vận tải thông dụng và được che đậy cẩn thận tránh mưa, nắng.

6.3 Bảo quản

Sản phẩm được bảo quản nơi khô ráo, tránh mưa, nắng; không để chung với các loại hóa chất, xăng dầu.

Trang phục Dân quân tự vệ -**Phần 5: Áo đồng mặc ngoài chỉ huy Dân quân tự vệ nam****1 Phạm vi áp dụng**

TCVN/QS 1822-5:2021 quy định các yêu cầu kỹ thuật và phương pháp kiểm tra đối với sản phẩm áo đồng mặc ngoài chỉ huy Dân quân tự vệ nam (gồm: Các chức vụ chỉ huy Ban chỉ huy quân sự bộ, ngành Trung ương; Ban chỉ huy quân sự cấp xã; Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức; thôn đội trưởng; các chức vụ chỉ huy đơn vị dân quân tự vệ cơ động, thường trực từ trung đội trưởng trở lên) và dùng trong may hàng loạt.

2 Quy định chung

Các phương tiện đo, kiểm tra chỉ tiêu kỹ thuật của áo đồng mặc ngoài chỉ huy Dân quân tự vệ nam được quy định tại Bảng A.1 Phụ lục A.

3 Yêu cầu kỹ thuật**3.1 Yêu cầu chung****3.1.1 Yêu cầu ngoại quan**

Kiểu áo khoác ngoài dạng Veston, có 2 lớp vải, kiểu ve góc, ngực cài 4 cúc nhựa đường kính 20 mm. Thân trước bên ngực trái có 1 túi coi nổi, phía dưới có 2 túi bỏ coi viền có nắp tròn. Thân sau áo có xẻ 2 bên sườn, tay áo kiểu 2 mang cửa tay có xẻ giả, đính 3 cúc trang trí, tay trái có gắn phù hiệu lực lượng Dân quân tự vệ. Bên trong lẫn lót thân trước có 2 túi lót con then có gắn dây nhồi cài cúc.

3.1.2 Yêu cầu về nguyên liệu

- Áo được may bằng vải Gabadin Peco với tỷ lệ 65/35 màu xanh cô ban sẫm, đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.1 Phụ lục B;
- Vải lót Vinilon cùng màu với nguyên liệu chính, đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.3 Phụ lục B;
- Cúc nhựa nhiệt rắn cùng màu với nguyên liệu chính, đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.5 Phụ lục B;
- Chỉ may Peco 60/3 cùng màu với nguyên liệu chính, đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.6 Phụ lục B;
- Mex vải đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.7 và Bảng B.8 Phụ lục B.

3.2 Chỉ tiêu kỹ thuật**3.2.1 Kích thước cơ bản**

Áo đồng mặc ngoài chỉ huy Dân quân tự vệ nam gồm các cỡ 3; 4; 5 và 6. Thông số kích thước cơ bản của áo đồng mặc ngoài chỉ huy Dân quân tự vệ nam được quy định tại Bảng C.4 Phụ lục C.

3.2.2 Yêu cầu về cắt, ép mex

- Các chi tiết của sản phẩm khi cắt phải đảm bảo ngang canh thẳng sợi;
- Các chi tiết cắt dọc sợi vải: Thân áo, tay áo, coi túi áo;
- Các chi tiết cắt ngang sợi vải: Nắp túi áo, cổ áo, túi coi;
- Các chi tiết ép mex: 2 thân trước, nắp túi và cổ áo lần chính, coi túi ngực; đảm bảo chắc chắn, không phồng rộp.

3.2.3 Yêu cầu về các đường may

- Dùng kim số 14 để may, các mũi chỉ phải đều đặn, không bỏ mũi, sùi chỉ, nhăn vải, không sên tuột chỉ;
- Các đường may phải đảm bảo mật độ từ 5 đến 6 mũi chỉ/1 cm. Đầu và cuối các đường may phải lại mũi chỉ 3 lần, dài 1 cm chồng khít lên nhau, cắt sạch chỉ thừa, không sùi chỉ, nhăn dúm;
- Tra tay áo phải tròn đều êm canh, không cầm, bai dẫn dúm. Túi phải cân đối, đúng vị trí, đối xứng nhau qua nếp. Cổ áo, ve áo 2 bên phải đều nhau;
- Đường may cách mép 0,1 cm: Đường mí 2 đường can giữa cổ thân sau, mí lé phần nếp lần lót, mí lé sống cổ thân sau, mí xung quanh móc dẹt;
- Đường may cách mép 0,7 cm: Đường may tra cổ;
- Đường may cách mép 1 cm: Đường chắp sườn, vai, tra tay, chắp bụng tay, sống tay.

3.2.4 Yêu cầu về thừa khuyết, đính cúc

- Khuyết thừa phải đều, sát chỉ không nhăn dúm, tuột chân, mật độ 14 mũi/1 cm chắc chắn không sờ tuột;
- Khuyết thừa bên nếp trái áo của người mặc, khuyết áo được thừa ngang nếp áo, đầu khuyết tròn cách mép nếp 2 cm, khuyết rộng 2,2 cm;
- Vị trí cúc đính đối xứng với khuyết thừa, tối thiểu có 12 chỉ qua 2 lỗ nút chắc chắn, không sờ tuột, không làm nhăn mặt vải, cắt sạch các đầu chỉ thừa.

3.2.5 Yêu cầu về là

Áo đông mặc ngoài chỉ huy Dân quân tự vệ nam may xong được là trên bàn là hơi có nhiệt độ phù hợp với nguyên liệu, áo là phẳng các chi tiết lần ngoài, là định vị ve, cổ.

4 Phương pháp kiểm tra

4.1 Tỷ lệ kiểm tra

Kiểm tra theo xác suất cho từng lô hàng, lấy mẫu ngẫu nhiên từ 5 % đến 10 % số lượng sản phẩm trong lô hàng để kiểm tra.

4.2 Kiểm tra yêu cầu chung

4.2.1 Kiểm tra ngoại quan

Kiểm tra ngoại quan bằng mắt thường phải đạt yêu cầu theo quy định tại 3.1.1.

4.2.2 Kiểm tra nguyên liệu

Nguyên liệu sản xuất phải có nguồn gốc rõ ràng, được kiểm tra trước khi đưa vào sản xuất. Kiểm tra chủng loại, chất lượng nguyên vật liệu thông qua giấy chứng nhận hợp chuẩn; phiếu

chứng nhận hợp cách hoặc biên bản kiểm tra chất lượng. Kết quả kiểm tra phải đạt yêu cầu theo quy định tại 3.1.2.

4.3 Kiểm tra chỉ tiêu kỹ thuật

Trải sản phẩm trên bàn phẳng, đo kích thước sản phẩm theo chiều dài, chiều rộng bằng thước dây, đo kích thước đường kính cúc bằng thước cặp. Kết quả kiểm tra phải đạt yêu cầu theo quy định tại 3.2.

5 Xử lý chung

Áo đồng mặc ngoài chỉ huy Dân quân tự vệ nam sau sản xuất kiểm tra phải đạt các yêu cầu theo quy định tại Tiêu chuẩn này. Trường hợp kiểm tra không đạt yêu cầu theo quy định tại Tiêu chuẩn này phải tiến hành kiểm tra lại với số lượng mẫu gấp đôi cũng lấy từ chính lô sản phẩm đó. Trường hợp kiểm tra lại vẫn không đạt yêu cầu thì không được đưa vào sử dụng.

6 Ghi nhãn, bao gói, vận chuyển, bảo quản

6.1 Ghi nhãn

- Nhãn dệt có đầy đủ các thông tin: Tên đơn vị sản xuất, năm sản xuất; nhãn dệt được gắn vào lần lót áo giữa thân sau, cách chân cổ 3 cm, may mí xung quanh;
- Nhãn cỡ số được in trên màng sợi Polyeste tráng bột giấy; nhãn cỡ số được gắn vào giữa cạnh phía dưới của nhãn dệt, mặt số lên trên.

6.2 Bao gói

- Áo được gấp dọc theo thân, gấp đôi theo chiều ngang;
- Áo đồng chỉ huy Dân quân tự vệ nam được gấp và lồng với quần đồng chỉ huy Dân quân tự vệ nam có cùng cỡ số thành từng bộ, mỗi bộ cho vào 1 túi nilon, 10 bộ buộc thành 1 bó (02 bó trở đầu), xếp 30 bộ vào bao PP theo quy định tại Phụ lục D.

6.3 Vận chuyển

Sản phẩm được vận chuyển bằng phương tiện vận tải thông dụng và được che đậy cẩn thận tránh mưa, nắng.

6.4 Bảo quản

Sản phẩm được bảo quản nơi khô ráo, tránh mưa, nắng; không để chung với các loại hóa chất, xăng dầu.

Trang phục Dân quân tự vệ -**Phần 6: Áo đông mặc trong chỉ huy Dân quân tự vệ nam****1 Phạm vi áp dụng**

TCVN/QS 1822-6:2021 quy định các yêu cầu kỹ thuật và phương pháp kiểm tra đối với sản phẩm áo đông mặc trong chỉ huy Dân quân tự vệ nam (gồm: Các chức vụ chỉ huy Ban chỉ huy quân sự bộ, ngành Trung ương; Ban chỉ huy quân sự cấp xã; Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức; thôn đội trưởng; các chức vụ chỉ huy đơn vị dân quân tự vệ cơ động, thường trực từ trung đội trưởng trở lên) và dùng trong may hàng loạt.

2 Quy định chung

Các phương tiện đo, kiểm tra chỉ tiêu kỹ thuật của áo đông mặc trong chỉ huy Dân quân tự vệ nam được quy định tại Bảng A.1 Phụ lục A.

3 Yêu cầu kỹ thuật**3.1 Yêu cầu chung****3.1.1 Yêu cầu ngoại quan**

Kiểu áo sơ mi dài tay, cổ đứng, măng séc cài cúc, ngực có 1 túi, thân sau có cầu vai xếp ly, nẹp có 6 cúc thừa dọc và 1 cúc chân cổ, vạt áo buông bỏ trong quần.

3.1.2 Yêu cầu về nguyên liệu

- Áo được may bằng vải Popelin Pevi với tỷ lệ 65/35 màu trắng, đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.2 Phụ lục B;
- Cúc nhựa nhiệt rắn cùng màu với nguyên liệu chính, đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.5 Phụ lục B;
- Chỉ may Peco 60/3 cùng màu với nguyên liệu chính, đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.6 Phụ lục B;
- Mex vải đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.7 và Bảng B.8 Phụ lục B.

3.2 Chỉ tiêu kỹ thuật**3.2.1 Kích thước cơ bản**

Áo đông mặc trong chỉ huy Dân quân tự vệ nam gồm các cỡ 3; 4; 5 và 6. Thông số kích thước cơ bản của áo đông mặc trong chỉ huy Dân quân tự vệ nam được quy định tại Bảng C.5 Phụ lục C.

3.2.2 Yêu cầu về cắt, ép mex

- Các chi tiết của sản phẩm khi cắt phải đảm bảo ngang canh thẳng sợi;

- Các chi tiết cắt dọc sợi vải: Thân áo, tay áo, cổ áo, túi áo, măng séc tay, cầu vai, thép tay;
- Các chi tiết ép mex: Bản cổ, chân cổ, măng séc lần chính phải đảm bảo chắc chắn, không phồng rộp.

3.2.3 Yêu cầu về các đường may

- Dùng kim số 14 để may, các mũi chỉ phải đều đặn, không bỏ mũi, sùi chỉ, nhăn vải, không sênh tuột chỉ;
- Các đường may phải đảm bảo mật độ từ 5 đến 6 mũi chỉ/1 cm. Đầu và cuối các đường may phải lại mũi chỉ 3 lần, dài 1 cm chồng khít lên nhau, cắt sạch chỉ thừa, đường may không sùi chỉ, nhăn dúm;
- Tra tay áo phải tròn đều êm canh, không cầm, bai dẫn dúm. Túi phải cân đối, đúng vị trí. Cổ áo 2 bên phải đều nhau;
- Đường may cách mép 0,1 cm: Đường dán túi ngực, chân măng séc, mí xung quanh chân cổ, chân cầu vai, vai con, thép tay, xung quanh móc dẹt;
- Đường may cách mép 0,4 cm: Đường điều bản cổ, điều cạnh măng séc;
- Đường may cách mép 0,7 cm: Đường may tra cổ;
- Đường may cách mép 1 cm: Đường chắp sườn, vai, tra tay, chắp vai, tra măng séc.

3.2.4 Yêu cầu về thừa khuyết, đính cúc

- Khuyết thừa phải đều, sát chỉ không nhăn dúm, tuột chân, mật độ 14 mũi/1 cm chắc chắn không sờ tuột;
- Khuyết thừa bên trái của người mặc, khuyết áo được thừa dọc nẹp áo, khuyết cách mép nẹp 1,5 cm, khuyết rộng 1,2 cm;
- Khuyết măng séc thừa dọc ở giữa bản măng séc, đầu khuyết cách cạnh măng séc 0,7 cm;
- Vị trí cúc đính đối xứng với khuyết thừa, tối thiểu có 12 chỉ qua 2 lỗ nút chắc chắn, không sờ tuột, không làm nhăn mặt vải, cắt sạch các đầu chỉ thừa.

3.2.5 Yêu cầu về là

Áo đông mặc trong chỉ huy Dân quân tự vệ nam may xong được là trên bàn là hơi có nhiệt độ phù hợp với nguyên liệu. Là phẳng các chi tiết lần ngoài, là định vị cổ áo.

4 Phương pháp kiểm tra

4.1 Tỷ lệ kiểm tra

Kiểm tra theo xác suất cho từng lô hàng, lấy mẫu ngẫu nhiên từ 5 % đến 10 % số lượng sản phẩm trong lô hàng để kiểm tra.

4.2 Kiểm tra yêu cầu chung

4.2.1 Kiểm tra ngoại quan

Kiểm tra ngoại quan bằng mắt thường phải đạt yêu cầu theo quy định tại 3.1.1.

4.2.2 Kiểm tra nguyên liệu

Nguyên liệu sản xuất phải có nguồn gốc rõ ràng, được kiểm tra trước khi đưa vào sản xuất. Kiểm tra chủng loại, chất lượng nguyên vật liệu thông qua giấy chứng nhận hợp chuẩn; phiếu chứng nhận hợp cách hoặc biên bản kiểm tra chất lượng. Kết quả kiểm tra phải đạt yêu cầu theo quy định tại 3.1.2.

4.3 Kiểm tra chỉ tiêu kỹ thuật

Trái sản phẩm trên bàn phẳng, đo kích thước sản phẩm theo chiều dài, chiều rộng bằng thước dây, đo kích thước đường kính cúc bằng thước cặp. Kết quả kiểm tra phải đạt yêu cầu theo quy định tại 3.2.

5 Xử lý chung

Áo đồng mặc trong chỉ huy Dân quân tự vệ nam sau sản xuất kiểm tra phải đạt các yêu cầu theo quy định tại Tiêu chuẩn này. Trường hợp kiểm tra không đạt yêu cầu theo quy định tại Tiêu chuẩn này phải tiến hành kiểm tra lại với số lượng mẫu gấp đôi cũng lấy từ chính lô sản phẩm đó. Trường hợp kiểm tra lại vẫn không đạt yêu cầu thì không được đưa vào sử dụng.

6 Ghi nhãn, bao gói, vận chuyển, bảo quản

6.1 Ghi nhãn

- Nhãn dệt có đầy đủ các thông tin: Tên đơn vị sản xuất, năm sản xuất; nhãn dệt được gắn vào lần lót áo giữa thân sau, cách chân cổ 3 cm, may mí xung quanh;
- Nhãn cỡ số được in trên màng sợi Polyeste tráng bột giấy; nhãn cỡ số được gắn sát nhãn dệt (về phía gấu) mặt số lên trên.

6.2 Bao gói

- Áo được cài cúc nẹp, gấp thân áo 2 bên và 2 tay về phía sau dọc theo thân, sau đó gấp đôi áo theo chiều ngang;
- Áo đồng mặc trong chỉ huy Dân quân tự vệ nam được cho vào 1 túi nilon, 80 cái xếp vào bao PP theo quy định tại Phụ lục D.

6.3 Vận chuyển

Sản phẩm được vận chuyển bằng phương tiện vận tải thông dụng và được che đậy cẩn thận tránh mưa, nắng.

6.4 Bảo quản

Sản phẩm được bảo quản nơi khô ráo, tránh mưa, nắng; không để chung với các loại hóa chất, xăng dầu.

Trang phục Dân quân tự vệ -

Phần 7: Quần đông chỉ huy Dân quân tự vệ nam

1 Phạm vi áp dụng

TCVN/QS 1822-7:2021 quy định các yêu cầu kỹ thuật và phương pháp kiểm tra đối với sản phẩm quần đông chỉ huy Dân quân tự vệ nam (gồm: Các chức vụ chỉ huy Ban chỉ huy quân sự bộ, ngành Trung ương; Ban chỉ huy quân sự cấp xã; Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức; thôn đội trưởng; các chức vụ chỉ huy đơn vị dân quân tự vệ cơ động, thường trực từ trung đội trưởng trở lên) và dùng trong may hàng loạt.

2 Quy định chung

Các phương tiện đo, kiểm tra chỉ tiêu kỹ thuật của quần đông chỉ huy Dân quân tự vệ nam được quy định tại Bảng A.1 Phụ lục A.

3 Yêu cầu kỹ thuật

3.1 Yêu cầu chung

3.1.1 Yêu cầu ngoại quan

Kiểu quần âu dài, thân trước có 1 ly lật ra phía dọc, có 2 túi chéo. Thân sau chiết ly, có 1 túi hậu. Cửa quần dùng khóa kéo fecmotuya. Cạp quần được dựng ép mex, có 6 dây để luồn dây lưng (dây vắt xăng), đầu cạp được cài cúc, bên trong có móc.

3.1.2 Yêu cầu về nguyên liệu

- Quần được may bằng vải Gabadın Peco với tỷ lệ 65/35 màu xanh cô ban sẫm, đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.1 Phụ lục B;
- Vải lót Kate cùng màu với nguyên liệu chính, đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.4 Phụ lục B;
- Cúc nhựa nhiệt rắn cùng màu với nguyên liệu chính, đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.5 Phụ lục B;
- Chỉ may Peco 60/3 cùng màu với nguyên liệu chính, đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.6 Phụ lục B;
- Mex đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.7 và Bảng B.8 Phụ lục B.

3.2 Chỉ tiêu kỹ thuật

3.2.1 Kích thước cơ bản

Quần đông chỉ huy Dân quân tự vệ nam gồm các cỡ 3; 4; 5 và 6. Thông số kích thước cơ bản của quần đông chỉ huy Dân quân tự vệ nam được quy định tại Bảng C.6 Phụ lục C.

3.2.2 Yêu cầu về cắt, ép mex

- Các chi tiết của sản phẩm khi cắt phải đảm bảo ngang canh thẳng sợi;
- Các chi tiết dọc sợi vải: Thân quần, cạp quần, đáy túi chéo, coi túi, dây vắt xăng, đáy moi;
- Chi tiết ngang sợi vải: Lót cạp; đáy túi hậu;
- Các chi tiết ép mex: Cạp quần, coi túi hậu phải đảm bảo chắc chắn, không phồng rộp.

3.2.3 Yêu cầu về các đường may

- Dùng kim số 14 để may, các mũi chỉ phải đều đặn, không bỏ mũi, sùi chỉ, nhăn vải, không sênh tuột chỉ;
- Các đường may phải đảm bảo mật độ từ 5 đến 6 mũi chỉ/1 cm. Đầu và cuối các đường may phải lại mũi chỉ 3 lần, dài 1 cm chồng khít lên nhau, cắt sạch chỉ thừa, không sênh sót, bỏ mũi, sùi chỉ, nhăn dùm;
- Túi phải cân đối, đúng vị trí, kích thước;
- Đường may cách mép 0,1 cm: Mí xung quanh miệng túi hậu, đáy túi hậu, 2 bên dây vắt xăng, đáy moi, mí thân quần vào khóa, mí xung quanh mác dết;
- Đường may cách mép 0,4 cm: Xung quanh lót túi dọc, lót túi hậu, moi đỡ khóa, điều sòng cạp;
- Đường may cách mép 0,7 cm: Điều miệng túi chéo;
- Đường may cách mép 1 cm: Đường may chắp giàng, dọc quần.

3.2.4 Yêu cầu về thừa khuyết, đính cúc

- Khuyết thừa phải đều, sát chỉ không nhăn dùm, tuột chân, mật độ 14 mũi/1 cm chắc chắn không sờ tuột;
- Khuyết quần thừa ngang, giữa đầu cạp và cách đầu cạp 0,7 cm, khuyết rộng 1,6 cm;
- Vị trí cúc đính đối xứng với khuyết thừa, tối thiểu có 12 chỉ qua 2 lỗ nút chắc chắn, không sờ tuột, không làm nhăn mặt vải, cắt sạch các đầu chỉ thừa.

3.2.5 Yêu cầu về là

Quần đông chỉ huy Dân quân tự vệ nam may xong được là trên bàn là hơi có nhiệt độ phù hợp với nguyên liệu, là rẽ đường dọc, giàng quần, toàn bộ mặt ngoài của quần, là phẳng theo ly quần từ chân cạp xuống hết ống quần.

4 Phương pháp kiểm tra

4.1 Tỷ lệ kiểm tra

Kiểm tra theo xác suất cho từng lô hàng, lấy mẫu ngẫu nhiên từ 5 % đến 10 % số lượng sản phẩm trong lô hàng để kiểm tra.

4.2 Kiểm tra yêu cầu chung

4.2.1 Kiểm tra ngoại quan

Kiểm tra ngoại quan bằng mắt thường phải đạt yêu cầu theo quy định tại 3.1.1.

4.2.2 Kiểm tra nguyên liệu

Nguyên liệu sản xuất phải có nguồn gốc rõ ràng, được kiểm tra trước khi đưa vào sản xuất. Kiểm tra chủng loại, chất lượng nguyên vật liệu thông qua giấy chứng nhận hợp chuẩn; phiếu chứng nhận hợp cách hoặc biên bản kiểm tra chất lượng. Kết quả kiểm tra phải đạt yêu cầu theo quy định tại 3.1.2.

4.3 Kiểm tra chỉ tiêu kỹ thuật

Trải sản phẩm trên bàn phẳng, đo kích thước sản phẩm theo chiều dài, chiều rộng bằng thước dây, đo kích thước đường kính cúc bằng thước cặp. Kết quả kiểm tra phải đạt yêu cầu theo quy định tại 3.2.

5 Xử lý chung

Quần đông chỉ huy Dân quân tự vệ nam sau sản xuất kiểm tra phải đạt các yêu cầu theo quy định tại Tiêu chuẩn này. Trường hợp kiểm tra không đạt yêu cầu theo quy định tại Tiêu chuẩn này phải tiến hành kiểm tra lại với số lượng mẫu gấp đôi cũng lấy từ chính lô sản phẩm đó. Trường hợp kiểm tra lại vẫn không đạt yêu cầu thì không được đưa vào sử dụng.

6 Ghi nhãn, bao gói, vận chuyển, bảo quản

6.1 Ghi nhãn

- Nhãn dệt có đầy đủ các thông tin: Tên đơn vị sản xuất, năm sản xuất; nhãn dệt được gắn vào lót cạp thân sau bên trái;
- Nhãn cỡ số được in trên màng sợi Polyeste trắng bột giấy; nhãn cỡ số được gắn vào giữa cạnh phía dưới của nhãn dệt, mặt số lên trên.

6.2 Bao gói

- Quần gấp đôi theo đường ly quần đã được là, gấp đôi chiều dài quần;
- Quần đông chỉ huy Dân quân tự vệ nam được lồng cùng với áo đông chỉ huy Dân quân tự vệ nam có cùng cỡ số thành từng bộ, mỗi bộ cho vào 1 túi nilon, 10 bộ buộc thành 1 bó (02 bó trở đầu), xếp 30 bộ vào bao PP theo quy định tại Phụ lục D.

6.3 Vận chuyển

Sản phẩm được vận chuyển bằng phương tiện vận tải thông dụng và được che đậy cẩn thận tránh mưa, nắng.

6.4 Bảo quản

Sản phẩm được bảo quản nơi khô ráo, tránh mưa, nắng; không để chung với các loại hóa chất, xăng dầu.

Trang phục Dân quân tự vệ -

Phần 8: Áo đông mặc ngoài chỉ huy Dân quân tự vệ nữ

1 Phạm vi áp dụng

TCVN/QS 1822-8:2021 quy định các yêu cầu kỹ thuật và phương pháp kiểm tra đối với sản phẩm áo đông mặc ngoài chỉ huy Dân quân tự vệ nữ (gồm: Các chức vụ chỉ huy Ban chỉ huy quân sự bộ, ngành Trung ương; Ban chỉ huy quân sự cấp xã; Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức; thôn đội trưởng; các chức vụ chỉ huy đơn vị dân quân tự vệ cơ động, thường trực từ trung đội trưởng trở lên) và dùng trong may hàng loạt.

2 Quy định chung

Các phương tiện đo, kiểm tra chỉ tiêu kỹ thuật của áo đông mặc ngoài chỉ huy Dân quân tự vệ nữ được quy định tại Bảng A.1 Phụ lục A.

3 Yêu cầu kỹ thuật

3.1 Yêu cầu chung

3.1.1 Yêu cầu ngoại quan

Kiểu áo khoác ngoài dạng Veston, có 2 lớp vải, kiểu ve góc, ngực cài 4 cúc nhựa đường kính 20 mm, thân trước có 2 chiết ly ở phần eo, phía dưới có 2 túi bỏ hơi viền có nắp tròn. Thân sau áo có xẻ phía dưới gấu, tay áo kiểu 2 mang cửa tay xẻ gấu, đính 3 cúc trang trí. Tay trái có gắn phù hiệu lực lượng Dân quân tự vệ. Lăn lót thân bên trái có 1 túi lót dọc theo nếp áo.

3.1.2 Yêu cầu về nguyên liệu

- Áo được may bằng vải Gabardin Peco với tỷ lệ 65/35 màu xanh cô ban sẫm, đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.1 Phụ lục B;
- Vải lót Vinilon cùng màu với nguyên liệu chính, đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.3 Phụ lục B;
- Cúc nhựa nhiệt rắn cùng màu với nguyên liệu chính, đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.5 Phụ lục B;
- Chỉ may Peco 60/3 cùng màu với nguyên liệu chính, đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.6 Phụ lục B;
- Mex đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.7 và Bảng B.8 Phụ lục B.

3.2 Chỉ tiêu kỹ thuật

3.2.1 Kích thước cơ bản

Áo đông mặc ngoài chỉ huy Dân quân tự vệ nữ gồm các cỡ 3; 4 và 5. Thông số kích thước cơ bản của áo đông mặc ngoài chỉ huy Dân quân tự vệ nữ được quy định tại Bảng C.7 Phụ lục C.

3.2.2 Yêu cầu về cắt, ép mex

- Các chi tiết của sản phẩm khi cắt phải đảm bảo ngang canh thẳng sợi;
- Các chi tiết cắt dọc sợi vải: Thân áo, nẹp áo, tay áo, cổ áo;
- Các chi tiết cắt ngang sợi vải: Nắp túi áo;
- Các chi tiết ép mex: Hai thân trước, cổ áo, nắp túi lần chính; phải đảm bảo chắc chắn, không phồng rộp.

3.2.3 Yêu cầu về các đường may

- Dùng kim số 14 để may, các mũi chỉ phải đều đặn, không bỏ mũi, sùi chỉ, nhăn vải, không sên tuột chỉ;
- Các đường may phải đảm bảo mật độ từ 5 đến 6 mũi chỉ/1 cm. Đầu và cuối các đường may phải lại mũi chỉ 3 lần, dài 1 cm chồng khít lên nhau, cắt sạch chỉ thừa, không nhăn dúm;
- Tra tay áo phải tròn đều êm canh, không cộm, bai nhăn dúm. Túi phải cân đối, đúng vị trí, đối xứng nhau qua nẹp. Cổ áo, ve áo 2 bên phải đều nhau;
- Đường may cách mép 0,1 cm: Đường mí 2 đường can giữa cổ thân sau, mí lé phần nẹp lần lót, mí lé sống cổ, mí xung quanh móc dẹt;
- Đường may cách mép 0,7 cm: Đường may tra cổ;
- Đường may cách mép 1 cm: Đường chắp sườn vai, tra tay, chắp bụng tay, sống tay.

3.2.4 Yêu cầu về thừa khuyết, đính cúc

- Khuyết thừa phải đều, sát chỉ không nhăn dúm, tuột chân, mật độ 14 mũi/1 cm chắc chắn không sỏ tuột;
- Khuyết thừa bên phải nẹp áo của người mặc, khuyết áo thừa đầu tròn được thừa ngang nẹp áo, đầu khuyết cách mép nẹp 2 cm, khuyết rộng 2,2 cm;
- Vị trí cúc đính đối xứng với khuyết thừa, tối thiểu có 12 chỉ qua 2 lỗ nút chắc chắn, không sỏ tuột, không làm nhăn mặt vải, cắt sạch các đầu chỉ thừa.

3.2.5 Yêu cầu về là

Áo đông mặc ngoài chỉ huy Dân quân tự vệ nữ may xong được là trên bàn là hơi có nhiệt độ phù hợp với nguyên liệu, là phẳng các chi tiết lần ngoài, là định vị ve, cổ.

4 Phương pháp kiểm tra

4.1 Tỷ lệ kiểm tra

Kiểm tra theo xác suất cho từng lô hàng, lấy mẫu ngẫu nhiên từ 5 % đến 10 % số lượng sản phẩm trong lô hàng để kiểm tra.

4.2 Kiểm tra yêu cầu chung

4.2.1 Kiểm tra ngoại quan

Kiểm tra ngoại quan bằng mắt thường phải đạt yêu cầu theo quy định tại 3.1.1.

4.2.2 Kiểm tra nguyên liệu

Nguyên liệu sản xuất phải có nguồn gốc rõ ràng, được kiểm tra trước khi đưa vào sản xuất. Kiểm tra chủng loại, chất lượng nguyên vật liệu thông qua giấy chứng nhận hợp chuẩn; phiếu chứng nhận hợp cách hoặc biên bản kiểm tra chất lượng. Kết quả kiểm tra phải đạt yêu cầu theo quy định tại 3.1.2.

4.3 Kiểm tra chỉ tiêu kỹ thuật

Trải sản phẩm trên bàn phẳng, đo kích thước sản phẩm theo chiều dài, chiều rộng bằng thước dây, đo kích thước đường kính cúc bằng thước cặp. Kết quả kiểm tra phải đạt yêu cầu theo quy định tại 3.2.

5 Xử lý chung

Áo đông mặc ngoài chỉ huy Dân quân tự vệ nữ sau sản xuất kiểm tra phải đạt các yêu cầu theo quy định tại Tiêu chuẩn này. Trường hợp kiểm tra không đạt yêu cầu theo quy định tại Tiêu chuẩn này phải tiến hành kiểm tra lại với số lượng mẫu gấp đôi cũng lấy từ chính lô sản phẩm đó. Trường hợp kiểm tra lại vẫn không đạt yêu cầu thì không được đưa vào sử dụng.

6 Ghi nhãn, bao gói, vận chuyển, bảo quản

6.1 Ghi nhãn

- Nhãn dệt có đầy đủ các thông tin: Tên đơn vị sản xuất, năm sản xuất; nhãn dệt được gắn vào lần lót giữa thân sau, cách chân cổ 3 cm, may mí xung quanh;
- Nhãn cỡ số được in trên màng sợi Polyeste tráng bột giấy; nhãn cỡ số được gắn vào giữa cạnh phía dưới của nhãn dệt, mặt số lên trên.

6.2 Bao gói

- Áo được gấp dọc theo thân, sau đó được gấp đôi theo chiều ngang;
- Áo đông chỉ huy Dân quân tự vệ nữ được gấp và lồng với quần đông chỉ huy Dân quân tự vệ nữ có cùng cỡ số thành từng bộ, mỗi bộ cho vào 1 túi nilon, 10 bộ buộc thành 1 bó (02 bó trở đầu), xếp 30 bộ vào bao PP theo quy định tại Phụ lục D.

6.3 Vận chuyển

Sản phẩm được vận chuyển bằng phương tiện vận tải thông dụng và được che đậy cẩn thận tránh mưa, nắng.

6.4 Bảo quản

Sản phẩm được bảo quản nơi khô ráo, tránh mưa, nắng; không để chung với các loại hóa chất, xăng dầu.

Trang phục Dân quân tự vệ -

Phần 9: Áo đông mặc trong chỉ huy Dân quân tự vệ nữ

1 Phạm vi áp dụng

TCVN/QS 1822-9:2021 quy định các yêu cầu kỹ thuật và phương pháp kiểm tra đối với sản phẩm áo đông mặc trong chỉ huy Dân quân tự vệ nữ (gồm: Các chức vụ chỉ huy Ban chỉ huy quân sự bộ, ngành Trung ương; Ban chỉ huy quân sự cấp xã; Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức; thôn đội trưởng; các chức vụ chỉ huy đơn vị dân quân tự vệ cơ động, thường trực từ trung đội trưởng trở lên) và dùng trong may hàng loạt.

2 Quy định chung

Các phương tiện đo, kiểm tra chỉ tiêu kỹ thuật của áo đông mặc trong chỉ huy Dân quân tự vệ nữ được quy định tại Bảng A.1 Phụ lục A.

3 Yêu cầu kỹ thuật

3.1 Yêu cầu chung

3.1.1 Yêu cầu ngoại quan

Kiểu áo sơ mi dài tay cổ đứng măng séc cài cúc, nẹp có 5 cúc thừa dọc và 1 cúc chân cổ, thân trước có chiết ly, thân sau không có cầu vai, có chiết ly tạo dáng.

3.1.2 Yêu cầu về nguyên liệu

- Áo được may bằng vải Popelin Pevi màu trắng, đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.2 Phụ lục B;
- Cúc nhựa nhiệt rắn cùng màu với nguyên liệu chính, đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.5 Phụ lục B;
- Chỉ may Peco 60/3 cùng màu với nguyên liệu chính, đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.6 Phụ lục B;
- Mex đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.7 và Bảng B.8 Phụ lục B.

3.2 Chỉ tiêu kỹ thuật

3.2.1 Kích thước cơ bản

Áo đông mặc trong chỉ huy Dân quân tự vệ nữ gồm các cỡ 3; 4 và 5. Thông số kích thước cơ bản của áo đông mặc trong chỉ huy Dân quân tự vệ nữ được quy định tại Bảng C.8 Phụ lục C.

3.2.2 Yêu cầu về cắt, ép mex

- Các chi tiết của sản phẩm khi cắt phải đảm bảo ngang canh thẳng sợi;

- Các chi tiết cắt dọc sợi vải: Thân áo, tay áo, cổ áo, măng séc;
- Các chi tiết ép mex: Chân cổ, bản cổ, măng séc, nắp túi lần chính; phải đảm bảo chắc chắn, không phồng rộp.

3.2.3 Yêu cầu về các đường may

- Dùng kim số 14 để may, các mũi chỉ phải đều đặn, không bỏ mũi, sùi chỉ, nhăn vải, không sên tuột chỉ;
- Các đường may phải đảm bảo mật độ từ 5 đến 6 mũi chỉ/1 cm. Đầu và cuối các đường may phải lại mũi chỉ 3 lần, dài 1 cm chồng khít lên nhau, cắt sạch chỉ thừa, không nhăn dúm;
- Tra tay áo phải tròn đều êm cạnh, không cầm, bai dãn dúm. Túi phải cân đối, đúng vị trí. Cổ áo 2 bên phải đều nhau;
- Đường may cách mép 0,1 cm: Đường mí chân măng séc, mí xung quanh chân cổ, thép tay, xung quanh móc dẹt;
- Đường may cách mép 0,4 cm: Đường điều cổ, điều cạnh măng séc;
- Đường may cách mép 0,7 cm: Đường may tra cổ;
- Đường may cách mép 1 cm: Đường chắp sườn, tra tay, chắp vai, tra măng séc.

3.2.4 Yêu cầu về thừa khuyết, đính cúc

- Khuyết thừa phải đều, sát chỉ không nhăn dúm, tuột chân, mật độ 14 mũi/1 cm chắc chắn không sờ tuột;
- Khuyết đặt bên trái nẹp áo của người mặc, khuyết áo được thừa dọc nẹp áo, khuyết cách mép nẹp 1,5 cm, khuyết rộng 1,2 cm;
- Vị trí cúc đính đối xứng với khuyết thừa, tối thiểu có 12 chỉ qua 2 lỗ nút chắc chắn, không sờ tuột, không làm nhăn mặt vải, cắt sạch các đầu chỉ thừa.

3.2.5 Yêu cầu về là

Áo đông mặc trong chỉ huy Dân quân tự vệ nữ may xong được là trên bàn là hơi có nhiệt độ phù hợp với nguyên liệu. Là phẳng các chi tiết lần ngoài, là định vị ve, cổ.

4 Phương pháp kiểm tra

4.1 Tỷ lệ kiểm tra

Kiểm tra theo xác suất cho từng lô hàng, lấy mẫu ngẫu nhiên từ 5 % đến 10 % số lượng sản phẩm trong lô hàng để kiểm tra.

4.2 Kiểm tra yêu cầu chung

4.2.1 Kiểm tra ngoại quan

Kiểm tra ngoại quan bằng mắt thường phải đạt yêu cầu theo quy định tại 3.1.1.

4.2.2 Kiểm tra nguyên liệu

Nguyên liệu sản xuất phải có nguồn gốc rõ ràng, được kiểm tra trước khi đưa vào sản xuất. Kiểm tra chủng loại, chất lượng nguyên vật liệu thông qua giấy chứng nhận hợp chuẩn; phiếu

chứng nhận hợp cách hoặc biên bản kiểm tra chất lượng. Kết quả kiểm tra phải đạt yêu cầu theo quy định tại 3.1.2.

4.3 Kiểm tra chỉ tiêu kỹ thuật

Trải sản phẩm trên bàn phẳng, đo kích thước sản phẩm theo chiều dài, chiều rộng bằng thước dây, đo kích thước đường kính cúc bằng thước cặp. Kết quả kiểm tra phải đạt yêu cầu theo quy định tại 3.2.

5 Xử lý chung

Áo đông mặc trong chỉ huy Dân quân tự vệ nữ sau sản xuất kiểm tra phải đạt các yêu cầu theo quy định tại Tiêu chuẩn này. Trường hợp kiểm tra không đạt yêu cầu theo quy định tại Tiêu chuẩn này phải tiến hành kiểm tra lại với số lượng mẫu gấp đôi cũng lấy từ chính lô sản phẩm đó. Trường hợp kiểm tra lại vẫn không đạt yêu cầu thì không được đưa vào sử dụng.

6 Ghi nhãn, bao gói, vận chuyển, bảo quản

6.1 Ghi nhãn

- Nhãn dệt có đầy đủ các thông tin: Tên đơn vị sản xuất, năm sản xuất; nhãn dệt được gấp đôi gắn vào sườn trái phía trong cách gấu 12 cm;
- Nhãn cỡ số được in trên màng sợi Polyeste tráng bột giấy; nhãn cỡ số được gắn sát nhãn dệt (về phía gấu) mặt số lên trên.

6.2 Bao gói

- Áo được cài cúc nẹp, gấp thân áo 2 bên và 2 tay về phía sau dọc theo thân, sau đó được gấp đôi theo chiều ngang;
- Áo đông mặc trong chỉ huy Dân quân tự vệ nữ được cho vào 1 túi nilon, 80 cái xếp vào bao PP theo quy định tại Phụ lục D.

6.3 Vận chuyển

Sản phẩm được vận chuyển bằng phương tiện vận tải thông dụng và được che đậy cẩn thận tránh mưa, nắng.

6.4 Bảo quản

Sản phẩm được bảo quản nơi khô ráo, tránh mưa, nắng; không để chung với các loại hóa chất, xăng dầu.

Trang phục Dân quân tự vệ -**Phần 10: Quần đồng chỉ huy Dân quân tự vệ nữ****1 Phạm vi áp dụng**

TCVN/QS 1822-10:2021 quy định các yêu cầu kỹ thuật và phương pháp kiểm tra đối với sản phẩm quần đồng chỉ huy Dân quân tự vệ nữ (gồm: Các chức vụ chỉ huy Ban chỉ huy quân sự bộ, ngành Trung ương; Ban chỉ huy quân sự cấp xã; Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức; thôn đội trưởng; các chức vụ chỉ huy đơn vị dân quân tự vệ cơ động, thường trực từ trung đội trưởng trở lên) và dùng trong may hàng loạt.

2 Quy định chung

Các phương tiện đo, kiểm tra chỉ tiêu kỹ thuật của quần đồng chỉ huy Dân quân tự vệ nữ được quy định tại Bảng A.1 Phụ lục A.

3 Yêu cầu kỹ thuật**3.1 Yêu cầu chung****3.1.1 Yêu cầu ngoại quan**

Kiểu quần âu dài, thân trước có 1 ly lật ra phía dọc, 2 túi chéo, thân sau chiết ly. Cạp quần được dựng ép mex, cửa quần dùng khóa kéo fecmotuya, đầu cạp cài cúc bên trong có móc.

3.1.2 Yêu cầu về nguyên liệu

- Quần được may bằng vải Gabadin Peco với tỷ lệ 65/35 màu xanh cô ban sẫm, đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.1 Phụ lục B;
- Vải lót Kate cùng màu với nguyên liệu chính, đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.4 Phụ lục B;
- Cúc nhựa nhiệt rắn cùng màu với nguyên liệu chính, đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.5 Phụ lục B;
- Chỉ may Peco 60/3 cùng màu với nguyên liệu chính, đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.6 Phụ lục B;
- Mex đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.7 và Bảng B.8 Phụ lục B.

3.2 Chỉ tiêu kỹ thuật**3.2.1 Kích thước cơ bản**

Quần đồng chỉ huy Dân quân tự vệ nữ gồm các cỡ 3; 4 và 5. Thông số kích thước cơ bản của quần đồng chỉ huy Dân quân tự vệ nữ được quy định tại Bảng C.9 Phụ lục C.

3.2.2 Yêu cầu về cắt, ép mex

- Các chi tiết của sản phẩm khi cắt phải đảm bảo ngang canh thẳng sợi;
- Các chi tiết cắt dọc sợi vải: Thân quần, cạp quần, đáy túi dọc, đáy moi, đáy khóa;
- Các chi tiết cắt ngang sợi vải: Lót cạp;
- Các chi tiết ép mex: Cạp quần, phải đảm bảo chắc chắn, không phồng rộp.

3.2.3 Yêu cầu về các đường may

- Dùng kim số 14 để may, các mũi chỉ phải đều đặn, không bỏ mũi, sùi chỉ, nhăn vải, không sênh tuột chỉ;
- Các đường may phải đảm bảo mật độ từ 5 đến 6 mũi chỉ/1 cm. Đầu và cuối các đường may phải lại mũi chỉ 3 lần, dài 1 cm chồng khít lên nhau, cắt sạch chỉ thừa, không nhăn dúm;
- Túi phải cân đối, đúng vị trí;
- Đường may cách mép 0,1 cm: Mí lé đáy moi, mí thân quần vào khóa, mí xung quanh móc dẹt;
- Đường may cách mép 0,4 cm: Điều sống cạp, lót túi dọc;
- Đường may cách mép 0,7 cm: Điều miệng túi dọc quần;
- Đường may cách mép 1 cm: May giàng, dọc quần.

3.2.4 Yêu cầu về thừa khuyết, đính cúc

- Khuyết thừa phải đều, sát chỉ không nhăn dúm, tuột chân, mật độ 14 mũi/1 cm chắc chắn không sờ tuột;
- Khuyết quần thừa ngang, giữa đầu cạp, cách đầu cạp 0,7 cm, khuyết rộng 1,6 cm;
- Vị trí cúc đính đối xứng với khuyết thừa, tối thiểu có 12 chỉ qua 2 lỗ nút chắc chắn, không sờ tuột, không làm nhăn mặt vải, cắt sạch các đầu chỉ thừa.

3.2.5 Yêu cầu về là

Quần đông chỉ huy Dân quân tự vệ nữ may xong được là trên bàn là hơi có nhiệt độ phù hợp với nguyên liệu, là rẽ đường dọc, giàng quần, toàn bộ mặt ngoài của quần, là phẳng theo lý quần từ chân cạp xuống hết ống quần.

4 Phương pháp kiểm tra

4.1 Tỷ lệ kiểm tra

Kiểm tra theo xác suất cho từng lô hàng, lấy mẫu ngẫu nhiên từ 5 % đến 10 % số lượng sản phẩm trong lô hàng để kiểm tra.

4.2 Kiểm tra yêu cầu chung

4.2.1 Kiểm tra ngoại quan

Kiểm tra ngoại quan bằng mắt thường phải đạt yêu cầu theo quy định tại 3.1.1.

4.2.2 Kiểm tra nguyên liệu

Nguyên liệu sản xuất phải có nguồn gốc rõ ràng, được kiểm tra trước khi đưa vào sản xuất. Kiểm tra chủng loại, chất lượng nguyên vật liệu thông qua giấy chứng nhận hợp chuẩn; phiếu

chứng nhận hợp cách hoặc biên bản kiểm tra chất lượng. Kết quả kiểm tra phải đạt yêu cầu theo quy định tại 3.1.2.

4.3 Kiểm tra chỉ tiêu kỹ thuật

Trái sản phẩm trên bàn phẳng, đo kích thước sản phẩm theo chiều dài, chiều rộng bằng thước dây, đo kích thước đường kính cốc bằng thước cặp. Kết quả kiểm tra phải đạt yêu cầu theo quy định tại 3.2.

5 Xử lý chung

Quần đông chỉ huy Dân quân tự vệ nữ sau sản xuất kiểm tra phải đạt các yêu cầu theo quy định tại Tiêu chuẩn này. Trường hợp kiểm tra không đạt yêu cầu theo quy định tại Tiêu chuẩn này phải tiến hành kiểm tra lại với số lượng mẫu gấp đôi cũng lấy từ chính lô sản phẩm đó. Trường hợp kiểm tra lại vẫn không đạt yêu cầu thì không được đưa vào sử dụng.

6 Ghi nhãn, bao gói, vận chuyển, bảo quản

6.1 Ghi nhãn

- Nhãn dệt có đầy đủ các thông tin: Tên đơn vị sản xuất, năm sản xuất; nhãn dệt được gắn vào lót cạp thân sau bên trái;
- Nhãn cỡ số được in trên màng sợi Polyeste tráng bột giấy; nhãn cỡ số được gắn vào giữa cạnh phía dưới của nhãn dệt, mặt số lên trên.

6.2 Bao gói

- Quần gấp đôi theo đường ly quần đã được là, gấp đôi chiều dài quần;
- Quần đông chỉ huy Dân quân tự vệ nữ được lồng cùng với áo đông chỉ huy Dân quân tự vệ nữ có cùng cỡ số thành từng bộ, mỗi bộ cho vào 1 túi nilon, 10 bộ buộc thành 1 bó (02 bó trở đầu), xếp 30 bó vào bao PP theo quy định tại Phụ lục D.

6.3 Vận chuyển

Sản phẩm được vận chuyển bằng phương tiện vận tải thông dụng và được che đậy cẩn thận tránh mưa, nắng.

6.4 Bảo quản

Sản phẩm được bảo quản nơi khô ráo, tránh mưa, nắng; không để chung với các loại hóa chất, xăng dầu.

Trang phục Dân quân tự vệ -

Phần 11: Áo hè chỉ huy Dân quân tự vệ nam

1 Phạm vi áp dụng

TCVN/QS 1822-11:2021 quy định các yêu cầu kỹ thuật và phương pháp kiểm tra đối với sản phẩm áo hè chỉ huy Dân quân tự vệ nam (gồm: Các chức vụ chỉ huy Ban chỉ huy quân sự bộ, ngành Trung ương; Ban chỉ huy quân sự cấp xã; Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức; thôn đội trưởng; các chức vụ chỉ huy đơn vị dân quân tự vệ cơ động, thường trực từ trung đội trưởng trở lên) và dùng trong may hàng loạt.

2 Quy định chung

Các phương tiện đo, kiểm tra chỉ tiêu kỹ thuật của áo hè chỉ huy Dân quân tự vệ nam được quy định tại Bảng A.1 Phụ lục A.

3 Yêu cầu kỹ thuật

3.1 Yêu cầu chung

3.1.1 Yêu cầu ngoại quan

Kiểu áo ngắn tay, cổ đứng, nẹp áo có 6 cúc nhựa đường kính 15 mm; thân trước có 2 túi ốp nổi có nắp gắn nhám dính. Thân trước từ túi trên có đề cúp để làm thành hai túi dọc theo thân trước. Vai áo có bật vai đính cúc. Tay áo bên trái có gắn phù hiệu lực lượng Dân quân tự vệ. Thân sau có cầu vai, phần thân dưới 3 mảnh có xẻ 2 bên.

3.1.2 Yêu cầu về nguyên liệu

- Áo được may bằng vải Gabardin Peco với tỷ lệ 65/35 màu xanh cô ban sẫm, đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.1 Phụ lục B;
- Cúc nhựa nhiệt rắn cùng màu với nguyên liệu chính, đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.5 Phụ lục B;
- Chỉ may Peco 60/3 cùng màu với nguyên liệu chính, đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.6 Phụ lục B;
- Mex đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.7 và Bảng B.8 Phụ lục B.

3.2 Chỉ tiêu kỹ thuật

3.2.1 Kích thước cơ bản

Áo hè chỉ huy Dân quân tự vệ nam gồm các cỡ 3; 4; 5 và 6. Thông số kích thước cơ bản của áo được quy định tại Bảng C.10 Phụ lục C.

3.2.2 Yêu cầu về cắt, ép mex

- Các chi tiết của sản phẩm khi cắt phải đảm bảo ngang canh thẳng sợi;
- Các chi tiết cắt dọc sợi vải: Thân áo, tay áo, cổ áo, túi áo, cầu vai, bật vai;
- Các chi tiết cắt ngang sợi vải: Nắp túi áo;
- Các chi tiết ép mex: Bàn cổ, chân cổ; phải đảm bảo chắc chắn, không phồng rộp.

3.2.3 Yêu cầu về các đường may

- Dùng kim số 14 để may, các mũi chỉ phải đều đặn, không bỏ mũi, sùi chỉ, nhăn vải, không sên tuột chỉ;
- Các đường may phải đảm bảo mật độ từ 5 đến 6 mũi chỉ/1 cm. Đầu và cuối các đường may phải lại mũi chỉ 3 lần, dài 1 cm chồng khít lên nhau, cắt sạch chỉ thừa, đường may không sùi chỉ, dẫn dùm;
- Tra tay áo phải tròn đều êm canh, không cảm, bai dẫn dùm. Túi phải cân đối, đúng vị trí, đối xứng nhau qua nẹp. Cổ áo 2 bên phải đều nhau;
- Đường may cách mép 0,1 cm: Chân cổ; dán túi, mí xẻ sau trong, xung quanh mác đơn vị sản xuất;
- Đường may cách mép 0,4 cm: Đường diều nẹp, cổ, cửa tay, cá vai, nắp túi;
- Đường may song song cách nhau 0,6 cm: Gáy nắp túi, đường bỏ thân trước, nẹp áo;
- Đường may cách mép 0,7 cm: Đường may tra cổ;
- Đường may cách mép 1 cm: Đường chắp sườn, vai, tra tay, sống tay.

3.2.4 Yêu cầu về thừa khuyết, đính cúc

- Khuyết thừa phải đều, sát chỉ không nhăn dùm, tuột chân, mật độ 14 mũi/1 cm chắc chắn không sờ tuột;
- Khuyết đặt bên trái nẹp áo của người mặc. Khuyết được thừa dọc nẹp, khuyết rộng 1,6 cm;
- Vị trí cúc đính đối xứng với khuyết thừa, tối thiểu có 12 chỉ qua 2 lỗ nút chắc chắn, không sờ tuột, không làm nhăn mặt vải, cắt sạch các đầu chỉ thừa.

3.2.5 Yêu cầu về là

Áo hè chỉ huy Dân quân tự vệ nam may xong được là trên bàn là hơi có nhiệt độ phù hợp với nguyên liệu, là phẳng các chi tiết lần ngoài, là định vị cổ.

4 Phương pháp kiểm tra

4.1 Tỷ lệ kiểm tra

Kiểm tra theo xác suất cho từng lô hàng, lấy mẫu ngẫu nhiên từ 5 % đến 10 % số lượng sản phẩm trong lô hàng để kiểm tra.

4.2 Kiểm tra yêu cầu chung

4.2.1 Kiểm tra ngoại quan

Kiểm tra ngoại quan bằng mắt thường phải đạt yêu cầu theo quy định tại 3.1.1.

4.2.2 Kiểm tra nguyên liệu

Nguyên liệu sản xuất phải có nguồn gốc rõ ràng, được kiểm tra trước khi đưa vào sản xuất. Kiểm tra chủng loại, chất lượng nguyên vật liệu thông qua giấy chứng nhận hợp chuẩn; phiếu chứng nhận hợp cách hoặc biên bản kiểm tra chất lượng. Kết quả kiểm tra phải đạt yêu cầu theo quy định tại 3.1.2.

4.3 Kiểm tra chỉ tiêu kỹ thuật

Trải sản phẩm trên bàn phẳng, đo kích thước sản phẩm theo chiều dài, chiều rộng bằng thước dây, đo kích thước đường kính cúc bằng thước cặp. Kết quả kiểm tra phải đạt yêu cầu theo quy định tại 3.2.

5 Xử lý chung

Áo hè chỉ huy Dân quân tự vệ nam sau sản xuất kiểm tra phải đạt các yêu cầu theo quy định tại Tiêu chuẩn này. Trường hợp kiểm tra không đạt yêu cầu theo quy định tại Tiêu chuẩn này phải tiến hành kiểm tra lại với số lượng mẫu gấp đôi cũng lấy từ chính lô sản phẩm đó. Trường hợp kiểm tra lại vẫn không đạt yêu cầu thì không được đưa vào sử dụng.

6 Ghi nhãn, bao gói, vận chuyển, bảo quản

6.1 Ghi nhãn

- Nhãn dệt có đầy đủ các thông tin: Tên đơn vị sản xuất, năm sản xuất; nhãn dệt được gắn vào lần lót áo giữa thân sau, cách chân cổ 3 cm, may mí xung quanh;
- Nhãn cỡ số được in trên màng sợi Polyeste tráng bột giấy; nhãn cỡ số được gắn sát nhãn dệt (về phía gấu) mặt số lên trên.

6.2 Bao gói

- Áo được gấp dọc theo thân, gấp đôi theo chiều ngang;
- Áo hè chỉ huy Dân quân tự vệ nam được gấp và lồng cùng với quần hè chỉ huy Dân quân tự vệ nam có cùng cỡ số thành từng bộ, mỗi bộ cho vào 1 túi nilon, 20 bộ buộc thành 1 bó (10 bộ trở đầu), xếp 40 bộ vào bao PP theo quy định tại Phụ lục D.

6.3 Vận chuyển

Sản phẩm được vận chuyển bằng phương tiện vận tải thông dụng và được che đậy cẩn thận tránh mưa, nắng.

6.4 Bảo quản

Sản phẩm được bảo quản nơi khô ráo, tránh mưa, nắng; không để chung với các loại hóa chất, xăng dầu.

Trang phục Dân quân tự vệ -

Phần 12: Quần hệ chỉ huy Dân quân tự vệ nam

1 Phạm vi áp dụng

TCVN/QS 1822-12:2021 quy định các yêu cầu kỹ thuật và phương pháp kiểm tra đối với sản phẩm quần hệ chỉ huy Dân quân tự vệ nam (gồm: Các chức vụ chỉ huy Ban chỉ huy quân sự bộ, ngành Trung ương; Ban chỉ huy quân sự cấp xã; Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức; thôn đội trưởng; các chức vụ chỉ huy đơn vị dân quân tự vệ cơ động, thường trực từ trung đội trưởng trở lên) và dùng trong may hàng loạt.

2 Quy định chung

Các phương tiện đo, kiểm tra chỉ tiêu kỹ thuật của quần hệ chỉ huy Dân quân tự vệ nam được quy định tại Bảng A.1 Phụ lục A.

3 Yêu cầu kỹ thuật

3.1 Yêu cầu chung

3.1.1 Yêu cầu ngoại quan

Kiểu quần âu dài, thân trước có 1 ly lật ra phía dọc, có 2 túi chéo. Thân sau chiết ly, có 1 túi hậu. Cửa quần dùng khóa kéo fecmotuya. Cạp quần được dựng ép mex, có 6 dây để luồn dây lưng (dây vắt xăng), đầu cạp cài cúc, bên trong có móc.

3.1.2 Yêu cầu về nguyên liệu

- Quần được may bằng vải Gabadin Peco với tỷ lệ 65/35 màu xanh cô ban sẫm, đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.1 Phụ lục B;
- Vải lót Kate cùng màu với nguyên liệu chính, đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.4 Phụ lục B;
- Cúc nhựa nhiệt rắn cùng màu với nguyên liệu chính, đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.5 Phụ lục B;
- Chỉ may Peco 60/3 cùng màu với nguyên liệu chính, đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.6 Phụ lục B;
- Mex đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.7 và Bảng B.8 Phụ lục B.

3.2 Chỉ tiêu kỹ thuật

3.2.1 Kích thước cơ bản

Quần hệ chỉ huy Dân quân tự vệ nam gồm các cỡ 3; 4; 5 và 6. Thông số kích thước cơ bản của quần hệ chỉ huy Dân quân tự vệ nam được quy định tại Bảng C.11 Phụ lục C.

3.2.2 Yêu cầu về cắt, ép mex

- Các chi tiết của sản phẩm khi cắt phải đảm bảo ngang canh thẳng sợi;
- Các chi tiết cắt dọc sợi vải: Thân quần, cạp quần, đáy túi chéo, cơi túi, dây vắt xăng, đáy moi;
- Chi tiết cắt ngang sợi vải: Lót cạp, đáy túi hậu;
- Các chi tiết ép mex: Cạp quần, cơi túi hậu; phải đảm bảo chắc chắn, không phồng rộp.

3.2.3 Yêu cầu về các đường may

- Dùng kim số 14 để may, các mũi chỉ phải đều đặn, không bỏ mũi, sùi chỉ, nhăn vải, không sênh tuột chỉ;
- Các đường may phải đảm bảo từ 5 đến 6 mũi chỉ/1 cm. Đầu và cuối các đường may phải lại mũi chỉ 3 lần, dài 1 cm chồng khít lên nhau, cắt sạch chỉ thừa, không nhăn dúm;
- Đường may cách mép 0,1 cm: Mí xung quanh miệng túi hậu, đáy túi hậu, 2 bên dây vắt xăng, đáy moi, mí thân quần vào khóa, mí xung quanh móc dẹt;
- Đường may cách mép 0,4 cm: Xung quanh lót túi dọc, lót túi hậu, moi đỡ khóa, điều sống cạp;
- Đường may cách mép 0,7 cm: Điều miệng túi chéo;
- Đường may cách mép 1 cm: Đường may chắp giàng, dọc quần.

3.2.4 Yêu cầu về thừa khuyết, đính cúc

- Khuyết thừa phải đều, sát chỉ không nhăn dúm, tuột chân, mật độ 14 mũi/1 cm chắc chắn không sờ tuột;
- Khuyết quần thừa ngang, giữa đầu cạp, cách đầu cạp 0,7 cm, khuyết rộng 1,6 cm;
- Vị trí cúc đính đối xứng với khuyết thừa, tối thiểu có 12 chỉ qua 2 lỗ nút chắc chắn, không sờ tuột, không làm nhăn mặt vải, cắt sạch các đầu chỉ thừa.

3.2.5 Yêu cầu về là

Quần hệ chỉ huy Dân quân tự vệ nam may xong được là trên bàn là hơi có nhiệt độ phù hợp với nguyên liệu, là rẽ đường dọc, giàng quần, toàn bộ mặt ngoài của quần, là phẳng theo ly quần từ chân cạp xuống hết ống quần.

4 Phương pháp kiểm tra

4.1 Tỷ lệ kiểm tra

Kiểm tra theo xác suất cho từng lô hàng, lấy mẫu ngẫu nhiên từ 5 % đến 10 % số lượng sản phẩm trong lô hàng để kiểm tra.

4.2 Kiểm tra yêu cầu chung

4.2.1 Kiểm tra ngoại quan

Kiểm tra ngoại quan bằng mắt thường phải đạt yêu cầu theo quy định tại 3.1.1.

4.2.2 Kiểm tra nguyên liệu

Nguyên liệu sản xuất phải có nguồn gốc rõ ràng, được kiểm tra trước khi đưa vào sản xuất. Kiểm tra chủng loại, chất lượng nguyên vật liệu thông qua giấy chứng nhận hợp chuẩn; phiếu

chứng nhận hợp cách hoặc biên bản kiểm tra chất lượng. Kết quả kiểm tra phải đạt yêu cầu theo quy định tại 3.1.2.

4.3 Kiểm tra chỉ tiêu kỹ thuật

Trái sản phẩm trên bàn phẳng, đo kích thước sản phẩm theo chiều dài, chiều rộng bằng thước dây, đo kích thước đường kính cúc bằng thước cặp. Kết quả kiểm tra phải đạt yêu cầu theo quy định tại 3.2.

5 Xử lý chung

Quần hệ chỉ huy Dân quân tự vệ nam sau sản xuất kiểm tra phải đạt các yêu cầu theo quy định tại Tiêu chuẩn này. Trường hợp kiểm tra không đạt yêu cầu theo quy định tại Tiêu chuẩn này phải tiến hành kiểm tra lại với số lượng mẫu gấp đôi cũng lấy từ chính lô sản phẩm đó. Trường hợp kiểm tra lại vẫn không đạt yêu cầu thì không được đưa vào sử dụng.

6 Ghi nhãn, bao gói, vận chuyển, bảo quản

6.1 Ghi nhãn

- Nhãn dệt có đầy đủ các thông tin: Tên đơn vị sản xuất, năm sản xuất; nhãn dệt được gắn vào lót cặp thân sau bên trái;
- Nhãn cỡ số được in trên màng sợi Polyeste tráng bột giấy; nhãn cỡ số được gắn vào giữa cạnh phía dưới của nhãn dệt, mặt số lên trên.

6.2 Bao gói

- Quần gấp đôi theo đường ly quần đã được là, gấp đôi chiều dài quần;
- Quần hệ chỉ huy Dân quân tự vệ nam được lồng với áo hệ chỉ huy Dân quân tự vệ nam có cùng cỡ số thành từng bộ, mỗi bộ cho vào 1 túi nilon, 20 bộ buộc thành 1 bó (10 bộ trở đầu), xếp 40 bộ vào bao PP theo quy định tại Phụ lục D.

6.3 Vận chuyển

Sản phẩm được vận chuyển bằng phương tiện vận tải thông dụng và được che đậy cẩn thận tránh mưa, nắng.

6.4 Bảo quản

Sản phẩm được bảo quản nơi khô ráo, tránh mưa, nắng; không để chung với các loại hóa chất, xăng dầu.

Trang phục Dân quân tự vệ -**Phần 13: Áo hè chỉ huy Dân quân tự vệ nữ****1 Phạm vi áp dụng**

TCVN/QS 1822-13:2021 quy định các yêu cầu kỹ thuật và phương pháp kiểm tra đối với sản phẩm áo hè chỉ huy Dân quân tự vệ nữ (gồm: Các chức vụ chỉ huy Ban chỉ huy quân sự bộ, ngành Trung ương; Ban chỉ huy quân sự cấp xã; Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức; thôn đội trưởng; các chức vụ chỉ huy đơn vị dân quân tự vệ cơ động, thường trực từ trung đội trưởng trở lên) và dùng trong may hàng loạt.

2 Quy định chung

Các phương tiện đo, kiểm tra chỉ tiêu kỹ thuật của áo hè chỉ huy Dân quân tự vệ nữ được quy định tại Bảng A.1 Phụ lục A.

3 Yêu cầu kỹ thuật**3.1 Yêu cầu chung****3.1.1 Yêu cầu ngoại quan**

Kiểu áo sơ mi cổ chữ K ngắn tay; thân trước chiết ly, nẹp cài 5 cúc, phía dưới có 2 túi coi viền có nắp; cửa tay may gấp vào trong, thân sau có sống sau xẻ phía dưới, tay bên trái có gắn phù hiệu lực lượng Dân quân tự vệ.

3.1.2 Yêu cầu về nguyên liệu

- Áo được may bằng vải Gabardin Peco với tỷ lệ 65/35 màu xanh cô ban sẫm, đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.1 Phụ lục B;
- Cúc nhựa nhiệt rắn cùng màu với nguyên liệu chính, đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.5 Phụ lục B;
- Chỉ may Peco 60/3 cùng màu với nguyên liệu chính, đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.6 Phụ lục B;
- Mex đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.7 và Bảng B.8 Phụ lục B.

3.2 Chỉ tiêu kỹ thuật**3.2.1 Kích thước cơ bản**

Áo hè chỉ huy Dân quân tự vệ nữ gồm các cỡ 3; 4 và 5. Thông số kích thước cơ bản của áo hè chỉ huy Dân quân tự vệ nữ được quy định tại Bảng C.12 Phụ lục C.

3.2.2 Yêu cầu về cắt, ép mex

- Các chi tiết của sản phẩm khi cắt phải đảm bảo ngang canh thẳng sợi;
- Các chi tiết cắt dọc sợi vải: Thân áo, tay áo, cổ áo, đáy túi;
- Các chi tiết cắt ngang sợi vải: Nắp túi áo;
- Các chi tiết ép mex: Cổ áo, nắp túi, ve áo; phải đảm bảo chắc chắn, không phồng rộp.

3.2.3 Yêu cầu về các đường may

- Dùng kim số 14 để may, các mũi chỉ phải đều đặn, không bỏ mũi, sùi chỉ, nhăn vải, không sênh tuột chỉ;
- Các đường may phải đảm bảo mật độ từ 5 đến 6 mũi chỉ/1 cm. Đầu và cuối các đường may phải lại mũi chỉ 3 lần, dài 1 cm chồng khít lên nhau, cắt sạch chỉ thừa, đường may không dẫn dúm;
- Tra tay áo phải tròn đều êm canh, không cầm, bai dẫn dúm. Túi phải cân đối, đúng vị trí, đối xứng nhau qua nếp. Cổ áo, ve áo 2 bên phải đều nhau;
- Đường may cách mép 0,1 cm: Mí chân cổ, mí thắm một đoạn ve vào thân;
- Đường may cách mép 0,4 cm: Diễu ve, cổ, giữa sống sau;
- Đường may cách mép 0,7 cm: Đường may tra cổ; quay lộn nắp túi;
- Đường may cách mép 1 cm: Đường chắp sườn, vai, tra tay, bụng tay, sống tay.

3.2.4 Yêu cầu về thùa khuyết, đính cúc

- Khuyết thùa phải đều, sát chỉ không nhăn dúm, tuột chân, mật độ 14 mũi/1 cm chắc chắn không sờ tuột;
- Khuyết thùa bên phải nếp áo của người mặc, khuyết được thùa đầu bằng dọc nếp áo, đầu khuyết cách mép nếp 1,5 cm, khuyết rộng 1,6 cm;
- Vị trí cúc đính đối xứng với khuyết thùa, tối thiểu có 12 chỉ qua 2 lỗ nút chắc chắn, không sờ tuột, không làm nhăn mặt vải, cắt sạch các đầu chỉ thừa.

3.2.5 Yêu cầu về là

Áo hè chỉ huy Dân quân tự vệ nữ may xong được là trên bàn là hơi có nhiệt độ phù hợp với nguyên liệu, là phẳng các chi tiết lần ngoài, là định vị ve, cổ.

4 Phương pháp kiểm tra

4.1 Tỷ lệ kiểm tra

Kiểm tra theo xác suất cho từng lô hàng, lấy mẫu ngẫu nhiên từ 5 % đến 10 % số lượng sản phẩm trong lô hàng để kiểm tra.

4.2 Kiểm tra yêu cầu chung

4.2.1 Kiểm tra ngoại quan

Kiểm tra ngoại quan bằng mắt thường phải đạt yêu cầu theo quy định tại 3.1.1.

4.2.2 Kiểm tra nguyên liệu

Nguyên liệu sản xuất phải có nguồn gốc rõ ràng, được kiểm tra trước khi đưa vào sản xuất. Kiểm tra chủng loại, chất lượng nguyên vật liệu thông qua giấy chứng nhận hợp chuẩn; phiếu chứng nhận hợp cách hoặc biên bản kiểm tra chất lượng. Kết quả kiểm tra phải đạt yêu cầu theo quy định tại 3.1.2.

4.3 Kiểm tra chỉ tiêu kỹ thuật

Trải sản phẩm trên bàn phẳng, đo kích thước sản phẩm theo chiều dài, chiều rộng bằng thước dây, đo kích thước đường kính cúc bằng thước cặp. Kết quả kiểm tra phải đạt yêu cầu theo quy định tại 3.2.

5 Xử lý chung

Áo hè chỉ huy Dân quân tự vệ nữ sau sản xuất kiểm tra phải đạt các yêu cầu theo quy định tại Tiêu chuẩn này. Trường hợp kiểm tra không đạt yêu cầu theo quy định tại Tiêu chuẩn này phải tiến hành kiểm tra lại với số lượng mẫu gấp đôi cũng lấy từ chính lô sản phẩm đó. Trường hợp kiểm tra lại vẫn không đạt yêu cầu thì không được đưa vào sử dụng.

6 Ghi nhãn, bao gói, vận chuyển, bảo quản

6.1 Ghi nhãn

- Nhãn dệt có đầy đủ các thông tin: Tên đơn vị sản xuất, năm sản xuất; nhãn dệt được gấp đôi gắn vào sườn trái phía trong cách gấu 12 cm;
- Nhãn cỡ số được in trên màng sợi Polyeste tráng bột giấy; nhãn cỡ số được gắn sát nhãn dệt (về phía gấu) mặt số lên trên.

6.2 Bao gói

- Áo được gấp dọc theo thân, gấp đôi theo chiều ngang;
- Áo hè chỉ huy Dân quân tự vệ nữ được gấp và lồng cùng với quần hè chỉ huy Dân quân tự vệ nữ có cùng cỡ số thành từng bộ, mỗi bộ cho vào 1 túi nilon, 20 bộ buộc thành 1 bó (10 bộ trở đầu), xếp 40 bộ vào bao PP theo quy định tại Phụ lục D.

6.3 Vận chuyển

Sản phẩm được vận chuyển bằng phương tiện vận tải thông dụng và được che đậy cẩn thận tránh mưa, nắng.

6.4 Bảo quản

Sản phẩm được bảo quản nơi khô ráo, tránh mưa, nắng; không để chung với các loại hóa chất, xăng dầu.

Trang phục Dân quân tự vệ -

Phần 14: Quần hệ chỉ huy Dân quân tự vệ nữ

1 Phạm vi áp dụng

TCVN/QS 1822-14:2021 quy định các yêu cầu kỹ thuật và phương pháp kiểm tra đối với sản phẩm quần hệ chỉ huy Dân quân tự vệ nữ (gồm: Các chức vụ chỉ huy Ban chỉ huy quân sự bộ, ngành Trung ương; Ban chỉ huy quân sự cấp xã; Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức; thôn đội trưởng; các chức vụ chỉ huy đơn vị dân quân tự vệ cơ động, thường trực từ trung đội trưởng trở lên) và dùng trong may hàng loạt.

2 Quy định chung

Các phương tiện đo, kiểm tra chỉ tiêu kỹ thuật của quần hệ chỉ huy Dân quân tự vệ nữ được quy định tại Bảng A.1 Phụ lục A.

3 Yêu cầu kỹ thuật

3.1 Yêu cầu chung

3.1.1 Yêu cầu ngoại quan

Kiểu quần âu dài, thân trước có 1 ly lật ra phía dọc, có 2 túi chéo, thân sau chiết ly. Cạp quần được dựng ép mex, cửa quần dùng khóa kéo fecmotuya, đầu cạp cài cúc bên trong có móc.

3.1.2 Yêu cầu về nguyên liệu

- Quần được may bằng vải Gabadın Peco với tỷ lệ 65/35 màu xanh cô ban sẫm, đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.1 Phụ lục B;
- Vải lót Kate dùng làm lót túi cùng màu với nguyên liệu chính, đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.4 Phụ lục B;
- Cúc nhựa nhiệt rắn cùng màu với nguyên liệu chính, đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.5 Phụ lục B;
- Chỉ may Peco 60/3 cùng màu với nguyên liệu chính, đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.6 Phụ lục B;
- Mex đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.7 và Bảng B.8 Phụ lục B.

3.2 Chỉ tiêu kỹ thuật

3.2.1 Kích thước cơ bản

Quần hệ chỉ huy Dân quân tự vệ nữ gồm các cỡ 3; 4 và 5. Thông số kích thước cơ bản của quần hệ chỉ huy Dân quân tự vệ nữ được quy định tại Bảng C.13 Phụ lục C.

3.2.2 Yêu cầu về cắt, ép mex

- Các chi tiết của sản phẩm khi cắt phải đảm bảo ngang canh thẳng sợi;
- Các chi tiết cắt dọc sợi vải: Thân quần, cạp quần, đáy túi dọc, đáy moi, đáy khóa;
- Các chi tiết cắt ngang sợi vải: Lót cạp;
- Các chi tiết ép mex phải đảm bảo chắc chắn, không phồng rộp.

3.2.3 Yêu cầu về các đường may

- Dùng kim số 14 để may, các mũi chỉ phải đều đặn, không bỏ mũi, sùi chỉ, nhăn vải, không sênh tuột chỉ;
- Các đường may phải đảm bảo mật độ từ 5 đến 6 mũi chỉ/1 cm. Đầu và cuối các đường may phải lại mũi chỉ 3 lần, dài 1 cm chồng khít lên nhau, cắt sạch chỉ thừa, không nhăn dúm;
- Túi phải cân đối, đúng vị trí;
- Đường may cách mép 0,1 cm: Mí lé đáy moi, mí chân cạp, xung quanh móc dẹt;
- Đường may cách mép 0,4 cm: Điều sống cạp, lót túi dọc;
- Đường may cách mép 0,7 cm: Điều miệng túi dọc quần;
- Đường may cách mép 1 cm: May chắp giàng, dọc quần.

3.2.4 Yêu cầu về thừa khuyết, đính cúc

- Khuyết thừa phải đều, sát chỉ không nhăn dúm, tuột chân, mật độ 14 mũi/1 cm chắc chắn không sờ tuột;
- Khuyết quần thừa ngang, giữa đầu cạp cách đầu cạp 0,7 cm, khuyết rộng 1,6 cm;
- Vị trí cúc đính đối xứng với khuyết thừa, tối thiểu có 12 chỉ qua 2 lỗ nút chắc chắn, không sờ tuột, không làm nhăn mặt vải, cắt sạch các đầu chỉ thừa.

3.2.5 Yêu cầu về là

Quần hệ chỉ huy Dân quân tự vệ nữ may xong được là trên bàn là hơi có nhiệt độ phù hợp với nguyên liệu, là rẽ đường dọc, giàng quần, toàn bộ mặt ngoài của quần, là phẳng theo ly quần từ chân cạp xuống hết ống quần.

4 Phương pháp kiểm tra

4.1 Tỷ lệ kiểm tra

Kiểm tra theo xác suất cho từng lô hàng, lấy mẫu ngẫu nhiên từ 5 % đến 10 % số lượng sản phẩm trong lô hàng để kiểm tra.

4.2 Kiểm tra yêu cầu chung

4.2.1 Kiểm tra ngoại quan

Kiểm tra ngoại quan bằng mắt thường phải đạt yêu cầu theo quy định tại 3.1.1.

4.2.2 Kiểm tra nguyên liệu

Nguyên liệu sản xuất phải có nguồn gốc rõ ràng, được kiểm tra trước khi đưa vào sản xuất. Kiểm tra chủng loại, chất lượng nguyên vật liệu thông qua giấy chứng nhận hợp chuẩn; phiếu chứng nhận hợp cách hoặc biên bản kiểm tra chất lượng. Kết quả kiểm tra phải đạt yêu cầu theo quy định tại 3.1.2.

4.3 Kiểm tra chỉ tiêu kỹ thuật

Trải sản phẩm trên bàn phẳng, đo kích thước sản phẩm theo chiều dài, chiều rộng bằng thước dây, đo kích thước đường kính cúc bằng thước cặp. Kết quả kiểm tra phải đạt yêu cầu theo quy định tại 3.2.

5 Xử lý chung

Quần hệ chỉ huy Dân quân tự vệ nữ sau sản xuất kiểm tra phải đạt các yêu cầu theo quy định tại Tiêu chuẩn này. Trường hợp kiểm tra không đạt yêu cầu theo quy định tại Tiêu chuẩn này phải tiến hành kiểm tra lại với số lượng mẫu gấp đôi cũng lấy từ chính lô sản phẩm đó. Trường hợp kiểm tra lại vẫn không đạt yêu cầu thì không được đưa vào sử dụng.

6 Ghi nhãn, bao gói, vận chuyển, bảo quản

6.1 Ghi nhãn

- Nhãn dệt có đầy đủ các thông tin: Tên đơn vị sản xuất, năm sản xuất; nhãn dệt được gắn vào lót cạp thân sau bên trái;
- Nhãn cỡ số được in trên màng sợi Polyeste tráng bột giấy; nhãn cỡ số được gắn vào giữa cạnh phía dưới của nhãn dệt, mặt số lên trên.

6.2 Bao gói

- Quần gấp đôi theo đường ly quần đã được là, gấp đôi chiều dài quần;
- Quần hệ chỉ huy Dân quân tự vệ nữ được lồng với áo hệ chỉ huy Dân quân tự vệ nữ có cùng cỡ số thành từng bộ, mỗi bộ cho vào 1 túi nilon, 20 bộ buộc thành 1 bó (10 bộ trở đầu), xếp 40 bộ vào bao PP theo quy định tại Phụ lục D.

6.3 Vận chuyển

Sản phẩm được vận chuyển bằng phương tiện vận tải thông dụng và được che đậy cẩn thận tránh mưa, nắng.

6.4 Bảo quản

Sản phẩm được bảo quản nơi khô ráo, tránh mưa, nắng; không để chung với các loại hóa chất, xăng dầu.

Trang phục Dân quân tự vệ - Phần 15: Áo chiến sĩ nam

1 Phạm vi áp dụng

TCVN/QS 1822-15:2021 quy định các yêu cầu kỹ thuật và phương pháp kiểm tra đối với sản phẩm áo chiến sĩ nam Dân quân tự vệ và dùng trong may hàng loạt.

2 Quy định chung

Các phương tiện đo, kiểm tra chỉ tiêu kỹ thuật của áo chiến sĩ nam được quy định tại Bảng A.1 Phụ lục A.

3 Yêu cầu kỹ thuật

3.1 Yêu cầu chung

3.1.1 Yêu cầu ngoại quan

Kiểu áo bo đai dài tay cổ đứng. Nẹp áo (bên thừa khuyết) có đấp rời thừa 5 khuyết cài cúc ngầm. Thân trước có 2 túi hộp ộp nổi, đáy túi và nắp túi vuông; nắp túi được liên kết với thân túi bằng nhám dính; vai áo có cá vai. Thân sau có cầu vai xếp ly hai bên. Đai áo liền, 2 bên sườn có cá điều chỉnh tăng giảm bằng nhám dính; đầu đai áo có gấn nhám dính. Tay dài có măng séc vuông, hai đầu măng séc có gấn nhám dính. Tay bên trái có gấn phù hiệu lực lượng Dân quân tự vệ.

3.1.2 Yêu cầu về nguyên liệu

- Áo được may bằng vải Gabardin Peco với tỷ lệ 65/35 màu xanh cô ban sẫm, đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.1 Phụ lục B;
- Cúc nhựa nhiệt rắn cùng màu với nguyên liệu chính, đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.5 Phụ lục B;
- Chỉ may Peco 60/3 cùng màu nguyên liệu chính, đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.6 Phụ lục B.

3.2 Chỉ tiêu kỹ thuật

3.2.1 Kích thước cơ bản

Áo chiến sĩ nam gồm các cỡ 3; 4; 5 và 6. Thông số kích thước cơ bản của áo chiến sĩ nam được quy định tại Bảng C.14 Phụ lục C.

3.2.2 Yêu cầu về cắt

- Các chi tiết của sản phẩm khi cắt phải đảm bảo ngang canh thẳng sợi;

- Các chi tiết cắt dọc sợi vải: Thân áo, tay áo, nẹp trong, cổ áo, túi áo, cầu vai, măng séc, cá vai;
- Các chi tiết cắt ngang sợi vải: Nấp túi áo.

3.2.3 Yêu cầu về các đường may

- Dùng kim số 14 để may, các mũi chỉ phải đều đặn, không bỏ mũi, sùi chỉ, nhăn vải, không sên tuột chỉ;
- Các đường may phải đảm bảo từ 5 đến 6 mũi chỉ/1 cm. Đầu và cuối các đường may phải lại mũi chỉ 3 lần, dài 1 cm chồng khít lên nhau, cắt sạch chỉ thừa, không sên sót, bỏ mũi, sùi chỉ dẫn dùm;
- Tra tay áo phải tròn đều êm canh, không cộm, bai dẫn dùm. Túi phải cân đối, đúng vị trí. Cổ áo, ve áo 2 bên phải đều nhau;
- Đường may cách mép 0,1 cm: Chân cổ, chân măng séc, hộp túi, chân đai áo, xung quanh cúc đơn vị sản xuất;
- Đường may cách mép 0,2 cm: Xung quanh nhám dính;
- Đường may cách mép 0,4 cm: Điều cổ, nẹp, cá vai, nấp túi, xung quanh măng séc, cá đai điều chỉnh tăng giảm, cạnh đai;
- Đường may song song cách nhau 0,6 cm: Đường điều gáy túi áo, đường tra tay, sườn áo, bụng tay, vai con, chân cầu vai, chân cá sườn;
- Đường may cách mép 1 cm: Gấu tay áo, tra tay, chắp sườn, chắp bụng tay.

3.2.4 Yêu cầu về thừa khuyết, đính cúc, nhám dính

- Khuyết thừa phải đều, sát chỉ không nhăn dùm, tuột chân, mật độ 14 mũi/1 cm chắc chắn không sờ tuột;
- Khuyết đặt bên trái nẹp áo của người mặc, thừa khuyết ngầm, khuyết bấm ngang, đầu khuyết cách mép nẹp 1 cm, khuyết rộng 1,6 cm; khoảng cách giữa các khuyết phải may chận ngầm với nẹp;
- Vị trí cúc đính đối xứng với khuyết thừa, tối thiểu có 12 chỉ qua 2 lỗ nút chắc chắn, không sờ tuột, không làm nhăn mặt vải, cắt sạch các đầu chỉ thừa;
- Gắn nhám dính gai và nhám dính lông xong vị trí phải tương ứng với nhau, đủ mật độ chỉ, chắc chắn không sờ tuột, cắt sạch đầu chỉ thừa.

3.2.5 Yêu cầu về là

Áo chiến sĩ nam may xong được là trên bàn là hơi có nhiệt độ phù hợp với nguyên liệu, là phẳng các chi tiết lần ngoài, là định vị cổ.

4 Phương pháp kiểm tra

4.1 Tỷ lệ kiểm tra

Kiểm tra theo xác suất cho từng lô hàng, lấy mẫu ngẫu nhiên từ 5 % đến 10 % số lượng sản phẩm trong lô hàng để kiểm tra.

4.2 Kiểm tra yêu cầu chung

4.2.1 Kiểm tra ngoại quan

Kiểm tra ngoại quan bằng mắt thường phải đạt yêu cầu theo quy định tại 3.1.1.

4.2.2 Kiểm tra nguyên liệu

Nguyên liệu sản xuất phải có nguồn gốc rõ ràng, được kiểm tra trước khi đưa vào sản xuất. Kiểm tra chủng loại, chất lượng nguyên vật liệu thông qua giấy chứng nhận hợp chuẩn; phiếu chứng nhận hợp cách hoặc biên bản kiểm tra chất lượng. Kết quả kiểm tra phải đạt yêu cầu theo quy định tại 3.1.2.

4.3 Kiểm tra chỉ tiêu kỹ thuật

Trải sản phẩm trên bàn phẳng, đo kích thước sản phẩm theo chiều dài, chiều rộng bằng thước dây, đo kích thước đường kính cúc bằng thước cặp. Kết quả kiểm tra phải đạt yêu cầu theo quy định tại 3.2.

5 Xử lý chung

Áo chiến sĩ nam sau sản xuất kiểm tra phải đạt các yêu cầu theo quy định tại Tiêu chuẩn này. Trường hợp kiểm tra không đạt yêu cầu theo quy định tại Tiêu chuẩn này phải tiến hành kiểm tra lại với số lượng mẫu gấp đôi cũng lấy từ chính lô sản phẩm đó. Trường hợp kiểm tra lại vẫn không đạt yêu cầu thì không được đưa vào sử dụng.

6 Ghi nhãn, bao gói, vận chuyển, bảo quản

6.1 Ghi nhãn

- Nhãn dệt có đầy đủ các thông tin: Tên đơn vị sản xuất, năm sản xuất; nhãn dệt được gắn vào lần lót áo giữa thân sau, cách chân cổ 3 cm, may mí xung quanh;
- Nhãn cỡ số được in trên màng sợi Polyeste tráng bột giấy; nhãn cỡ số được gắn sát nhãn dệt (về phía gấu) mặt số lên trên.

6.2 Bao gói

- Áo được gấp dọc theo thân, gấp đôi theo chiều ngang;
- Áo chiến sĩ nam được lồng với quần chiến sĩ nam có cùng cỡ số thành từng bộ, 20 bộ được buộc thành 1 bó (10 bộ thì trở đầu đuôi), sau đó xếp 40 bộ vào bao PP có đai nẹp theo quy định tại Phụ lục D.

6.3 Vận chuyển

Sản phẩm được vận chuyển bằng phương tiện vận tải thông dụng và được che đậy cẩn thận tránh mưa, nắng.

6.4 Bảo quản

Sản phẩm được bảo quản nơi khô ráo, tránh mưa, nắng; không để chung với các loại hóa chất, xăng dầu.

Trang phục Dân quân tự vệ - Phần 16: Quần chiến sĩ nam

1 Phạm vi áp dụng

TCVN/QS 1822-16:2021 quy định các yêu cầu kỹ thuật và phương pháp kiểm tra đối với sản phẩm quần chiến sĩ nam Dân quân tự vệ và dùng trong may hàng loạt.

2 Quy định chung

Các phương tiện đo, kiểm tra chỉ tiêu kỹ thuật của quần chiến sĩ nam được quy định tại Bảng A.1 Phụ lục A.

3 Yêu cầu kỹ thuật

3.1 Yêu cầu chung

3.1.1 Yêu cầu ngoại quan

Kiểu quần âu dài có 2 túi chéo, thân trước xếp 1 ly lật về phía sườn. Cửa quần dùng khóa kéo fecmotuya. Thân sau chiết ly, có 1 túi hậu; đầu cạp cài cúc, bên trong có móc; cạp quần có 6 dây để luồn dây lưng. Hai bên cạp quần có nhám điều chỉnh tăng giảm vòng bụng. Hai bên đùi có túi ốp nổi nắp, nắp túi liên kết với thân túi bằng nhám dính; thân túi có xúp quay về dọc quần, xúp cạnh túi may can bằng hai lớp vải màn tuyn. Gấu quần có dính cúc bên dọc quần và dây khuyết bên giàng.

3.1.2 Yêu cầu về nguyên liệu

- Quần được may bằng vải Gabadin Peco với tỷ lệ 65/35 màu xanh cô ban sẫm, đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.1 Phụ lục B;
- Vải Kate dùng làm lót túi cùng màu với nguyên liệu chính, đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.4 Phụ lục B;
- Cúc nhựa nhiệt rắn cùng màu với nguyên liệu chính, đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.5 Phụ lục B;
- Chỉ may Peco 60/3 cùng màu với nguyên liệu chính, đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.6 Phụ lục B.

3.2 Chỉ tiêu kỹ thuật

3.2.1 Kích thước cơ bản

Quần chiến sĩ nam gồm các cỡ 3; 4; 5 và 6. Thông số kích thước cơ bản của quần chiến sĩ nam được quy định tại Bảng C.15 Phụ lục C.

3.2.2 Yêu cầu về cắt, ép mex

- Các chi tiết của sản phẩm khi cắt phải đảm bảo ngang canh thẳng sợi;
- Chi tiết cắt dọc sợi vải: Thân quần, cạp quần, túi quần, đáy túi quần, đệm gối, moi khóa, đáy khóa, dây vắt xăng;
- Các chi tiết cắt ngang sợi vải: Nắp túi, lót cạp;
- Các chi tiết ép mex: Cạp quần.

3.2.3 Yêu cầu về các đường may

- Dùng kim số 14 để may, các mũi chỉ phải đều đặn, không bỏ mũi, sùi chỉ, nhăn vải, không sên tuột chỉ;
- Các đường may phải đảm bảo từ 5 đến 6 mũi chỉ/1 cm. Đầu và cuối các đường may phải lại mũi chỉ 3 lần, dài 1 cm chồng khít lên nhau, cắt sạch chỉ thừa, không sên sót, bỏ mũi, sùi chỉ, dẫn dùm;
- Đường may cách mép 0,1 cm: Mí đáy moi, mí thân quần vào khóa, dây vắt xăng, dán túi ốp đùi, mí dây khuyết;
- Đường may cách mép 0,2 cm: Xung quanh nhám dính;
- Đường may cách mép 0,4 cm: Điều nắp túi, phía trên sống cạp, đầu cạp, xung quanh lót túi;
- Đường may cách mép 0,7 cm: Miệng túi chéo;
- Đường may cách mép 1 cm: Đường may chắp giàng, dọc quần;
- Đường may song song cách nhau 0,6 cm: Đường dọc, chắp đũng, cửa quần, moi khóa, gáy túi ốp đùi.

3.2.4 Yêu cầu về thừa khuyết, đính cúc

- Khuyết thừa phải đều, sát chỉ không nhăn dùm, tuột chân, mật độ 14 mũi/1 cm chắc chắn không sờ tuột;
- Khuyết cạp cách mở nhọn 1,5 cm, nằm giữa bản rộng cạp, khuyết dài 1,6 cm;
- Vị trí cúc đính đối xứng với khuyết thừa, tối thiểu có 12 chỉ qua 2 lỗ nút chắc chắn, không sờ tuột, không làm nhăn mặt vải, cắt sạch các đầu chỉ thừa;
- Gắn nhám dính gai và nhám dính lông xong vị trí phải tương ứng với nhau, đủ mật độ chỉ, chắc chắn không sờ tuột, cắt sạch đầu chỉ thừa.

3.2.5 Yêu cầu về là

Quần chiến sĩ nam may xong được là trên bàn là hơi có nhiệt độ phù hợp với nguyên liệu, là rẽ đường dọc, giàng quần, toàn bộ mặt ngoài của quần, là phẳng theo ly quần từ chân cạp xuống hết ống quần.

4 Phương pháp kiểm tra

4.1 Tỷ lệ kiểm tra

Kiểm tra theo xác suất cho từng lô hàng, lấy mẫu ngẫu nhiên từ 5 % đến 10 % số lượng sản phẩm trong lô hàng để kiểm tra.

4.2 Kiểm tra yêu cầu chung

4.2.1 Kiểm tra ngoại quan

Kiểm tra ngoại quan bằng mắt thường phải đạt yêu cầu theo quy định tại 3.1.1.

4.2.2 Kiểm tra nguyên liệu

Nguyên liệu sản xuất phải có nguồn gốc rõ ràng, được kiểm tra trước khi đưa vào sản xuất. Kiểm tra chủng loại, chất lượng nguyên vật liệu thông qua giấy chứng nhận hợp chuẩn; phiếu chứng nhận hợp cách hoặc biên bản kiểm tra chất lượng. Kết quả kiểm tra phải đạt yêu cầu theo quy định tại 3.1.2.

4.3 Kiểm tra chỉ tiêu kỹ thuật

Trái sản phẩm trên bàn phẳng, đo kích thước sản phẩm theo chiều dài, chiều rộng bằng thước dây, đo kích thước đường kính cúc bằng thước cặp. Kết quả kiểm tra phải đạt yêu cầu theo quy định tại 3.2.

5 Xử lý chung

Quần chiến sĩ nam sau sản xuất kiểm tra phải đạt các yêu cầu theo quy định tại Tiêu chuẩn này. Trường hợp kiểm tra không đạt yêu cầu theo quy định tại Tiêu chuẩn này phải tiến hành kiểm tra lại với số lượng mẫu gấp đôi cũng lấy từ chính lô sản phẩm đó. Trường hợp kiểm tra lại vẫn không đạt yêu cầu thì không được đưa vào sử dụng.

6 Ghi nhãn, bao gói, vận chuyển, bảo quản

6.1 Ghi nhãn

- Nhãn dệt có đầy đủ các thông tin: Tên đơn vị sản xuất, năm sản xuất; nhãn dệt được gắn vào lót cặp thân sau bên trái;
- Nhãn cỡ số được in trên màng sợi Polyeste tráng bột giấy; nhãn cỡ số được gắn vào giữa cạnh phía dưới của nhãn dệt, mặt số lên trên.

6.2 Bao gói

- Quần gấp đôi theo đường ly quần đã được là, gấp đôi chiều dài quần;
- Quần chiến sĩ nam được lồng với áo chiến sĩ nam có cùng cỡ số thành từng bộ, 20 bộ được buộc thành 1 bó (10 bộ thì trừ đầu đuôi), sau đó xếp 40 bộ vào bao PP theo quy định tại Phụ lục D.

6.3 Vận chuyển

Sản phẩm được vận chuyển bằng phương tiện vận tải thông dụng và được che đậy cẩn thận tránh mưa, nắng.

6.4 Bảo quản

Sản phẩm được bảo quản nơi khô ráo, tránh mưa, nắng; không để chung với các loại hóa chất, xăng dầu.

Trang phục Dân quân tự vệ -

Phần 17: Áo chiến sĩ nữ

1 Phạm vi áp dụng

TCVN/QS 1822-17:2021 quy định các yêu cầu kỹ thuật và phương pháp kiểm tra đối với sản phẩm áo chiến sĩ nữ Dân quân tự vệ và dùng trong may hàng loạt.

2 Quy định chung

Các phương tiện đo, kiểm tra chỉ tiêu kỹ thuật của áo chiến sĩ nữ được quy định tại Bảng A.1 Phụ lục A.

3 Yêu cầu kỹ thuật

3.1 Yêu cầu chung

3.1.1 Yêu cầu ngoại quan

Kiểu áo sơ mi dài tay cổ đứng, thân trước chiết ly (bên thừa khuyết có đấp rời có 5 khuyết cài cúc ngầm). Thân trước có 2 túi hộp ốp nổi có nắp, đáy túi và nắp túi vuông, nắp túi được liên kết với thân túi bằng nhám dính, chiết ly eo. Tay dài có xẻ cửa tay, măng séc vuông, hai đầu măng séc có gắn nhám dính. Vai áo có cá vai. Tay bên trái có gắn phù hiệu lực lượng Dân quân tự vệ.

3.1.2 Yêu cầu về nguyên liệu

- Áo được may bằng vải Gabadın Peco với tỷ lệ 65/35 màu xanh cô ban sẫm, đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.1 Phụ lục B;
- Cúc nhựa nhiệt rắn cùng màu với nguyên liệu chính, đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.5 Phụ lục B;
- Chỉ may Peco 60/3 cùng màu với nguyên liệu chính, đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.6 Phụ lục B.

3.2 Chỉ tiêu kỹ thuật

3.2.1 Kích thước cơ bản

Áo chiến sĩ nữ gồm các cỡ 3; 4 và 5. Thông số kích thước cơ bản của áo chiến sĩ nữ được quy định tại Bảng C.16 Phụ lục C.

3.2.2 Yêu cầu về cắt

- Các chi tiết của sản phẩm khi cắt phải đảm bảo ngang canh thẳng sợi;
- Các chi tiết cắt dọc sợi vải: Thân áo, tay áo, nẹp trong, măng séc, cổ áo, túi áo, cá vai;
- Các chi tiết cắt ngang sợi vải: Nắp túi áo.

3.2.3 Yêu cầu về các đường may

- Dùng kim số 14 để may, các mũi chỉ phải đều đặn, không bỏ mũi, sùi chỉ, nhăn vải, không sênh tuột chỉ;
- Các đường may phải đảm bảo từ 5 đến 6 mũi chỉ/1 cm. Đầu và cuối các đường may phải lại mũi chỉ 3 lần, dài 1 cm chồng khít lên nhau, cắt sạch chỉ thừa, không sênh sót, bỏ mũi, sùi chỉ dẫn dùm;
- Tra tay áo phải tròn đều êm canh, không cộm, bai dẫn dùm. Túi phải cân đối, đúng vị trí. Cổ áo, ve áo 2 bên phải đều nhau;
- Đường may cách mép 0,1 cm: Mí chân cổ, chân măng séc, dán hộp túi, xẻ tay áo, xung quanh mác đơn vị sản xuất;
- Đường may cách mép 0,2 cm: Xung quanh nhám dính;
- Đường may cách mép 0,4 cm: Điều nắp túi, điều cổ, cá vai, xung quanh măng séc;
- Đường may cách mép 0,7 cm: Đường tra cổ, gáy nắp túi;
- Đường may cách mép 1 cm: Đường chập sườn, bụng tay, vai, tra tay.

3.2.4 Yêu cầu về thừa khuyết, đính cúc

- Khuyết thừa phải đều, sát chỉ không nhăn dùm, tuột chân, mật độ 14 mũi/1 cm chắc chắn không sờ tuột;
- Khuyết đặt bên phải nẹp áo của người mặc, khuyết áo được thừa dọc nẹp áo, đầu khuyết cách mép nẹp 1,5 cm, khuyết rộng 1,6 cm;
- Vị trí cúc đính đối xứng với khuyết thừa, tối thiểu có 12 chỉ qua 2 lỗ nút chắc chắn, không sờ tuột, không làm nhăn mặt vải, cắt sạch các đầu chỉ thừa;
- Khuyết măng séc: Thừa dọc ở giữa bản măng séc, đầu khuyết cách đầu măng séc 0,7 cm.

3.2.5 Yêu cầu về là

Áo chiến sĩ nữ may xong được là trên bàn là hơi có nhiệt độ phù hợp với nguyên liệu, là phẳng các chi tiết lần ngoài, là định vị ve, cổ.

4 Phương pháp kiểm tra

4.1 Tỷ lệ kiểm tra

Kiểm tra theo xác suất cho từng lô hàng, lấy mẫu ngẫu nhiên từ 5 % đến 10 % số lượng sản phẩm trong lô hàng để kiểm tra.

4.2 Kiểm tra yêu cầu chung

4.2.1 Kiểm tra ngoại quan

Kiểm tra ngoại quan bằng mắt thường phải đạt yêu cầu theo quy định tại 3.1.1.

4.2.2 Kiểm tra nguyên liệu

Nguyên liệu sản xuất phải có nguồn gốc rõ ràng, được kiểm tra trước khi đưa vào sản xuất. Kiểm tra chủng loại, chất lượng nguyên vật liệu thông qua giấy chứng nhận hợp chuẩn; phiếu

chúng nhận hợp cách hoặc biên bản kiểm tra chất lượng. Kết quả kiểm tra phải đạt yêu cầu theo quy định tại 3.1.2.

4.3 Kiểm tra chỉ tiêu kỹ thuật

Trải sản phẩm trên bàn phẳng, đo kích thước sản phẩm theo chiều dài, chiều rộng bằng thước dây, đo kích thước đường kính cúc bằng thước cặp; yêu cầu phải đảm bảo theo quy định tại 3.2.

5 Xử lý chung

Áo chiến sĩ nữ sau sản xuất kiểm tra phải đạt các yêu cầu theo quy định tại Tiêu chuẩn này. Trường hợp kiểm tra không đạt yêu cầu theo quy định tại tiêu chuẩn này phải tiến hành kiểm tra lại với số lượng mẫu gấp đôi cũng lấy từ chính lô sản phẩm đó. Trường hợp kiểm tra lại vẫn không đạt yêu cầu thì không được đưa vào sử dụng.

6 Ghi nhãn, bao gói, vận chuyển, bảo quản

6.1 Ghi nhãn

- Nhãn dệt có đầy đủ các thông tin: Tên đơn vị sản xuất, năm sản xuất; nhãn dệt được gấp đôi gắn vào sườn áo bên trái, cách gấu áo 12 cm;
- Nhãn cỡ số được in trên màng sợi Polyeste tráng bột giấy; nhãn cỡ số được gắn giữa đường mí chân cổ, mặt số lên trên.

6.2 Bao gói

- Áo được gấp dọc theo thân, gấp đôi theo chiều ngang;
- Áo chiến sĩ nữ được lồng với quần chiến sĩ nữ có cùng cỡ số thành từng bộ, 20 bộ được buộc thành 1 bó (10 bộ thì trở đầu đuôi), sau đó xếp 40 bộ vào bao PP theo quy định tại Phụ lục D.

6.3 Vận chuyển

Sản phẩm được vận chuyển bằng phương tiện vận tải thông dụng và được che đậy cẩn thận tránh mưa, nắng.

6.4 Bảo quản

Sản phẩm được bảo quản nơi khô ráo, tránh mưa, nắng; không để chung với các loại hóa chất, xăng dầu.

Trang phục Dân quân tự vệ -

Phần 18: Quần chiến sĩ nữ

1 Phạm vi áp dụng

TCVN/QS 1822-18:2021 quy định các yêu cầu kỹ thuật và phương pháp kiểm tra đối với sản phẩm quần chiến sĩ nữ Dân quân tự vệ và dùng trong may hàng loạt.

2 Quy định chung

Các phương tiện đo, kiểm tra chỉ tiêu kỹ thuật của quần chiến sĩ nữ được quy định tại Bảng A.1 Phụ lục A.

3 Yêu cầu kỹ thuật

3.1 Yêu cầu chung

3.1.1 Yêu cầu ngoại quan

Kiểu quần âu dài có 2 túi chéo, thân trước xếp 1 ly lật về phía sườn. Cửa quần dùng khóa kéo fecmotuya, thân sau mỗi bên chiết một ly; đầu cạp cài cúc, bên trong có móc; cạp quần có 6 dây để luồn dây lưng. Hai bên cạp quần có nhám điều chỉnh tăng giảm vòng bụng. Hai bên đùi có túi ốp nổi, nắp túi liên kết với thân túi bằng nhám dính; thân túi có xúp quay về dọc quần, xúp cạnh túi may can bằng hai lớp vải màn tuyn. Gấu quần có đính cúc bên dọc quần và dây khuyết bên giàng.

3.1.2 Yêu cầu về nguyên liệu

- Quần được may bằng vải Gabadin Peco với tỷ lệ 65/35 màu xanh cô ban sẫm, đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.1 Phụ lục B;
- Vải Kate dùng làm lót túi cùng màu với nguyên liệu chính, đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.4 Phụ lục B;
- Cúc nhựa nhiệt rắn cùng màu với nguyên liệu chính, đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.5 Phụ lục B;
- Chỉ may Peco 60/3 cùng màu với nguyên liệu chính, đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.6 Phụ lục B.

3.2 Chỉ tiêu kỹ thuật

3.2.1 Kích thước cơ bản

Quần chiến sĩ nữ gồm các cỡ 3; 4 và 5. Thông số kích thước cơ bản của quần chiến sĩ nữ được quy định tại Bảng C.17 Phụ lục C.

3.2.2 Yêu cầu về cắt

- Các chi tiết của sản phẩm khi cắt phải đảm bảo ngang canh thẳng sợi;
- Các chi tiết cắt dọc sợi vải: Thân quần, cạp quần, đáy túi dọc, đáy moi, đáy khóa, dây vắt xăng;
- Các chi tiết cắt ngang sợi vải: Nắp túi quần, lót cạp.

3.2.3 Yêu cầu về các đường may

- Dùng kim số 14 để may, các mũi chỉ phải đều đặn, không bỏ mũi, sùi chỉ, nhăn vải, không sênh tuột chỉ;
- Các đường may phải đảm bảo từ 5 đến 6 mũi chỉ/1 cm. Đầu và cuối các đường may phải lại mũi chỉ 3 lần, dài 1 cm chồng khít lên nhau, cắt sạch chỉ thừa, không sênh sót; bỏ mũi, sùi chỉ dẫn dùm;
- Đường may cách mép 0,1 cm: Mí đáy moi, mí thân quần vào khóa, dây vắt xăng, dán túi ốp đùi, mí dây khuyết;
- Đường may cách mép 0,2 cm: Xung quanh nhám dính;
- Đường may cách mép 0,4 cm: Điều nắp túi, phía trên sống cạp, đầu cạp, xung quanh lót túi;
- Đường may cách mép 0,7 cm: Miệng túi chéo;
- Đường may cách mép 1 cm: Đường may chắp giàng, dọc quần;
- Đường may song song cách nhau 0,6 cm: Đường dọc, chắp đũng, cửa quần, moi khóa, gáy túi ốp đùi.

3.2.4 Yêu cầu về thùa khuyết, đính cúc

- Khuyết thùa phải đều, sát chỉ không nhăn dùm, tuột chân, mật độ 14 mũi/1 cm chắc chắn không sờ tuột;
- Khuyết quần thùa ngang, giữa đầu cạp, cách đầu cạp 0,7 cm, khuyết rộng 1,6 cm;
- Vị trí cúc đính đối xứng với khuyết thùa, tối thiểu có 12 chỉ qua 2 lỗ nút chắc chắn, không sờ tuột, không làm nhăn mặt vải, cắt sạch các đầu chỉ thừa.

3.2.5 Yêu cầu về là

Quần chiến sĩ nữ may xong được là trên bàn là hơi có nhiệt độ phù hợp với nguyên liệu, là rẽ đường dọc, giàng quần, toàn bộ mặt ngoài của quần, là phẳng theo ly quần từ chân cạp xuống hết ống quần.

4 Phương pháp kiểm tra

4.1 Tỷ lệ kiểm tra

Kiểm tra theo xác suất cho từng lô hàng, lấy mẫu ngẫu nhiên từ 5 % đến 10 % số lượng sản phẩm trong lô hàng để kiểm tra.

4.2 Kiểm tra yêu cầu chung

4.2.1 Kiểm tra ngoại quan

Kiểm tra ngoại quan bằng mắt thường phải đạt yêu cầu theo quy định tại 3.1.1.

4.2.2 Kiểm tra nguyên liệu

Nguyên liệu sản xuất phải có nguồn gốc rõ ràng, được kiểm tra trước khi đưa vào sản xuất. Kiểm tra chủng loại, chất lượng nguyên vật liệu thông qua giấy chứng nhận hợp chuẩn; phiếu chứng nhận hợp cách hoặc biên bản kiểm tra chất lượng. Kết quả kiểm tra phải đạt yêu cầu theo quy định tại 3.1.2.

4.3 Kiểm tra chỉ tiêu kỹ thuật

Trái sản phẩm trên bàn phẳng, đo kích thước sản phẩm theo chiều dài, chiều rộng bằng thước dây, đo kích thước đường kính cúc bằng thước cặp. Kết quả kiểm tra phải đạt yêu cầu theo quy định tại 3.2.

5 Xử lý chung

Quần chiến sĩ nữ sau sản xuất kiểm tra phải đạt các yêu cầu theo quy định tại Tiêu chuẩn này. Trường hợp kiểm tra không đạt yêu cầu theo quy định tại Tiêu chuẩn này phải tiến hành kiểm tra lại với số lượng mẫu gấp đôi cũng lấy từ chính lô sản phẩm đó. Trường hợp kiểm tra lại vẫn không đạt yêu cầu thì không được đưa vào sử dụng.

6 Ghi nhãn, bao gói, vận chuyển, bảo quản

6.1 Ghi nhãn

- Nhãn dệt có đầy đủ các thông tin: Tên đơn vị sản xuất, năm sản xuất; nhãn dệt được gắn vào lót cạp thân sau bên trái;
- Nhãn cỡ số được in trên màng sợi Polyeste tráng bột giấy; nhãn cỡ số được gắn vào giữa cạnh phía dưới của nhãn dệt, mặt số lên trên.

6.2. Bao gói

- Quần gấp đôi theo đường ly quần đã được là, gấp đôi chiều dài quần;
- Quần chiến sĩ nữ được lồng với áo chiến sĩ nữ có cùng cỡ số thành từng bộ, 20 bộ được buộc thành 1 bó (10 bộ thì trở đầu đuôi), sau đó xếp 40 bộ vào bao PP theo quy định tại Phụ lục D.

6.3 Vận chuyển

Sản phẩm được vận chuyển bằng phương tiện vận tải thông dụng và được che đậy cẩn thận tránh mưa, nắng.

6.4 Bảo quản

Sản phẩm được bảo quản nơi khô ráo, tránh mưa, nắng; không để chung với các loại hóa chất, xăng dầu.

Trang phục Dân quân tự vệ - Phần 19: Áo ấm chiến sĩ nam

1 Phạm vi áp dụng

TCVN/QS 1822-19:2021 quy định các yêu cầu kỹ thuật và phương pháp kiểm tra đối với sản phẩm áo ấm chiến sĩ nam Dân quân tự vệ và dùng trong may hàng loạt.

2 Quy định chung

Các phương tiện đo, kiểm tra chỉ tiêu kỹ thuật của áo ấm chiến sĩ nam được quy định tại Bảng A.1 Phụ lục A.

3 Yêu cầu kỹ thuật

3.1 Yêu cầu chung

3.1.1 Yêu cầu ngoại quan

Kiểu áo khoác lửng 3 lớp cổ đứng cài cúc, áo có lớp bông được trần với lần lót; tay dài, có măng séc cài cúc đầu nhọn; Nẹp áo có 5 cúc, ngực áo có 2 túi ốp nổi, có đố túi, nắp túi có sòì nhọn cài cúc, phía dưới cạnh sườn thân trước bố 2 túi coi chéo. Thân sau có đê cúp liền áo, vai có cá vai; bên tay trái có gắn phù hiệu lực lượng Dân quân tự vệ.

3.1.2 Yêu cầu về nguyên liệu

- Áo được may bằng vải Gabadin Peco với tỷ lệ 65/35 màu xanh cô ban sẫm, đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.1 Phụ lục B;
- Vải Kate dùng làm lót trong cùng màu với nguyên liệu chính, đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.4 Phụ lục B;
- Màng bông phun keo loại 100 g/m²;
- Cúc nhựa nhiệt rắn cùng màu với nguyên liệu chính, đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.5 Phụ lục B;
- Chỉ may Peco 60/3 cùng màu nguyên liệu chính, đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.6 Phụ lục B.

3.2 Chỉ tiêu kỹ thuật

3.2.1 Kích thước cơ bản

Áo ấm chiến sĩ nam gồm các cỡ 3; 4; 5 và 6. Thông số kích thước cơ bản của áo ấm chiến sĩ nam được quy định tại Bảng C.18 Phụ lục C.

3.2.2 Yêu cầu về cắt

- Các chi tiết của sản phẩm khi cắt phải đảm bảo ngang canh thẳng sợi;
- Các chi tiết cắt dọc sợi vải: Thân áo, tay áo, cổ áo, hộp túi, đố túi, bật vai, măng séc, cá sườn, dây luồn thắt lưng;
- Các chi tiết cắt ngang sợi vải: Nắp túi áo.

3.2.3 Yêu cầu về các đường may

- Dùng kim số 14 để may, các mũi chỉ phải đều đặn, không bỏ mũi, sùi chỉ, nhăn vải, không sênh tuột chỉ;
- Các đường may phải đảm bảo mật độ từ 5 đến 6 mũi chỉ/1 cm. Đầu và cuối các đường may phải lại mũi chỉ 3 lần, dài 1 cm chồng khít lên nhau, cắt sạch chỉ thừa, không sênh sót, bỏ mũi, sùi chỉ, dẫn dùm;
- Tra tay áo phải tròn đều êm canh, không cộm, bai dẫn dùm. Túi phải cân đối, đúng vị trí. Cổ áo, ve áo 2 bên phải đều nhau;
- Đường may điều 0,4 cm: Đường điều nẹp, cổ, điều nắp túi, đố túi, dán hộp túi, măng séc, coi túi, bật vai, dây thắt lưng;
- Đường may cách mép 1 cm: Đường chắp sườn, vai, tra tay, chắp bụng tay, sống tay, tra măng séc, tra cổ.

3.2.4 Yêu cầu về thừa khuyết, đính cúc

- Khuyết thừa phải đều, sát chỉ không nhăn dùm, tuột chân, mật độ 14 mũi/1 cm chắc chắn không sờ tuột;
- Khuyết đặt bên trái nẹp áo của người mặc, khuyết áo được thừa ngang nẹp áo, đầu khuyết cách mép nẹp 2 cm, khuyết rộng 2,2 cm;
- Vị trí cúc đính đối xứng với khuyết thừa, tối thiểu có 12 chỉ qua 2 lỗ nút chắc chắn, không sờ tuột, không làm nhăn mặt vải, cắt sạch các đầu chỉ thừa.

3.2.5 Yêu cầu về là

Áo ấm chiến sĩ nam may xong được là trên bàn là hơi có nhiệt độ phù hợp với nguyên liệu, là phẳng các chi tiết lần ngoài, là định vị ve, cổ.

4 Phương pháp kiểm tra

4.1 Tỷ lệ kiểm tra

Kiểm tra theo xác suất cho từng lô hàng, lấy mẫu ngẫu nhiên từ 5 % đến 10 % số lượng sản phẩm trong lô hàng để kiểm tra.

4.2 Kiểm tra yêu cầu chung

4.2.1 Kiểm tra ngoại quan

Kiểm tra ngoại quan bằng mắt thường phải đạt yêu cầu theo quy định tại 3.1.1.

4.2.2 Kiểm tra nguyên liệu

Nguyên liệu sản xuất phải có nguồn gốc rõ ràng, được kiểm tra trước khi đưa vào sản xuất. Kiểm tra chủng loại, chất lượng nguyên vật liệu thông qua giấy chứng nhận hợp chuẩn; phiếu chứng nhận hợp cách hoặc biên bản kiểm tra chất lượng. Kết quả kiểm tra phải đạt yêu cầu theo quy định tại 3.1.2.

4.3 Kiểm tra chỉ tiêu kỹ thuật

Trải sản phẩm trên bàn phẳng, đo kích thước sản phẩm theo chiều dài, chiều rộng bằng thước dây, đo kích thước đường kính cúc bằng thước cặp. Kết quả kiểm tra phải đạt yêu cầu theo quy định tại 3.2.

5 Xử lý chung

Áo ấm chiến sĩ nam sau sản xuất kiểm tra phải đạt các yêu cầu theo quy định tại Tiêu chuẩn này. Trường hợp kiểm tra không đạt yêu cầu theo quy định tại Tiêu chuẩn này phải tiến hành kiểm tra lại với số lượng mẫu gấp đôi cũng lấy từ chính lô sản phẩm đó. Trường hợp kiểm tra lại vẫn không đạt yêu cầu thì không được đưa vào sử dụng.

6 Ghi nhãn, bao gói, vận chuyển, bảo quản

6.1 Ghi nhãn

- Nhãn dệt có đầy đủ các thông tin: Tên đơn vị sản xuất, năm sản xuất; nhãn dệt được gắn vào lần lót giữa thân sau, cách chân cổ 3 cm, may mí xung quanh;
- Nhãn cỡ số được in trên màng sợi Polyeste tráng bột giấy; nhãn cỡ số được gắn vào giữa cạnh phía dưới của nhãn dệt, mặt số lên trên.

6.2 Bao gói

- Áo được cài cúc sau đó gấp 2 tay về phía ngực trước, gấp đôi áo theo chiều ngang;
- Áo được cho vào túi nilon, 5 áo được buộc thành 1 bó, xếp 15 áo vào bao PP theo quy định tại Phụ lục D.

6.3 Vận chuyển

Sản phẩm được vận chuyển bằng phương tiện vận tải thông dụng và được che đậy cẩn thận tránh mưa, nắng.

6.4 Bảo quản

Sản phẩm được bảo quản nơi khô ráo, tránh mưa, nắng; không để chung với các loại hóa chất, xăng dầu.

Trang phục Dân quân tự vệ - Phần 20: Áo ấm chiến sĩ nữ

1 Phạm vi áp dụng

TCVN/QS 1822-20:2021 quy định các yêu cầu kỹ thuật và phương pháp kiểm tra đối với sản phẩm áo ấm chiến sĩ nữ Dân quân tự vệ và dùng trong may hàng loạt.

2 Quy định chung

Các phương tiện đo, kiểm tra chỉ tiêu kỹ thuật của áo ấm chiến sĩ nữ được quy định tại Bảng A.1 Phụ lục A.

3 Yêu cầu kỹ thuật

3.1 Yêu cầu chung

3.1.1 Yêu cầu ngoại quan

Kiểu áo khoác lửng 3 lớp dài tay, cổ bẻ 2 ve cài cúc; lớp bông được trần với lần lót Kate, có măng séc cài cúc, nẹp cài 4 cúc, phía dưới cạnh sườn thân trước có 2 túi coi bản to chìm hơi chéo, thân trước và sau có đê cúp liền áo, áo có bật vai, xanh tê có dây chun điều chỉnh, tay bên trái có gắn phù hiệu lực lượng Dân quân tự vệ.

3.1.2 Yêu cầu về nguyên liệu

- Áo được may bằng vải Gabadin Peco với tỷ lệ 65/35 màu xanh cô ban sẫm, đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.1 Phụ lục B;
- Vải Kate dùng làm lót trong cùng màu với nguyên liệu chính, đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.4 Phụ lục B;
- Màng bông phun keo loại 100 g/m²;
- Cúc nhựa nhiệt rắn cùng màu với nguyên liệu chính, đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.5 Phụ lục B;
- Chỉ may Peco 60/3 cùng màu với nguyên liệu chính, đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.6 Phụ lục B.

3.2 Chỉ tiêu kỹ thuật

3.2.1 Kích thước cơ bản

Áo ấm chiến sĩ nữ gồm các cỡ 3; 4 và 5. Thông số kích thước cơ bản của áo ấm chiến sĩ nữ được quy định tại Bảng C.19 Phụ lục C.

3.2.2 Yêu cầu về cắt

- Các chi tiết của sản phẩm khi cắt phải đảm bảo ngang canh thẳng sợi;
- Các chi tiết cắt dọc sợi vải: Thân áo, tay áo, cổ áo, hộp túi, đố túi, măng séc, bật vai;
- Các chi tiết cắt ngang sợi vải: Nắp túi áo.

3.2.3 Yêu cầu về các đường may

- Dùng kim số 14 để may, các mũi chỉ phải đều đặn, không bỏ mũi, sùi chỉ, nhăn vải, không sên tuột chỉ;
- Các đường may phải đảm bảo từ 5 đến 6 mũi chỉ/1 cm. Đầu và cuối các đường may phải lại mũi chỉ 3 lần, dài 1 cm chồng khít lên nhau, cắt sạch chỉ thừa, không sên sót, bỏ mũi, sùi chỉ dẫn dùm;
- Tra tay áo phải tròn đều êm canh, không cầm, bai dẫn dùm. Túi phải cân đối, đúng vị trí. Cổ áo, ve áo 2 bên phải đều nhau;
- Đường may cách mép 0,4 cm: Đường diễu nếp, cổ, diễu nắp túi, dán hộp túi, măng séc, bật vai;
- Đường may cách mép 1 cm: Đường chắp sườn, vai, tra tay, chắp bụng tay, sống tay, tra măng séc, tra cổ.

3.2.4 Yêu cầu về thừa khuyết, đính cúc

- Khuyết thừa phải đều, sát chỉ không nhăn dùm, tuột chân, mật độ 14 mũi/1 cm chắc chắn không sờ tuột;
- Khuyết đặt bên phải nếp áo của người mặc, khuyết áo được thừa ngang nếp áo, đầu khuyết cách mép nếp 2 cm, khuyết rộng 2,2 cm;
- Vị trí cúc đính đối xứng với khuyết thừa, tối thiểu có 12 chỉ qua 2 lỗ nút chắc chắn, không sờ tuột, không làm nhăn mặt vải, cắt sạch các đầu chỉ thừa.

3.2.5 Yêu cầu về là

Áo ấm chiến sĩ nữ may xong được là trên bàn là hơi có nhiệt độ phù hợp với nguyên liệu, là phẳng các chi tiết lần ngoài, là định vị ve, cổ.

4 Phương pháp kiểm tra**4.1 Tỷ lệ kiểm tra**

Kiểm tra theo xác suất cho từng lô hàng, lấy mẫu ngẫu nhiên từ 5 % đến 10 % số lượng sản phẩm trong lô hàng để kiểm tra.

4.2 Kiểm tra yêu cầu chung**4.2.1. Kiểm tra ngoại quan**

Kiểm tra ngoại quan bằng mắt thường phải đạt yêu cầu theo quy định tại 3.1.1.

4.2.2 Kiểm tra nguyên liệu

Nguyên liệu sản xuất phải có nguồn gốc rõ ràng, được kiểm tra trước khi đưa vào sản xuất. Kiểm tra chủng loại, chất lượng nguyên vật liệu thông qua giấy chứng nhận hợp chuẩn; phiếu

chứng nhận hợp cách hoặc biên bản kiểm tra chất lượng. Kết quả kiểm tra phải đạt yêu cầu theo quy định tại 3.1.2.

4.3 Kiểm tra chỉ tiêu kỹ thuật

Trải sản phẩm trên bàn phẳng, đo kích thước sản phẩm theo chiều dài, chiều rộng bằng thước dây, đo kích thước đường kính cúc bằng thước cặp. Kết quả kiểm tra phải đạt yêu cầu theo quy định tại 3.2.

5 Xử lý chung

Áo ẩm chiến sĩ nữ sau sản xuất kiểm tra phải đạt các yêu cầu theo quy định tại Tiêu chuẩn này. Trường hợp kiểm tra không đạt yêu cầu theo quy định tại Tiêu chuẩn này phải tiến hành kiểm tra lại với số lượng mẫu gấp đôi cũng lấy từ chính lô sản phẩm đó. Trường hợp kiểm tra lại vẫn không đạt yêu cầu thì không được đưa vào sử dụng.

6 Ghi nhãn, bao gói, vận chuyển, bảo quản

6.1 Ghi nhãn

- Nhãn dệt có đầy đủ các thông tin: Tên đơn vị sản xuất, năm sản xuất; nhãn dệt được gắn vào lần lót giữa thân sau, cách chân cổ 3 cm, may mí xung quanh;
- Nhãn cỡ số được in trên màng sợi Polyeste tráng bột giấy; nhãn cỡ số được gắn vào giữa cạnh phía dưới của nhãn dệt, mặt số lên trên.

6.2 Bao gói

- Áo được cài cúc sau đó gấp 2 tay về phía ngực trước, gấp đôi áo theo chiều ngang;
- Áo được cho vào túi nilon, 5 áo được buộc thành 1 bó, xếp 15 áo vào bao PP theo quy định tại Phụ lục D.

6.3 Vận chuyển

Sản phẩm được vận chuyển bằng phương tiện vận tải thông dụng và được che đậy cẩn thận tránh mưa, nắng.

6.4 Bảo quản

Sản phẩm được bảo quản nơi khô ráo, tránh mưa, nắng; không để chung với các loại hóa chất, xăng dầu.

Trang phục Dân quân tự vệ - Phần 21: Cravat

1 Phạm vi áp dụng

TCVN/QS 1822-21:2021 quy định các yêu cầu kỹ thuật và phương pháp kiểm tra đối với sản phẩm Cravat Dân quân tự vệ; được dùng cho các chức vụ chỉ huy Ban chỉ huy quân sự bộ, ngành Trung ương; Ban chỉ huy quân sự cấp xã; Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức; thôn đội trưởng; các chức vụ chỉ huy đơn vị dân quân tự vệ cơ động, thường trực từ trung đội trưởng trở lên.

2 Quy định chung

Các phương tiện đo, kiểm tra chỉ tiêu kỹ thuật của Cravat được quy định tại Bảng A.1 Phụ lục A.

3 Yêu cầu kỹ thuật

3.1 Yêu cầu chung

3.1.1 Yêu cầu ngoại quan

Kiểu Cravat có dây chun được cài móc, có khóa điều chỉnh độ dài ngắn, củ ấu được thắt sẵn có dụng bằng nhựa PVC, ép mex vải toàn bộ phần thân Cravat.

3.1.2 Yêu cầu về nguyên liệu

- Cravat được may bằng vải Gabadın Peco với tỷ lệ 65/35 màu xanh cô ban sẫm, đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.1 Phụ lục B;
- Chỉ may Peco 60/3 cùng màu với nguyên liệu chính, đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.6 Phụ lục B;
- Mex đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.7 Phụ lục B.

3.2 Chỉ tiêu kỹ thuật

3.2.1. Kích thước cơ bản

Thông số kích thước cơ bản của Cravat được quy định tại Bảng C.20 Phụ lục C.

3.2.2 Yêu cầu về cắt

- Các chi tiết của sản phẩm khi cắt phải đảm bảo đúng canh sợi;
- Thân Cravat được cắt xiên sợi.

3.2.3 Yêu cầu về các đường may

- Dùng kim số 14 để may, các mũi chỉ phải đều đặn, không bỏ mũi, sùi chỉ, nhăn vải, không sênh tuột chỉ;

- Các đường may phải đảm bảo từ 5 đến 6 mũi chỉ/1 cm. Đầu và cuối các đường may phải lại mũi chỉ 3 lần, dài 1 cm chồng khít lên nhau, cắt sạch chỉ thừa, không sênh sót, bỏ mũi, sùi chỉ dẫn dùm.

3.2.4 Yêu cầu về là

Carvat được là trên bàn là hơi có nhiệt độ phù hợp với nguyên liệu.

4 Phương pháp kiểm tra

4.1 Tỷ lệ kiểm tra

Kiểm tra theo xác suất cho từng lô hàng, lấy mẫu ngẫu nhiên từ 5 % đến 10 % số lượng sản phẩm trong lô hàng để kiểm tra.

4.2 Kiểm tra yêu cầu chung

4.2.1 Kiểm tra ngoại quan

Kiểm tra ngoại quan bằng mắt thường phải đạt yêu cầu theo quy định tại 3.1.1.

4.2.2 Kiểm tra nguyên liệu

Nguyên liệu sản xuất phải có nguồn gốc rõ ràng, được kiểm tra trước khi đưa vào sản xuất. Kiểm tra chủng loại, chất lượng nguyên vật liệu thông qua giấy chứng nhận hợp chuẩn; phiếu chứng nhận hợp cách hoặc biên bản kiểm tra chất lượng. Kết quả kiểm tra phải đạt yêu cầu theo quy định tại 3.1.2.

4.3 Kiểm tra chỉ tiêu kỹ thuật

Dùng phương tiện đo, kiểm tra được quy định tại Bảng A.1 Phụ lục A, kiểm tra chỉ tiêu kỹ thuật của Caravat. Kết quả kiểm tra phải đạt yêu cầu theo quy định tại 3.2.

5 Xử lý chung

Caravat sau sản xuất kiểm tra phải đạt các yêu cầu theo quy định tại Tiêu chuẩn này. Trường hợp kiểm tra không đạt yêu cầu theo quy định tại Tiêu chuẩn này phải tiến hành kiểm tra lại với số lượng mẫu gấp đôi cũng lấy từ chính lô sản phẩm đó. Trường hợp kiểm tra lại vẫn không đạt yêu cầu thì không được đưa vào sử dụng.

6 Ghi nhãn, bao gói, vận chuyển, bảo quản

6.1 Ghi nhãn

Nhãn dệt có đầy đủ các thông tin: Tên đơn vị sản xuất, năm sản xuất; nhãn được gấp đôi gắn ở giữa đường may chắp thân Caravat.

6.2 Bao gói

Mỗi chiếc Caravat được cho vào túi nilon có kích thước 11 cm × 48 cm, 10 chiếc buộc thành 1 bó, 50 bó xếp trong bao PP theo quy định tại Phụ lục D.

6.3 Vận chuyển

Sản phẩm được vận chuyển bằng phương tiện vận tải thông dụng và được che đậy cẩn thận tránh mưa, nắng.

6.4 Bảo quản

Sản phẩm được bảo quản nơi khô ráo, tránh mưa, nắng; không để chung với các loại hóa chất, xăng dầu.

Trang phục Dân quân tự vệ - Phần 22: Dây lưng

1 Phạm vi áp dụng

TCVN/QS 1822-22:2021 quy định các yêu cầu kỹ thuật và phương pháp kiểm tra đối với sản phẩm dây lưng Dân quân tự vệ.

2 Quy định chung

Các phương tiện đo, kiểm tra chỉ tiêu kỹ thuật của dây lưng được quy định tại Bảng A.1 Phụ lục A.

3 Yêu cầu kỹ thuật

3.1 Yêu cầu chung

3.1.1 Yêu cầu ngoại quan

- Dây lưng gồm cốt dây và khóa;
- Cốt dây:
 - + Mặt ngoài dây: Màu nâu đỏ, màu sắc đồng đều, bề mặt nhẵn, bóng không sần sùi hoặc tách lớp;
 - + Mặt trong dây: Màu sắc đồng đều, bề mặt nhẵn hoặc nổi hoa mịn;
 - + Cạnh dây được vuốt tròn, đuôi dây cắt tròn và vuốt cạnh.
- Khóa: Bề mặt khóa nhẵn bóng, ngôi sao dập nổi trên khóa phải cân đối các cánh rõ nét; đường viền sắc nét, gọn, dập sâu đồng đều; các mép, cạnh và lỗ gia công phải làm nhẵn, không còn ba vĩa.

3.1.2 Yêu cầu về nguyên liệu

- Cốt dây được sản xuất từ nguyên liệu nhựa PVC và chất màu, chất phụ gia. Cốt dây có lớp vải mảnh chịu lực nằm giữa 2 lớp nhựa. Cốt dây nối với bản lề bằng 2 đinh nhôm (đường kính thân: 2,5 mm) tán ri vê đường kính mũ tán: Từ 3 mm đến 3,2 mm, mũ tán tròn đều, không méo, lệch thân, đinh không vẹo;
- Khóa dây kiểu con lăn tăng giảm vô cấp, khóa được chế tạo từ thép không gỉ, trên mặt khóa dập nổi ngôi sao ở giữa, xung quang dập đường viền chìm;
- Vòng giữ dây thừa (nhôi vòng) được nổi đầu bằng đồng.

3.2 Chỉ tiêu kỹ thuật

Chỉ tiêu kỹ thuật của dây lưng được quy định tại Bảng C.21 Phụ lục C.

4 Phương pháp kiểm tra

4.1 Tỷ lệ kiểm tra

Kiểm tra theo xác suất cho từng lô hàng, lấy mẫu ngẫu nhiên từ 5 % đến 10 % số lượng sản phẩm trong lô hàng để kiểm tra.

4.2 Kiểm tra yêu cầu chung

4.2.1 Kiểm tra ngoại quan

Kiểm tra ngoại quan bằng mắt thường phải đạt yêu cầu theo quy định tại 3.1.1.

4.2.2 Kiểm tra nguyên liệu

Nguyên liệu sản xuất phải có nguồn gốc rõ ràng, được kiểm tra trước khi đưa vào sản xuất. Kiểm tra chủng loại, chất lượng nguyên vật liệu thông qua giấy chứng nhận hợp chuẩn; phiếu chứng nhận hợp cách hoặc biên bản kiểm tra chất lượng. Kết quả kiểm tra phải đạt yêu cầu theo quy định tại 3.1.2.

4.3 Kiểm tra chỉ tiêu kỹ thuật

Dùng phương tiện đo, kiểm tra được quy định tại Bảng A.1 Phụ lục A, kiểm tra chỉ tiêu kỹ thuật của dây lung. Kết quả kiểm tra phải đạt yêu cầu theo quy định tại 3.2.

5 Xử lý chung

Dây lung sau sản xuất kiểm tra phải đạt các yêu cầu theo quy định tại Tiêu chuẩn này. Trường hợp kiểm tra không đạt yêu cầu theo quy định tại Tiêu chuẩn này phải tiến hành kiểm tra lại với số lượng mẫu gấp đôi cũng lấy từ chính lô sản phẩm đó. Trường hợp kiểm tra lại vẫn không đạt yêu cầu thì không được đưa vào sử dụng.

6 Ghi nhãn, bao gói, vận chuyển, bảo quản

6.1 Ghi nhãn

Sản phẩm phải có dấu thu hóa ở mặt trong phía khóa dây.

6.2 Bao gói

10 dây lung buộc thành 1 bó, mỗi bó được bọc một lớp giấy chống ẩm, 20 bó đóng trong bao PP, buộc kín đầu, sau đó đóng vào bao PP theo quy định tại Phụ lục D.

6.3 Vận chuyển

Sản phẩm được vận chuyển bằng phương tiện vận tải thông dụng và được che đậy cẩn thận tránh mưa, nắng.

6.4 Bảo quản

Sản phẩm được bảo quản nơi khô ráo, tránh mưa, nắng; không để chung với các loại hóa chất, xăng dầu.

Trang phục Dân quân tự vệ - Phần 23: Bít tất

1 Phạm vi áp dụng

TCVN/QS 1822-23:2021 quy định các yêu cầu kỹ thuật và phương pháp kiểm tra đối với sản phẩm bít tất Dân quân tự vệ.

2 Quy định chung

Các phương tiện đo, kiểm tra chỉ tiêu kỹ thuật của bít tất được quy định tại Bảng A.1 Phụ lục A.

3 Yêu cầu kỹ thuật

3.1 Yêu cầu chung

3.1.1 Yêu cầu ngoại quan

- Bít tất không có các lỗi ngoại quan hoặc số lỗi ngoại quan nằm trong phạm vi cho phép. Không có các lỗi ngoại quan như sau:

- + Lỗi về sợi: Sợi không đều, sợi khác lẫn vào;
 - + Lỗi về cấu trúc: Sốt sợi, thủng lỗ, vết lằn, đường sọc vải, gút sợi;
 - + Lỗi nhuộm: Đóm nhuộm hoặc sọc nhuộm, lệch tông màu, loang màu, các lỗi khác;
 - + Lỗi hoàn tất: Sợi xiên lệch, nếp gấp, nhăn, vết xước, rách;
 - + Lỗi vệ sinh: Vết dầu mỡ, gỉ sắt, vết bẩn, loang do ẩm, các lỗi khác.
- Bít tất màu xanh cô ban sẫm.

3.1.2 Yêu cầu về nguyên liệu

- Bít tất được dệt từ sợi Cotton/acrylic 70/30, sợi Polyamid 100 % và sợi Spandex (lycra), trong đó:
 - + Gót chân và mũi chân của bít tất được dệt từ sợi Polyamid 100 %;
 - + Toàn bộ phần còn lại của bít tất được dệt bằng sợi Cotton/acrylic 70/30, sợi Spandex (lycra);
 - + Các loại sợi phải đảm bảo các chỉ tiêu được quy định tại Bảng B.10 Phụ lục B.
- Phần mu bàn chân và ống chân dệt kiểu Rib 2/2; phần cổ chun dệt kiểu Rib 1/1; phần gan bàn chân, gót, mũi chân và phần ống thêu dệt kiểu Single.

3.2 Chỉ tiêu kỹ thuật

Thông số kích thước cơ bản của bít tất được quy định tại Bảng C.22 Phụ lục C.

4 Phương pháp kiểm tra

4.1 Tỷ lệ kiểm tra

Kiểm tra theo xác suất cho từng lô hàng, lấy mẫu ngẫu nhiên từ 5 % đến 10 % số lượng sản phẩm trong lô hàng để kiểm tra.

4.2 Kiểm tra yêu cầu chung

4.2.1 Kiểm tra ngoại quan

Kiểm tra ngoại quan bằng mắt thường phải đạt yêu cầu theo quy định tại 3.1.1.

4.2.2 Kiểm tra nguyên liệu

Nguyên liệu sản xuất phải có nguồn gốc rõ ràng, được kiểm tra trước khi đưa vào sản xuất. Kiểm tra chủng loại, chất lượng nguyên vật liệu thông qua giấy chứng nhận hợp chuẩn; phiếu chứng nhận hợp cách hoặc biên bản kiểm tra chất lượng. Kết quả kiểm tra phải đạt yêu cầu theo quy định tại 3.1.2.

4.3 Kiểm tra chỉ tiêu kỹ thuật

Dùng phương tiện đo, kiểm tra được quy định tại Bảng A.1 Phụ lục A, kiểm tra chỉ tiêu kỹ thuật của bút tất. Kết quả kiểm tra phải đạt yêu cầu theo quy định tại 3.2.

5 Xử lý chung

Bút tất sau sản xuất kiểm tra phải đạt các yêu cầu theo quy định tại Tiêu chuẩn này. Trường hợp kiểm tra không đạt yêu cầu theo quy định tại Tiêu chuẩn này phải tiến hành kiểm tra lại với số lượng mẫu gấp đôi cũng lấy từ chính lô sản phẩm đó. Trường hợp kiểm tra lại vẫn không đạt yêu cầu thì không được đưa vào sử dụng.

6 Ghi nhãn, bao gói, vận chuyển, bảo quản

6.1 Ghi nhãn

Nhãn phải có đầy đủ các thông tin: Tên đơn vị sản xuất, cỡ số, năm sản xuất. Nhãn được dẹt trên vải, thể hiện rõ ràng trên sản phẩm.

6.2 Bao gói

Một đôi bút tất thành phẩm được ghim lại bằng 2 ghim kẹp nhôm và đóng trong 1 túi nilon (có ghi đầy đủ tên đơn vị sản xuất), 10 đôi được buộc lại thành một bó, 50 bó đóng vào bao PP theo quy định tại Phụ lục D.

6.3 Vận chuyển

Sản phẩm được vận chuyển bằng phương tiện vận tải thông dụng và được che đậy cẩn thận tránh mưa, nắng.

6.4 Bảo quản

Sản phẩm được bảo quản nơi khô ráo, tránh mưa, nắng; không để chung với các loại hóa chất, xăng dầu.

Trang phục Dân quân tự vệ - Phần 24: Giày da đen nam

1 Phạm vi áp dụng

TCVN/QS 1822-24:2021 quy định các yêu cầu kỹ thuật và phương pháp kiểm tra đối với sản phẩm giày da đen nam Dân quân tự vệ.

2 Quy định chung

Các phương tiện đo, kiểm tra chỉ tiêu kỹ thuật của giày da đen nam được quy định tại Bảng A.1 Phụ lục A.

3 Yêu cầu kỹ thuật

3.1 Yêu cầu chung

3.1.1 Yêu cầu ngoại quan

- Giày da đen nam phải cân đối, hài hòa, phẳng phiu, không nhăn, vắn, đảm bảo hình dáng;
- Giày da đen nam là kiểu giày kiểu Decby, mũi tròn, buộc dây có vân ngang được làm từ da bộ boxcal màu đen, nhuộm xuyên, mềm. Lót các chi tiết hậu, suốt, nẹp ô dê bằng da lợn màu vàng, lót mũi bằng vải bạt 3. Nẹp ô dê có các cặp ô dê sơn màu đen;
- Đế, gót và đế liền theo từng cỡ số; đế giày đúc nổi tên đơn vị sản xuất, cỡ số và 2 số cuối của năm sản xuất; mặt đế có hoa văn chống trơn;
- Các đường may phải đảm bảo mật độ. Các mũi chỉ phải đều đặn không bỏ mũi, sùi chỉ, không sên, tuột chỉ;
- Các chi tiết da cắt la, mép cắt không sờn cạnh và được xử lý bằng xi đen hoặc dung dịch xử lý chuyên dùng;
- Chân gò tối thiểu 15 mm, độn phẳng phần bụng giày;
- Kết cấu giữa đế giày và mũi giày phải cân đối, chắc chắn, không hở giữa phần đế và phần mũi, không mất đường diềm ở quanh phần mép đế giày.

3.1.2 Yêu cầu về nguyên liệu

- Da mũi giày: Da bò Nappa màu đen, độ dày và độ bóng đồng đều;
- Da lót: Nhấn một mặt, mềm, độ dày đồng đều;
- Da mặt đế: Loại da thuộc màu tự nhiên, da đánh, dẻo, thuộc chín hoàn toàn, mặt cắt nhẵn, không dòn, gãy, không mất cắt, thủng;
- Chỉ tiêu kỹ thuật da được quy định tại Bảng B.14 Phụ lục B;
- Pho mũi - hậu: Loại pho công nghiệp chuyên dùng, chiều dày $(1,5 \pm 0,2)$ cm;

- Độn sắt: Bằng sắt lập là (loại chuyên dùng), độn từ gót đến phần bụng giày, được uốn theo chiều cong mặt phom của phần bụng đế giày, chiều rộng từ 15 mm đến 17 mm, chiều dày từ 1 mm đến 1,2 mm;
- Đế bằng cao su nhựa tổng hợp (TPR) đúc định hình màu đen, gót bằng nhựa ABS. Chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.17 Phụ lục B;
- Chỉ may: Loại sợi Polyester 20/3 màu đen, lực kéo đứt không nhỏ hơn 20 N; chỉ khâu hút loại sợi Polyester xe 3, lực kéo đứt không nhỏ hơn 200 N;
- Vải lót may mũ giày: Gồm vải bạt 3 sợi 83/17 màu ôliu; vải lót Gilét là vải phin 3925, chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.18 Phụ lục B;
- Ô dề: Nhôm dẻo, sơn màu đen; đường kính vành ngoài ($8 \pm 0,1$) mm; đường kính ống: ($3,8 \pm 0,1$) mm; độ dày ($0,5 \pm 0,1$) mm.

3.2 Chỉ tiêu kỹ thuật

Giày da đen nam gồm 7 cỡ: Từ 37 đến 43. Thông số kích thước cơ bản được quy định tại Bảng C.23 Phụ lục C.

4 Phương pháp kiểm tra

4.1 Tỷ lệ kiểm tra

Kiểm tra theo xác suất cho từng lô hàng, lấy mẫu ngẫu nhiên từ 5 % đến 10 % số lượng sản phẩm trong lô hàng để kiểm tra.

4.2 Kiểm tra yêu cầu chung

4.2.1 Kiểm tra ngoại quan

Kiểm tra ngoại quan bằng mắt thường phải đạt yêu cầu theo quy định tại 3.1.1.

4.2.2 Kiểm tra nguyên liệu

Nguyên liệu sản xuất phải có nguồn gốc rõ ràng, được kiểm tra trước khi đưa vào sản xuất. Kiểm tra chủng loại, chất lượng nguyên vật liệu thông qua giấy chứng nhận hợp chuẩn; phiếu chứng nhận hợp cách hoặc biên bản kiểm tra chất lượng. Kết quả kiểm tra phải đạt yêu cầu theo quy định tại 3.1.2.

4.3 Kiểm tra chỉ tiêu kỹ thuật

Dùng phương tiện đo, kiểm tra được quy định tại Bảng A.1 Phụ lục A, kiểm tra chỉ tiêu kỹ thuật của giày da đen nam. Kết quả kiểm tra phải đạt yêu cầu theo quy định tại 3.2.

5 Xử lý chung

Giày da đen nam sau sản xuất kiểm tra phải đạt các yêu cầu theo quy định tại Tiêu chuẩn này. Trường hợp kiểm tra không đạt yêu cầu theo quy định tại Tiêu chuẩn này phải tiến hành kiểm tra lại với số lượng mẫu gấp đôi cũng lấy từ chính lô sản phẩm đó. Trường hợp kiểm tra lại vẫn không đạt yêu cầu thì không được đưa vào sử dụng.

6 Ghi nhãn, bao gói, vận chuyển, bảo quản

6.1 Ghi nhãn

Tên đơn vị sản xuất, cỡ số và 2 số cuối của năm sản xuất được đúc nổi phía mặt dưới đế giày. Mỗi sản phẩm có nhãn dệt tên đơn vị sản xuất, năm sản xuất được may liền với lót suốt giày (ở phần mặt gót).

6.2 Bao gói

Mỗi đôi giày được trở đầu đuôi và xếp vào hộp Carton, hộp có nắp mở phía trên; 20 đôi được đựng vào thùng Carton (hoặc bao PP theo quy định tại Phụ lục D).

6.3 Vận chuyển

Sản phẩm được vận chuyển bằng phương tiện vận tải thông dụng và được che đậy cẩn thận tránh mưa, nắng.

6.4 Bảo quản

Sản phẩm được bảo quản nơi khô ráo, tránh mưa, nắng; không để chung với các loại hóa chất, xăng dầu.

Trang phục Dân quân tự vệ -

Phần 25: Giày da đen nữ

1 Phạm vi áp dụng

TCVN/QS 1822-25:2021 quy định các yêu cầu kỹ thuật và phương pháp kiểm tra đối với sản phẩm giày da đen nữ Dân quân tự vệ.

2 Quy định chung

Các phương tiện đo, kiểm tra chỉ tiêu kỹ thuật của giày da đen nữ được quy định tại Bảng A.1 Phụ lục A.

3 Yêu cầu kỹ thuật

3.1 Yêu cầu chung

3.1.1 Yêu cầu ngoại quan

- Giày da đen nữ phải cân đối, hài hòa, phẳng phiu không nhăn, vắn, đảm bảo hình dáng;
- Mũ giày: Kiểu Oxford thấp cổ, bu trơn, độ dày đồng đều, màu đen, nhuộm xuyên, mềm, vân da mịn. Lót các chi tiết: Bu, hậu, suốt, lưỡi gà, nẹp ô dê, màu nâu đậm, mềm, độ dày đồng đều. Nẹp có 4 cặp ô dê buộc dây cố định;
- Đế, gót và đế liền theo từng cỡ số; đế giày đúc nổi tên đơn vị sản xuất, cỡ số và 2 số cuối của năm sản xuất; mặt đế có hoa văn chống trơn;
- Các đường may phải đảm bảo mật độ. Các mũi chỉ phải đều đặn không bỏ mũi, sùi chỉ, không sên, tuột chỉ;
- Các chi tiết da cắt la, mép cắt không sờn cạnh và được xử lý bằng xi đen hoặc dung dịch xử lý chuyên dùng;
- Chân gò tối thiểu 15 mm, độn phẳng phần bụng giày;
- Kết cấu giữa đế giày và mũ giày phải cân đối, chắc chắn, không hở giữa phần đế và phần mũ, không mất đường diềm ở quanh phần mép đế giày.

3.1.2 Yêu cầu về nguyên liệu

- Da mũ giày: Da bò Nappa màu đen, độ dày và độ bóng đồng đều;
- Da lót: Nhấn một mặt, mềm, độ dày đồng đều;
- Da mặt đế: Loại da thuộc màu tự nhiên, da đánh, dẻo, thuộc chín hoàn toàn, mặt cắt nhẵn, không dòn, gãy, không mất cắt, thủng;
- Chỉ tiêu kỹ thuật da được quy định tại Bảng B.14 Phụ lục B;

- Đế bằng cao su nhựa tổng hợp (TPR) đúc định hình màu đen, gót bằng nhựa ABS. Chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.19 Phụ lục B;
- Mặt đế trong (boong nhe): Bằng chất liệu định hình có lớp mỏng tăng cường độ bám dính chân gò, độn sắt được cố định theo làn phom;
- Pho mũi - hậu: Loại pho công nghiệp chuyên dùng; Chiều dày mũi: $(1,3 \pm 0,1)$ mm;
- Độn sắt: Bằng sắt lập là (loại chuyên dùng), độn từ gót đến phần bụng giày, được uốn theo phom giày; chiều rộng từ 15 mm đến 17 mm; độ dày từ 1 mm đến 1,2 mm;
- Chỉ may loại sợi Polyester 20/2, chỉ may ngoài màu đen, chỉ may trong cùng màu da lót; lực kéo đứt không nhỏ hơn 20 N;
- Ô dê: Loại nhôm dẻo, sơn màu đen; đường kính vành ngoài $(8 \pm 0,1)$ mm, đường kính ống $(3,8 \pm 0,1)$ mm, độ dày $(0,5 \pm 0,1)$ mm.

3.2 Chỉ tiêu kỹ thuật

Giày da đen nữ gồm 7 cỡ: Từ 35 đến 41. Thông số kích thước cơ bản của giày da đen nữ được quy định tại Bảng C.24 Phụ lục C.

4 Phương pháp kiểm tra

4.1 Tỷ lệ kiểm tra

Kiểm tra theo xác suất cho từng lô hàng, lấy mẫu ngẫu nhiên từ 5 % đến 10 % số lượng sản phẩm trong lô hàng để kiểm tra.

4.2 Kiểm tra yêu cầu chung

4.2.1 Kiểm tra ngoại quan

Kiểm tra ngoại quan bằng mắt thường phải đạt yêu cầu theo quy định tại 3.1.1.

4.2.2 Kiểm tra nguyên liệu

Nguyên liệu sản xuất phải có nguồn gốc rõ ràng, được kiểm tra trước khi đưa vào sản xuất. Kiểm tra chủng loại, chất lượng nguyên vật liệu thông qua giấy chứng nhận hợp chuẩn; phiếu chứng nhận hợp cách hoặc biên bản kiểm tra chất lượng. Kết quả kiểm tra phải đạt yêu cầu theo quy định tại 3.1.2.

4.3 Kiểm tra chỉ tiêu kỹ thuật

Dùng phương tiện đo, kiểm tra được quy định tại Bảng A.1 Phụ lục A, kiểm tra chỉ tiêu kỹ thuật của giày da đen nữ. Kết quả kiểm tra phải đạt yêu cầu theo quy định tại 3.2.

5 Xử lý chung

Giày da đen nữ sau sản xuất kiểm tra phải đạt các yêu cầu theo quy định tại Tiêu chuẩn này. Trường hợp kiểm tra không đạt yêu cầu theo quy định tại Tiêu chuẩn này phải tiến hành kiểm tra lại với số lượng mẫu gấp đôi cũng lấy từ chính lô sản phẩm đó. Trường hợp kiểm tra lại vẫn không đạt yêu cầu thì không được đưa vào sử dụng.

6 Ghi nhãn, bao gói, vận chuyển, bảo quản

6.1 Ghi nhãn

Tên đơn vị sản xuất, cỡ số và 2 số cuối của năm sản xuất được đúc nổi phía mặt dưới đế giày. Mỗi sản phẩm có nhãn dệt tên đơn vị sản xuất, năm sản xuất được may liền với lót suốt giày (ở phần mặt gót).

6.2 Bao gói

Mỗi đôi giày được trở đầu đuôi và xếp vào hộp Carton, hộp có nắp mở phía trên; 20 đôi được đựng vào thùng Carton (hoặc bao PP theo quy định tại Phụ lục D).

6.3 Vận chuyển

Sản phẩm được vận chuyển bằng phương tiện vận tải thông dụng và được che đậy cẩn thận tránh mưa, nắng.

6.4 Bảo quản

Sản phẩm được bảo quản nơi khô ráo, tránh mưa, nắng; không để chung với các loại hóa chất, xăng dầu.

Trang phục Dân quân tự vệ - Phần 26: Giày vải thấp cổ

1 Phạm vi áp dụng

TCVN/QS 1822-26:2021 quy định các yêu cầu kỹ thuật và phương pháp kiểm tra đối với sản phẩm giày vải thấp cổ Dân quân tự vệ.

2 Quy định chung

Các phương tiện đo, kiểm tra chỉ tiêu kỹ thuật của giày vải thấp cổ được quy định tại Bảng A.1 Phụ lục A.

3 Yêu cầu kỹ thuật

3.1 Yêu cầu chung

3.1.1 Yêu cầu ngoại quan

- Đôi giày phải cân đối, không vẹo lệch, phẳng, không nhăn, vắn, dúm;
- Mũi giày: Không dây bản, dính dầu mỡ, sần, rách, vải cán lót không được bong rộp; đường may đều, đúng khoảng cách, đường may pho hậu lượn tròn đều, cuối các đường may phải may chặn lại mũi, không được bỏ mũi, đứt, sùi chỉ, không sên tuột chỉ;
- Nẹp giày có 6 ô dê nhôm, phía trong đệm bằng vải bạt, mặt hướng ra ngoài. Yếm giày bằng vải Kate màu xanh cô ban, may gấp đè mí vào chân nẹp ô dê. Mũi giày có bọc cao su liền với đế;
- Đế cao su ép đúc liền với mũi giày trên khuôn màu đen;
- Bề mặt cao su bóng lì, không phòng rộp, sạn, không thiếu khuyết cao su ở hoa, bím. Mép bím cao su - vải không được bong mép. Lót tẩy dán bồi lớp vải với EVA dày 3 mm; không hở giữa phần đế và phần vải mũi.

3.1.2 Yêu cầu về nguyên liệu

- Vải may mũi giày bằng vải bạt Peco màu xanh cô ban, đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.11 Phụ lục B; vải lót và vải may si tẩy bằng vải chéo mộc;
- Băng viền mũi giày (viên cổ, nẹp ô dê) bằng vải chuyên dùng, sợi Polyester màu xanh cô ban dệt vân chéo đối;
- Đế cao su, độ liên kết cao su bím - vải, vải - vải, đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.12 Phụ lục B;
- Chỉ may Peco 76/6 cùng màu với vải bạt Peco;
- Ô dê nhôm đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.13 Phụ lục B;
- Dây buộc giày đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.20 Phụ lục B;

- Mỗi đôi giày có thêm 1 đôi lót suốt bằng cao su xốp mặt trên cán lớp vải chéo mộc, độ dày từ 2,5 mm đến 3 mm.

3.2 Chỉ tiêu kỹ thuật

3.2.1 Kích thước cơ bản

Giày vải thấp cổ gồm có 8 cỡ: Từ cỡ 37 đến cỡ 44. Thông số kích thước cơ bản của giày vải thấp cổ được quy định tại Bảng C.25 Phụ lục C.

3.2.2 Yêu cầu về các đường may

Đường may đều, đường may đôi đúng khoảng cách, đường may pho-hậu-tượn tròn đều. Cuối các đường may, đường may chặn phải lại mũi, đường may không được bỏ mũi, đứt, sùi chỉ.

4 Phương pháp kiểm tra

4.1 Tỷ lệ kiểm tra

Kiểm tra theo xác suất cho từng lô hàng, lấy mẫu ngẫu nhiên từ 5 % đến 10 % số lượng sản phẩm trong lô hàng để kiểm tra.

4.2 Kiểm tra yêu cầu chung

4.2.1 Kiểm tra ngoại quan

Kiểm tra ngoại quan bằng mắt thường phải đạt yêu cầu theo quy định tại 3.1.1.

4.2.2 Kiểm tra nguyên liệu

Nguyên liệu sản xuất phải có nguồn gốc rõ ràng, được kiểm tra trước khi đưa vào sản xuất. Kiểm tra chủng loại, chất lượng nguyên vật liệu thông qua giấy chứng nhận hợp chuẩn; phiếu chứng nhận hợp cách hoặc biên bản kiểm tra chất lượng. Kết quả kiểm tra phải đạt yêu cầu theo quy định tại 3.1.2.

4.3 Kiểm tra chỉ tiêu kỹ thuật

Dùng phương tiện đo, kiểm tra được quy định tại Bảng A.1 Phụ lục A, kiểm tra chỉ tiêu kỹ thuật của giày vải thấp cổ. Kết quả kiểm tra phải đạt yêu cầu theo quy định tại 3.2.

5 Xử lý chung

Giày vải thấp cổ sau sản xuất kiểm tra phải đạt các yêu cầu theo quy định tại Tiêu chuẩn này. Trường hợp kiểm tra không đạt yêu cầu theo quy định tại Tiêu chuẩn này phải tiến hành kiểm tra lại với số lượng mẫu gấp đôi cũng lấy từ chính lô sản phẩm đó. Trường hợp kiểm tra lại vẫn không đạt yêu cầu thì không được đưa vào sử dụng.

6 Ghi nhãn, bao gói, vận chuyển, bảo quản

6.1 Ghi nhãn

Tên đơn vị sản xuất, cỡ số và 2 số cuối của năm sản xuất được đúc nổi phía mặt dưới đế giày.

6.2 Bao gói

Mỗi đôi giày được trở đầu đuôi và úp phía trên mặt giày vào nhau, được buộc bằng dây buộc

giày, 10 đôi buộc thành 1 bó, sau đó đóng 4 bó vào bao PP theo quy định tại Phụ lục D.

6.3 Vận chuyển

Sản phẩm được vận chuyển bằng phương tiện vận tải thông dụng và được che đậy cẩn thận tránh mưa, nắng.

6.4 Bảo quản

Sản phẩm được bảo quản nơi khô ráo, tránh mưa, nắng; không để chung với các loại hóa chất, xăng dầu.

Trang phục Dân quân tự vệ -

Phần 27: Giày vải cao cổ

1 Phạm vi áp dụng

TCVN/QS 1822-27:2021 quy định các yêu cầu kỹ thuật và phương pháp kiểm tra đối với sản phẩm giày vải cao cổ Dân quân tự vệ.

2 Quy định chung

Các phương tiện đo, kiểm tra chỉ tiêu kỹ thuật của giày vải cao cổ được quy định tại Bảng A.1 Phụ lục A.

3 Yêu cầu kỹ thuật

3.1 Yêu cầu chung

3.1.1 Yêu cầu ngoại quan

- Đôi giày phải cân đối, không vẹo lệch, phẳng, không nhăn, vắn, dúm;
- Mũ giày: Không dây bản, dính dầu mỡ, sòn, rách. Vải cán lót không được bong, rộp. Đường may đều, đúng khoảng cách, đường may pho hậu lượn tròn đều, cuối các đường may phải may chặn lại mũi, không được bỏ mũi, đứt, sùi chỉ, không sênh tuột chỉ. Ô dê tán tròn, cuộn đều;
- Bề mặt cao su bóng lì, không phồng rộp, sạn, không thiếu khuyết cao su ở hoa, bím. Mép bím cao su - vải không được bong mép. Lót tẩy dán bồi lớp vải với EVA dày 3 mm; không hở giữa phần đế và phần vải mũ.

3.1.2 Yêu cầu về nguyên liệu

- Vải may mũ giày bằng vải bạt Peco màu xanh cô ban, đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.11 Phụ lục B; vải lót và vải may si tẩy bằng vải chéo mộc;
- Băng viền mũ giày (viền cổ, nẹp ô dê) bằng vải chuyên dùng, sợi Polyester màu xanh cô ban dệt vân chéo đối; chiều rộng 15 mm, chiều dày $(0,8 \pm 0,1)$ mm; lực kéo đứt nguyên bản không nhỏ hơn 500 N;
- Đế cao, độ liên kết cao su bím - vải; vải - vải, đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.12 Phụ lục B;
- Chỉ may Peco 76/6 cùng màu với vải bạt Peco;
- Ô dê nhôm đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.13 Phụ lục B;
- Dây buộc giày đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.20 Phụ lục B.

3.2 Chỉ tiêu kỹ thuật

3.2.1 Kích thước cơ bản

Giày vải cao cổ gồm có 8 cỡ: Từ cỡ 37 đến cỡ 44. Thông số kích thước cơ bản của giày vải cao cổ được quy định tại Bảng C.26 Phụ lục C.

3.2.2 Yêu cầu về các đường may

Đường may đều, đường may đôi đúng khoảng cách, đường may pho hậu lượn tròn đều. Cuối các đường may, đường may chặn phải lại mũi; đường may không được bỏ mũi, dứt, sùi chỉ.

4 Phương pháp kiểm tra

4.1 Tỷ lệ kiểm tra

Kiểm tra theo xác suất cho từng lô hàng, lấy mẫu ngẫu nhiên từ 5 % đến 10 % số lượng sản phẩm trong lô hàng để kiểm tra.

4.2 Kiểm tra yêu cầu chung

4.2.1 Kiểm tra ngoại quan

Kiểm tra ngoại quan bằng mắt thường phải đạt yêu cầu theo quy định tại 3.1.1.

4.2.2 Kiểm tra nguyên liệu

Nguyên liệu sản xuất phải có nguồn gốc rõ ràng, được kiểm tra trước khi đưa vào sản xuất. Kiểm tra chủng loại, chất lượng nguyên vật liệu thông qua giấy chứng nhận hợp chuẩn; phiếu chứng nhận hợp cách hoặc biên bản kiểm tra chất lượng. Kết quả kiểm tra phải đạt yêu cầu theo quy định tại 3.1.2.

4.3 Kiểm tra chỉ tiêu kỹ thuật

Dùng phương tiện đo, kiểm tra được quy định tại Bảng A.1 Phụ lục A, kiểm tra chỉ tiêu kỹ thuật của giày vải cao cổ. Kết quả kiểm tra phải đạt yêu cầu theo quy định tại 3.2.

5 Xử lý chung

Giày vải cao cổ sau sản xuất kiểm tra phải đạt các yêu cầu theo quy định tại Tiêu chuẩn này. Trường hợp kiểm tra không đạt yêu cầu theo quy định tại Tiêu chuẩn này phải tiến hành kiểm tra lại với số lượng mẫu gấp đôi cũng lấy từ chính lô sản phẩm đó. Trường hợp kiểm tra lại vẫn không đạt yêu cầu thì không được đưa vào sử dụng.

6 Ghi nhãn, bao gói, vận chuyển, bảo quản

6.1 Ghi nhãn

Tên đơn vị sản xuất, cỡ số và 2 số cuối của năm sản xuất được đúc nổi phía mặt dưới đế giày.

6.2 Bao gói

Mỗi đôi giày được trở đầu đuôi và úp phía trên mặt giày vào nhau, được buộc bằng dây buộc giày, 10 đôi buộc thành 1 bó, sau đó đóng 4 bó vào bao PP theo quy định tại Phụ lục D.

6.3 Vận chuyển

Sản phẩm được vận chuyển bằng phương tiện vận tải thông dụng và được che đậy cẩn thận tránh mưa, nắng.

6.4 Bảo quản

Sản phẩm được bảo quản nơi khô ráo, tránh mưa, nắng; không để chung với các loại hóa chất, xăng dầu.

Trang phục Dân quân tự vệ - Phần 28: Quần, áo đi mưa

1 Phạm vi áp dụng

TCVN/QS 1822-28:2021 quy định các yêu cầu kỹ thuật và phương pháp kiểm tra đối với sản phẩm quần, áo đi mưa của Dân quân tự vệ (gồm: Các chức vụ chỉ huy Ban chỉ huy quân sự bộ, ngành Trung ương; Ban chỉ huy quân sự cấp xã; Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức; thôn đội trưởng; các chức vụ chỉ huy đơn vị dân quân tự vệ cơ động, thường trực từ trung đội trưởng trở lên).

2 Quy định chung

Các phương tiện đo, kiểm tra chỉ tiêu kỹ thuật của quần, áo đi mưa được quy định tại Bảng A.1 Phụ lục A.

3 Yêu cầu kỹ thuật

3.1 Yêu cầu chung

3.1.1 Yêu cầu ngoại quan

- Áo kiểu mở ngực có khóa fecmotuya cài suốt, hai bên nẹp có đấp nẹp được tán cúc đồng. Ngang eo bên trong may đấp để luồn dây điều chỉnh. Áo có mũ rời, miệng mũ có dây rút. Thân trước có túi dán ngoài, có nắp. Nắp túi và miệng túi được gắn nhám dính. Thân sau có đê cúp, bên trong có lót lưới. Tay áo zaclan, súp cửa tay được may chun, mũ rời được cài vào áo bằng cúc đồng;

- Quần cạp chun, gấu quần có tán cúc đồng phía dưới gấu của hai ống quần.

3.1.2 Yêu cầu về nguyên liệu

- Quần, áo đi mưa được may bằng màng PVC màu xanh cô ban, có độ dày: Từ 0,12 mm đến 0,14 mm;

- Cúc đấp bằng đồng có đường kính 1,4 cm;

- Chun cạp quần chiều rộng 4 cm;

- Chun súp cửa tay chiều rộng 1 cm;

- Khóa fecmotuya nẹp áo loại răng 5, răng cá sấu, cùng màu với nguyên liệu chính;

- Chỉ may Peco 50/3 cùng màu với nguyên liệu chính;

- Dây mũ đường kính 0,6 cm, cùng màu với nguyên liệu chính;

- Chốt nhựa chặn dây mũ, dây điều chỉnh ngang eo, hình tròn;

- Băng dán chống thấm chuyên dùng bản to 2 cm;

- Nhám dính bản rộng 2,5 cm cùng màu với nguyên liệu chính;

- Dụng lót lưới trai bằng 2 lớp vải bạt Peco màu rêu.

3.2 Chỉ tiêu kỹ thuật

3.2.1 Kích thước cơ bản

Quần, áo đi mưa gồm các cỡ 3; 4 và 5. Thông số kích thước cơ bản của quần, áo đi mưa được quy định tại Bảng C.27 Phụ lục C.

3.2.2 Yêu cầu về cắt

- Các chi tiết của sản phẩm khi cắt phải đảm bảo canh sợi của nguyên liệu;
- Các chi tiết cắt dọc sợi vải: Quần, thân áo, tay áo, cổ áo, hộp túi áo, đế cúp, nắp nẹp, súp cửa tay, dụng lưới trai;
- Các chi tiết cắt ngang sợi vải: Nắp túi áo, nắp luôn dây điều chỉnh.

3.2.3 Yêu cầu về các đường may

- Dùng kim số 14 để may, các mũi chỉ phải đều đặn, không bỏ mũi, sùi chỉ, nhăn vải, không sên tuột chỉ;
- Các đường may phải đảm bảo 4 mũi chỉ/1 cm. Đầu và cuối các đường may phải lại mũi chỉ 3 lần, dài 1 cm chồng khít lên nhau, cắt sạch chỉ thừa, không sên sót, bỏ mũi, sùi chỉ, dãn dùm;
- Đường may cách mép 0,1 cm: Mí chân cổ, túi áo, 2 cạnh nắp luôn dây điều chỉnh, mí chân đế cúp, đường mí trong gấu quần, gấu áo, cửa tay, chun súp cửa tay, chân cạp, gấn nhám dính;
- Nắp nẹp bên phải gấp vào 2 cm, may chặn 2 đầu và điểm tán chân cúc đồng;
- Đường may cách mép 0,4 cm: Đường may fecmotuya vào áo;
- Đường may cách mép 0,7 cm: Điều lá cổ (phần không có khóa fecmotuya), điều đường tra nẹp, mép nắp nẹp, nắp túi, quay lộn lưới trai, điều lưới trai, ghim xung quang 2 lớp dụng lưới trai;
- Đường may song song cách nhau 0,7 cm: Quần, sườn áo, tra tay, chắp bụng tay;
- Đường may cách mép 2 cm: Đế cúp thân sau;
- Đường may cách mép 1 cm: Đường chắp sườn, vai, tra tay;
- Các đường may: Áo: Đường sườn áo, tra tay, tay áo, túi áo, dán nắp túi, nắp nẹp, nắp luôn dây điều chỉnh, chân đế cúp, chắp dính mũ. Quần: Đường dọc, đường giàng, chắp dính được dán bằng băng dán chuyên dùng bản to 2 cm. Băng dán cân đối giữa các đường may, đảm bảo nhiệt độ bám dính tốt, cắt sát đầu băng ở các chi tiết, đường dán ép phải phủ kín đường may. Khi ép xong sản phẩm mặt phải không bị nhăn dùm, biến dạng, co rút, mặt ép không bị bong tuột, phồng rộp, chỗ nối đường băng chồng lên nhau 1,5 cm.

3.2.4 Yêu cầu về tán cúc, gấn nhám dính

- Cúc khi tán xong phải đảm bảo chắc chắn không bị tuột, méo, lõm (mặt phải của cúc), đúng vị trí quy định;
- Nhám dính may chắc chắn, khớp hai bên, đúng vị trí quy định.

4 Phương pháp kiểm tra

4.1 Tỷ lệ kiểm tra

Kiểm tra theo xác suất cho từng lô hàng, lấy mẫu ngẫu nhiên từ 5 % đến 10 % số lượng sản phẩm trong lô hàng để kiểm tra.

4.2 Kiểm tra yêu cầu chung

4.2.1 Kiểm tra ngoại quan

Kiểm tra ngoại quan bằng mắt thường phải đạt yêu cầu theo quy định tại 3.1.1.

4.2.2 Kiểm tra nguyên liệu

Nguyên liệu sản xuất phải có nguồn gốc rõ ràng, được kiểm tra trước khi đưa vào sản xuất. Kiểm tra chủng loại, chất lượng nguyên vật liệu thông qua giấy chứng nhận hợp chuẩn; phiếu chứng nhận hợp cách hoặc biên bản kiểm tra chất lượng. Kết quả kiểm tra phải đạt yêu cầu theo quy định tại 3.1.2.

4.3 Kiểm tra chỉ tiêu kỹ thuật

Trải sản phẩm trên bàn phẳng, đo kích thước sản phẩm theo chiều dài, chiều rộng bằng thước dây, đo kích thước đường kính cúc bằng thước cặp. Kết quả kiểm tra phải đạt yêu cầu theo quy định tại 3.2.

5 Xử lý chung

Quần, áo đi mưa sau sản xuất kiểm tra phải đạt các yêu cầu theo quy định tại Tiêu chuẩn này. Trường hợp kiểm tra không đạt yêu cầu theo quy định tại Tiêu chuẩn này phải tiến hành kiểm tra lại với số lượng mẫu gấp đôi cũng lấy từ chính lô sản phẩm đó. Trường hợp kiểm tra lại vẫn không đạt yêu cầu thì không được đưa vào sử dụng.

6 Ghi nhãn, bao gói, vận chuyển, bảo quản

6.1 Ghi nhãn

Sản phẩm có gắn nhãn dẹt tên đơn vị sản xuất và nhãn cỡ số:

- Áo: Nhãn dẹt được gấp đôi gắn ở đường mí chân cổ giữa gáy thân sau, nhãn cỡ được gắn giữa nhãn dẹt, mặt số lên trên;
- Quần: Nhãn được gắn ở đường mí chân cạp, vị trí đường chắp đũng thân sau, mặt số lên trên.

6.2 Bao gói

- Áo được kéo khóa, cài cúc; gấp theo nếp áo, gấp dọc thân sau lên thân trước, gấp tay áo dọc theo thân trước, mũ cài liền vào cổ áo. Gấp làm 4 theo chiều dài áo;
- Quần gấp dọc theo đường dọc quần, gấp 1/4 chiều rộng thân quần. Gấp đôi chiều dài quần, sau đó gấp 3;
- Áo được lồng với quần có cùng cỡ số, cho vào túi đựng thành từng bộ; 10 túi buộc thành 1 bó, 2 bó buộc đóng vào bao PP theo quy định tại Phụ lục D.

6.3 Vận chuyển

Sản phẩm được vận chuyển bằng phương tiện vận tải thông dụng và được che đậy cẩn thận tránh mưa, nắng.

6.4 Bảo quản

Sản phẩm được bảo quản nơi khô ráo, tránh mưa, nắng; không để chung với các loại hóa chất, xăng dầu.

Trang phục Dân quân tự vệ -

Phần 29: Áo mưa chiến sĩ

1 Phạm vi áp dụng

TCVN/QS 1822-29:2021 quy định các yêu cầu kỹ thuật và phương pháp kiểm tra đối với sản phẩm áo mưa chiến sĩ Dân quân tự vệ.

2 Quy định chung

Các phương tiện đo, kiểm tra chỉ tiêu kỹ thuật của áo mưa chiến sĩ được quy định tại Bảng A.1 Phụ lục A.

3 Yêu cầu kỹ thuật

3.1 Yêu cầu chung

3.1.1 Yêu cầu ngoại quan

Áo mưa chiến sĩ được sản xuất theo từng tấm hình chữ nhật. Thành phẩm tấm áo mưa có hình dáng cân đối, không bai, vắn.

3.1.2 Yêu cầu về nguyên liệu

Áo mưa chiến sĩ hình chữ nhật được sản xuất bằng màng PVC màu xanh cô ban; chiều dày màng PVC: Từ 0,12 mm đến 0,14 mm.

3.2 Chỉ tiêu kỹ thuật

3.2.1 Kích thước cơ bản

Thông số kích thước cơ bản của áo mưa chiến sĩ (chiều dài × chiều rộng): 220 cm × 160 cm (± 2 cm).

3.2.2 Yêu cầu về cắt

Sản phẩm áo mưa chiến sĩ khi cắt phải đảm bảo canh sợi của nguyên liệu.

4 Phương pháp kiểm tra

4.1 Tỷ lệ kiểm tra

Kiểm tra theo xác suất cho từng lô hàng, lấy mẫu ngẫu nhiên từ 5 % đến 10 % số lượng sản phẩm trong lô hàng để kiểm tra.

4.2 Kiểm tra yêu cầu chung

4.2.1 Kiểm tra ngoại quan

Kiểm tra ngoại quan bằng mắt thường phải đạt yêu cầu theo quy định tại 3.1.1.

4.2.2 Kiểm tra nguyên liệu

Nguyên liệu sản xuất phải có nguồn gốc rõ ràng, được kiểm tra trước khi đưa vào sản xuất. Kiểm tra chủng loại, chất lượng nguyên vật liệu thông qua giấy chứng nhận hợp chuẩn; phiếu chứng nhận hợp cách hoặc biên bản kiểm tra chất lượng. Kết quả kiểm tra phải đạt yêu cầu theo quy định tại 3.1.2.

4.3 Kiểm tra chỉ tiêu kỹ thuật

Trải sản phẩm trên bàn phẳng, đo kích thước sản phẩm theo chiều dài, chiều rộng bằng thước dây. Kết quả kiểm tra phải đạt yêu cầu theo quy định tại 3.2.

5 Xử lý chung

Áo mưa chiến sĩ sau sản xuất kiểm tra phải đạt các yêu cầu theo quy định tại Tiêu chuẩn này. Trường hợp kiểm tra không đạt yêu cầu theo quy định tại Tiêu chuẩn này phải tiến hành kiểm tra lại với số lượng mẫu gấp đôi cũng lấy từ chính lô sản phẩm đó. Trường hợp kiểm tra lại vẫn không đạt yêu cầu thì không được đưa vào sử dụng.

6 Ghi nhãn, bao gói, vận chuyển, bảo quản

6.1 Ghi nhãn

Mỗi sản phẩm có 01 nhãn ghi tên sản phẩm, tên đơn vị sản xuất, năm sản xuất (cho cùng sản phẩm vào túi PE).

6.2 Bao gói

Áo mưa chiến sĩ được gấp đến kích thước 30 cm × 21 cm, đóng vào túi PE, gấp miệng túi 3 cm và dán kín bằng băng dính trong, sau đó xếp 40 cái vào bao PP được quy định tại Phụ lục D.

6.3 Vận chuyển

Sản phẩm được vận chuyển bằng phương tiện vận tải thông dụng và được che đậy cẩn thận tránh mưa, nắng.

6.4 Bảo quản

Sản phẩm được bảo quản nơi khô ráo, tránh mưa, nắng; không để chung với các loại hóa chất, xăng dầu.

Trang phục Dân quân tự vệ -

Phần 30: Màn tuyn đơn dân quân thường trực

1 Phạm vi áp dụng

TCVN/QS 1822-30:2021 quy định các yêu cầu kỹ thuật và phương pháp kiểm tra đối với sản phẩm màn tuyn đơn dân quân thường trực của Dân quân tự vệ.

2 Quy định chung

Các phương tiện đo, kiểm tra chỉ tiêu kỹ thuật màn tuyn đơn dân quân thường trực được quy định tại Bảng A.1 Phụ lục A.

3 Yêu cầu kỹ thuật

3.1 Yêu cầu chung

3.1.1 Yêu cầu ngoại quan

- Màn tuyn đơn có hình chữ nhật;
- Vải may màn tuyn đơn phải đảm bảo các yêu cầu về ngoại quan, không có các lỗi ngoại quan hoặc số lỗi ngoại quan nằm trong phạm vi cho phép; không bị các lỗi ngoại quan như sau:
 - + Lỗi về sợi: Sợi không đều (dày, mỏng), bị xù lông, vón cục, đứt xơ sợi, sợi khác lẫn vào;
 - + Lỗi về cấu trúc: Sốt sợi, vết lằn, đường sọc vải, hoa kim, sọc kim;
 - + Lỗi nhuộm: Đốm nhuộm hoặc sọc nhuộm, lệch tông màu, loang màu, các lỗi nhuộm khác;
 - + Lỗi hoàn tất: Sợi xiên, nếp gấp, nhăn, vết xước, rách;
 - + Lỗi vệ sinh: Vết dầu mỡ, gỉ sắt, vết bẩn, loang do ẩm, các lỗi khác.
- Màn tuyn đơn dạng thành phẩm phải đảm bảo hình dáng cân đối, các góc phải vuông, các cạnh phải song song và bằng nhau, đường may thẳng, đều;
- Màu sắc của vải: Màu xanh cô ban đậm.

3.1.2 Yêu cầu về nguyên liệu

- Vải may màn tuyn đơn dân quân thường trực được làm từ sợi Polyester (PET) 100 % dạng filamang, dệt lưới, được xử lý nhuộm màu bằng thuốc nhuộm phân tán, hoàn tất, phòng co; đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.21 Phụ lục B;
- Chỉ may Peco 60/3 cùng màu nguyên liệu chính, đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại Bảng B.6 Phụ lục B.

3.2 Chỉ tiêu kỹ thuật

3.2.1 Kích thước cơ bản

Thông số kích thước cơ bản của màn tuyn đơn dân quân thường trực được quy định tại Bảng C.28 Phụ lục C.

3.2.2 Yêu cầu về cắt

- Các chi tiết sản phẩm cắt phải đảm bảo thẳng canh sợi vải: Chiều cao và chiều dài đỉnh màn tùy theo khổ vải sử dụng;
- Dây treo màn, sợi viền đỉnh màn cắt dọc theo vải.

3.2.3 Yêu cầu về các đường may

- Đường can thân màn là đường may cuốn Hồng Kông cách mép ngoài 0,7 cm;
- Đường may chập đỉnh màn với thân màn cách mép ngoài 0,7 cm;
- Đường may viền đỉnh màn cách mép ngoài 1 cm;
- Đường may viền chân màn rộng 1 cm, biên vải chân màn cho phép sử dụng biên khi kim vặn cầm thẳng và sâu nhỏ hơn 1,5 cm, trường hợp lớn hơn 1,5 cm thì phải cắt và may viền;
- Đập góc màn đường đáy may mí cách mép ngoài 0,1 cm;
- Đường may dây treo 4 góc đỉnh màn: May theo cạnh góc của đỉnh màn dài 5 cm, may 2 đường chỉ. Dây treo chính giữa chiều dài đỉnh màn may gắn vào đường may viền đỉnh màn, lại mũi 3 lần chỉ trùng khít lên nhau;
- Các đường may phải đảm bảo 4 mũi chỉ/1 cm thẳng đều không xù chỉ, bỏ mũi, đầu và cuối các đường may phải lại mũi 3 lần chỉ dài 1 cm.

4 Phương pháp kiểm tra

4.1 Tỷ lệ kiểm tra

Kiểm tra theo xác suất cho từng lô hàng, lấy mẫu ngẫu nhiên từ 5 % đến 10 % số lượng sản phẩm trong lô hàng để kiểm tra.

4.2 Kiểm tra yêu cầu chung

4.2.1 Kiểm tra ngoại quan

Kiểm tra ngoại quan bằng mắt thường phải đạt yêu cầu theo quy định tại 3.1.1.

4.2.2 Kiểm tra nguyên liệu

Nguyên liệu sản xuất phải có nguồn gốc rõ ràng, được kiểm tra trước khi đưa vào sản xuất. Kiểm tra chủng loại, chất lượng nguyên vật liệu thông qua giấy chứng nhận hợp chuẩn; phiếu chứng nhận hợp cách hoặc biên bản kiểm tra chất lượng. Kết quả kiểm tra phải đạt yêu cầu theo quy định tại 3.1.2.

4.3 Kiểm tra chỉ tiêu kỹ thuật

- Xác định mật độ ô lưới bằng cách dùng dướng có đục lỗ hình vuông với kích thước cạnh 1 cm, đặt dướng sao cho các cạnh vuông song song với canh vải sau đó dùng kim chằm vào ô lưới để đếm thứ tự theo từng hàng;
- Dùng phương tiện đo, kiểm tra được quy định tại Bảng A.1 Phụ lục A, kiểm tra chỉ tiêu kỹ thuật của màn tuyn đơn dân quân thường trực. Kết quả kiểm tra phải đạt yêu cầu theo quy định tại 3.2.

5 Xử lý chung

Màn tuyn đơn dân quân thường trực sau sản xuất kiểm tra phải đạt các yêu cầu theo quy định tại Tiêu chuẩn này. Trường hợp kiểm tra không đạt yêu cầu theo quy định tại Tiêu chuẩn này phải tiến hành kiểm tra lại với số lượng mẫu gấp đôi cũng lấy từ chính lô sản phẩm đó. Trường hợp kiểm tra lại vẫn không đạt yêu cầu thì không được đưa vào sử dụng.

6 Ghi nhãn, bao gói, vận chuyển, bảo quản

6.1 Ghi nhãn

Sản phẩm được gắn nhãn có đầy đủ các thông tin: Tên đơn vị sản xuất, năm sản xuất. Nhãn được gắn ở sát cạnh của đáy góc tam giác vuông cân trên đường may viền đỉnh màn phía có đường may chập thân màn.

6.2 Bao gói

Màn tuyn đơn dân quân thường trực được gấp gọn gàng, từng màn tuyn được đựng trong 1 túi PE sau đó đóng 20 cái/kiện. Đóng kiện bằng bao PP được quy định tại Phụ lục D.

6.3 Vận chuyển

Sản phẩm được vận chuyển bằng phương tiện vận tải thông dụng và được che đậy cẩn thận tránh mưa, nắng.

6.4 Bảo quản

Sản phẩm được bảo quản nơi khô ráo, tránh mưa, nắng; không để chung với các loại hóa chất, xăng dầu.